

Chương IV. BIỂU MẪU MỜI THẦU VÀ DỰ THẦU

Stt	Biểu mẫu	Cách thức thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	
			Chủ đầu tư	Nhà thầu
1	Mẫu số 01B. Phạm vi cung cấp hàng hóa (Áp dụng đối với hợp đồng theo đơn giá)	Webform	X	
2	Mẫu số 02A. Đơn dự thầu (áp dụng đối với nhà thầu là tổ chức)			X
3	Mẫu số 02B. Đơn dự thầu (áp dụng đối với nhà thầu là cá nhân, nhóm cá nhân sản xuất sản phẩm đổi mới sáng tạo)			X
4	Mẫu số 02C. Văn bản thỏa thuận (áp dụng đối với nhóm cá nhân sản xuất sản phẩm đổi mới sáng tạo)			X
5	Mẫu số 03. Thỏa thuận liên danh			X
6	Mẫu số 04A. Bảo lãnh dự thầu (áp dụng đối với nhà thầu độc lập)	Scan và đính kèm hoặc bảo lãnh điện tử		X
7	Mẫu số 04B. Bảo lãnh dự thầu (áp dụng đối với nhà thầu liên danh)			X
8	Mẫu số 05A. Hợp đồng tương tự do nhà thầu thực hiện (áp dụng đối với nhà thầu thương mại)	Webform		X
9	Mẫu số 05B. Kê khai năng lực sản xuất hàng hóa (áp dụng đối với nhà thầu là nhà sản xuất)			X
10	Mẫu số 07. Hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ			X
11	Mẫu số 08. Tình hình tài chính của nhà thầu			X
12	Mẫu số 09A. Phạm vi công việc sử dụng nhà thầu phụ			X
13	Mẫu số 09B. Danh sách các công ty con, công ty thành viên đảm nhận phần công việc của gói thầu			X
14	Mẫu số 10A. Bảng tiến độ cung cấp			X
15	Mẫu số 10B. Đề xuất về hàng hóa của nhà thầu			X
16	Mẫu số 11.1. Bảng tổng hợp giá dự thầu (Trường hợp E-HSMT yêu cầu chào thầu theo Mẫu số 12.1 Chương này)			X
17	Mẫu số 12.1B. Bảng giá dự thầu của hàng hóa (áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá)			X

18	Mẫu số 13A. Bảng giá dự thầu cho các dịch vụ liên quan (áp dụng loại hợp đồng trọn gói và loại hợp đồng theo đơn giá)			X
19	Mẫu số 14A. Bảng giá vật tư, phụ tùng thay thế (Áp dụng trong trường hợp yêu cầu nhà thầu tự đề xuất)			X
20	Mẫu số 15A. Bảng kê hàng hóa thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi			X
21	Mẫu số 15B. Chi phí sản xuất trong nước đối với hàng hóa được hưởng ưu đãi (trường hợp kê khai chi phí nhập ngoại)			X
22	Mẫu số 15C. Chi phí sản xuất trong nước đối với hàng hóa được hưởng ưu đãi (trường hợp kê khai chi phí sản xuất tại Việt Nam)			X

PHẠM VI CUNG CẤP HÀNG HÓA

(Áp dụng đối với loại hợp đồng theo đơn giá)

Chủ đầu tư liệt kê chi tiết danh mục các hàng hóa yêu cầu cung cấp. Trong đó cần nêu rõ danh mục hàng hóa với số lượng, chủng loại yêu cầu và các mô tả, diễn giải chi tiết (nếu cần thiết).

STT	Mã phần/ lô	Tên Phần/ lô	Danh mục hàng hóa ⁽¹⁾	Mã hàng hóa	Phân nhóm	Đơn vị tính	Khối lượng	Mô tả hàng hóa ⁽²⁾	Yêu cầu về xuất xứ hàng hóa (nếu có) ⁽³⁾	Địa điểm dự án	Tiến độ giao hàng ⁽⁴⁾
1	PP2500466813	Vật tư y tế phẫu thuật kết hợp xương									
1.1			Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùm trong phẫu thuật các loại, các cỡ	N07.06.040		Cái	100	Theo quy định tại Chương V.	Châu Âu	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
1.2			Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùm trong phẫu thuật các loại, các cỡ	N07.06.040		Cái	20	Theo quy định tại Chương V.	Châu Âu	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
1.3			Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùm trong phẫu thuật các loại, các cỡ	N07.06.040		Cái	20	Theo quy định tại Chương V.	Châu Âu	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
1.4			Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùm trong phẫu thuật các loại, các cỡ	N07.06.040		Cái	10	Theo quy định tại Chương V.	Châu Âu	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
1.5			Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùm trong phẫu thuật các loại, các cỡ	N07.06.040		Cái	10	Theo quy định tại Chương V.	Châu Âu	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
1.6			Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùm trong phẫu thuật các loại, các cỡ	N07.06.040		Cái	10	Theo quy định tại Chương V.	Châu Âu	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng

STT	Mã phần/ lô	Tên Phần/ lô	Danh mục hàng hóa ⁽¹⁾	Mã hàng hóa	Phân nhóm	Đơn vị tính	Khối lượng	Mô tả hàng hóa ⁽²⁾	Yêu cầu về xuất xứ hàng hóa (nếu có) ⁽³⁾	Địa điểm dự án	Tiến độ giao hàng ⁽⁴⁾
1.7			Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lông dùi trong phẫu thuật các loại, các cỡ	N07.06.040		Cái	10	Theo quy định tại Chương V.	Châu Âu	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
1.8			Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lông dùi trong phẫu thuật các loại, các cỡ	N07.06.040		Cái	10	Theo quy định tại Chương V.	Châu Âu	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
1.9			Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lông dùi trong phẫu thuật các loại, các cỡ	N07.06.040		Cái	10	Theo quy định tại Chương V.	Châu Âu	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
1.10			Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lông dùi trong phẫu thuật các loại, các cỡ	N07.06.040		Cái	15	Theo quy định tại Chương V.	Châu Âu	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
1.11			Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lông dùi trong phẫu thuật các loại, các cỡ	N07.06.040		Cái	15	Theo quy định tại Chương V.	Châu Âu	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
1.12			Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lông dùi trong phẫu thuật các loại, các cỡ	N07.06.040		Cái	15	Theo quy định tại Chương V.	Châu Âu	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
1.13			Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lông dùi trong phẫu thuật các loại, các cỡ	N07.06.040		Cái	10	Theo quy định tại Chương V.	Châu Âu	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
1.14			Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lông dùi trong phẫu thuật các loại, các cỡ	N07.06.040		Cái	10	Theo quy định tại Chương V.	Châu Âu	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng

STT	Mã phần/ lô	Tên Phần/ lô	Danh mục hàng hóa ⁽¹⁾	Mã hàng hóa	Phân nhóm	Đơn vị tính	Khối lượng	Mô tả hàng hóa ⁽²⁾	Yêu cầu về xuất xứ hàng hóa (nếu có) ⁽³⁾	Địa điểm dự án	Tiến độ giao hàng ⁽⁴⁾
1.15			Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lông dùi trong phẫu thuật các loại, các cỡ	N07.06.040		Cái	15	Theo quy định tại Chương V.	Châu Âu	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
1.16			Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lông dùi trong phẫu thuật các loại, các cỡ	N07.06.040		Cái	10	Theo quy định tại Chương V.	Châu Âu	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
1.17			Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lông dùi trong phẫu thuật các loại, các cỡ	N07.06.040		Cái	10	Theo quy định tại Chương V.	Châu Âu	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
1.18			Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lông dùi trong phẫu thuật các loại, các cỡ	N07.06.040		Cái	15	Theo quy định tại Chương V.	Châu Âu	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
1.19			Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lông dùi trong phẫu thuật các loại, các cỡ	N07.06.040		Cái	10	Theo quy định tại Chương V.	Châu Âu	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
1.20			Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lông dùi trong phẫu thuật các loại, các cỡ	N07.06.040		Cái	10	Theo quy định tại Chương V.	Châu Âu	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
1.21			Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lông dùi trong phẫu thuật các loại, các cỡ	N07.06.040		Cái	20	Theo quy định tại Chương V.	Châu Âu	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
1.22			Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lông dùi trong phẫu thuật các loại, các cỡ	N07.06.040		Cái	40	Theo quy định tại Chương V.	Châu Âu	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng

STT	Mã phần/ lô	Tên Phần/ lô	Danh mục hàng hóa ⁽¹⁾	Mã hàng hóa	Phân nhóm	Đơn vị tính	Khối lượng	Mô tả hàng hóa ⁽²⁾	Yêu cầu về xuất xứ hàng hóa (nếu có) ⁽³⁾	Địa điểm dự án	Tiến độ giao hàng ⁽⁴⁾
1.23			Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	N07.06.040		Cái	10	Theo quy định tại Chương V.	Châu Âu	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
1.24			Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	N07.06.040		Cái	120	Theo quy định tại Chương V.	Châu Âu	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
1.25			Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	N07.06.040		Cái	120	Theo quy định tại Chương V.	Châu Âu	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
1.26			Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	N07.06.040		Cái	300	Theo quy định tại Chương V.	Châu Âu	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
1.27			Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	N07.06.040		Cái	350	Theo quy định tại Chương V.	Châu Âu	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
1.28			Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	N07.06.040		Cái	300	Theo quy định tại Chương V.	Châu Âu	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
1.29			Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	N07.06.040		Cái	250	Theo quy định tại Chương V.	Châu Âu	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
1.30			Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	N07.06.040		Cái	20	Theo quy định tại Chương V.	Châu Âu	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng

STT	Mã phần/ lô	Tên Phần/ lô	Danh mục hàng hóa ⁽¹⁾	Mã hàng hóa	Phân nhóm	Đơn vị tính	Khối lượng	Mô tả hàng hóa ⁽²⁾	Yêu cầu về xuất xứ hàng hóa (nếu có) ⁽³⁾	Địa điểm dự án	Tiến độ giao hàng ⁽⁴⁾
1.31			Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	N07.06.040		Cái	100	Theo quy định tại Chương V.	Châu Âu	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
1.32			Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	N07.06.040		Cái	20	Theo quy định tại Chương V.	Châu Á	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
1.33			Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	N07.06.040		Cái	20	Theo quy định tại Chương V.	Châu Á	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
1.34			Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	N07.06.040		Cái	20	Theo quy định tại Chương V.	Châu Á	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
1.35			Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	N07.06.040		Cái	150	Theo quy định tại Chương V.	Châu Á	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
2	PP2500466814	Vật tư y tế phẫu thuật nội soi khớp gối, khớp vai									
2.1			Bộ dây dẫn dịch vào khớp các loại, các cỡ	N04.03.010		Bộ	10	Theo quy định tại Chương V.	G7	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
2.2			Chỉ khâu không tiêu các loại, các cỡ	N05.02.030		Sợi	10	Theo quy định tại Chương V.	Châu Mỹ	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
2.3			Đầu đốt (đơn cực, lưỡng cực, kết hợp đơn cực lưỡng cực), lưỡi	N05.03.040		Cái	5	Theo quy định tại Chương V.	Châu Mỹ	Kho của Bệnh viện	18 tháng

STT	Mã phần/ lô	Tên Phần/ lô	Danh mục hàng hóa ⁽¹⁾	Mã hàng hóa	Phân nhóm	Đơn vị tính	Khối lượng	Mô tả hàng hóa ⁽²⁾	Yêu cầu về xuất xứ hàng hóa (nếu có) ⁽³⁾	Địa điểm dự án	Tiến độ giao hàng ⁽⁴⁾
			dao mổ điện, dao mổ laser, dao mổ siêu âm, dao mổ plasma, dao radio, dao cắt gan siêu âm, dao cắt hàn mạch, hàn mô các loại, các cỡ (bao gồm cả tay dao và dây dao)							Quân Dân Y Miền Đông	
2.4			Đầu đốt (đơn cực, lưỡng cực, kết hợp đơn cực lưỡng cực), lưỡi dao mổ điện, dao mổ laser, dao mổ siêu âm, dao mổ plasma, dao radio, dao cắt gan siêu âm, dao cắt hàn mạch, hàn mô các loại, các cỡ (bao gồm cả tay dao và dây dao)	N05.03.040		Cái	5	Theo quy định tại Chương V.	Châu Mỹ	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
2.5			Lưỡi bào, lưỡi cắt, dao cắt sụn, lưỡi đốt dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ (bao gồm cả tay dao)	N05.03.060		Cái	15	Theo quy định tại Chương V.	G7	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
2.6			Lưỡi bào, lưỡi cắt, dao cắt sụn, lưỡi đốt dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ (bao gồm cả tay dao)	N05.03.060		Cái	15	Theo quy định tại Chương V.	G7	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
2.7			Lưỡi bào, lưỡi cắt, dao cắt sụn, lưỡi đốt dùng trong phẫu thuật các	N05.03.060		Cái	15	Theo quy định tại Chương V.	G7	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng

STT	Mã phần/ lô	Tên Phần/ lô	Danh mục hàng hóa ⁽¹⁾	Mã hàng hóa	Phân nhóm	Đơn vị tính	Khối lượng	Mô tả hàng hóa ⁽²⁾	Yêu cầu về xuất xứ hàng hóa (nếu có) ⁽³⁾	Địa điểm dự án	Tiến độ giao hàng ⁽⁴⁾
			loại, các cỡ (bao gồm cả tay dao)								
2.8			Lưỡi cắt, đốt bằng sóng radio các loại, các cỡ	N05.03.090		Cái	10	Theo quy định tại Chương V.	Châu Mỹ	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
2.9			Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùm trong phẫu thuật các loại, các cỡ	N07.06.040		Cái	5	Theo quy định tại Chương V.	Châu Mỹ	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
2.10			Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùm trong phẫu thuật các loại, các cỡ	N07.06.040		Cái	10	Theo quy định tại Chương V.	Châu Mỹ	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
2.11			Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùm trong phẫu thuật các loại, các cỡ	N07.06.040		Cái	10	Theo quy định tại Chương V.	Châu Mỹ	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
2.12			Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùm trong phẫu thuật các loại, các cỡ	N07.06.040		Cái	5	Theo quy định tại Chương V.	Châu Mỹ	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
2.13			Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùm trong phẫu thuật các loại, các cỡ	N07.06.040		Cái	25	Theo quy định tại Chương V.	Châu Mỹ	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
2.14			Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùm trong phẫu thuật các loại, các cỡ	N07.06.040		Cái	25	Theo quy định tại Chương V.	G7	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
2.15			Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùm	N07.06.040		Cái	25	Theo quy định tại Chương V.	G7	Kho của Bệnh viện	18 tháng

STT	Mã phần/ lô	Tên Phần/ lô	Danh mục hàng hóa ⁽¹⁾	Mã hàng hóa	Phân nhóm	Đơn vị tính	Khối lượng	Mô tả hàng hóa ⁽²⁾	Yêu cầu về xuất xứ hàng hóa (nếu có) ⁽³⁾	Địa điểm dự án	Tiến độ giao hàng ⁽⁴⁾
			trong phẫu thuật các loại, các cỡ							Quân Dân Y Miền Đông	
2.16			Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùm trong phẫu thuật các loại, các cỡ	N07.06.040		Cái	25	Theo quy định tại Chương V.	Châu Mỹ	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
2.17			Troca nhựa dùm trong phẫu thuật nội soi các loại, các cỡ	N08.00.470		Cái	15	Theo quy định tại Chương V.	G7/Châu Á	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
3	PP2500466815	Vật tư y tế phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng									
3.1			Lưỡi bào, lưỡi cắt, dao cắt sụn. lưỡi đốt dùm trong phẫu thuật các loại, các cỡ (bao gồm cả tay dao)	N05.03.060		Cái	40	Theo quy định tại Chương V.	G7	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
3.2			Lưỡi bào, lưỡi cắt, dao cắt sụn. lưỡi đốt dùm trong phẫu thuật các loại, các cỡ (bao gồm cả tay dao)	N05.03.060		Cái	20	Theo quy định tại Chương V.	G7	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
3.3			Đinh, nẹp. ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùm trong phẫu thuật các loại, các cỡ	N07.06.040		Cái	50	Theo quy định tại Chương V.	G7	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
3.4			Đinh, nẹp. ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùm trong phẫu thuật các loại, các cỡ	N07.06.040		Cái	90	Theo quy định tại Chương V.	G7	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
3.5			Đinh, nẹp. ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùm	N07.06.040		Cái	90	Theo quy định tại Chương V.	G7	Kho của Bệnh viện	18 tháng

STT	Mã phần/ lô	Tên Phần/ lô	Danh mục hàng hóa ⁽¹⁾	Mã hàng hóa	Phân nhóm	Đơn vị tính	Khối lượng	Mô tả hàng hóa ⁽²⁾	Yêu cầu về xuất xứ hàng hóa (nếu có) ⁽³⁾	Địa điểm dự án	Tiến độ giao hàng ⁽⁴⁾
		2023 và Luật Đấu thầu năm 2023									
6.1			Đầu camera trong thủ thuật, phẫu thuật các loại, các cỡ	N08.00.180		Bộ	20	Theo quy định tại Chương V.	Châu Á	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
6.2			Rọ, bóng lấy sỏi, dị vật, polyp, bệnh phẩm các loại, các cỡ	N07.04.100		Cái	10	Theo quy định tại Chương V.	G7	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
6.3			Thông gió dormia trong nội soi lấy sỏi niệu quản các loại, các cỡ	N07.05.100		Cái	20	Theo quy định tại Chương V.	G7	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
6.4			Dây dẫn ánh sáng lạnh dùng trong thủ thuật, phẫu thuật các loại, các cỡ	N08.00.170		Cái	10	Theo quy định tại Chương V.	G7	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
7	PP2500466819	Vật tư y tế phẫu thuật tán sỏi qua da và phẫu thuật tuyến tiền liệt. Nhà thầu trúng thầu chịu trách nhiệm cung cấp cho chủ đầu tư thiết bị y tế (Máy điện cực) để sử dụng vật tư y tế theo quy định của Luật khám bệnh, chữa bệnh năm 2023 và Luật Đấu thầu năm 2023									
7.1			Bộ nong nhựa kèm amplatzet dùng trong tán sỏi thận qua da các loại, các cỡ	N07.05.040		Bộ	20	Theo quy định tại Chương V.	G7	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng

STT	Mã phần/ lô	Tên Phần/ lô	Danh mục hàng hóa ⁽¹⁾	Mã hàng hóa	Phân nhóm	Đơn vị tính	Khối lượng	Mô tả hàng hóa ⁽²⁾	Yêu cầu về xuất xứ hàng hóa (nếu có) ⁽³⁾	Địa điểm dự án	Tiến độ giao hàng ⁽⁴⁾
7.2			Ống thông (catheter) các loại, các cỡ	N04.04.010		Cái	30	Theo quy định tại Chương V.	G7	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
7.3			Miếng dán sát khuẩn các loại, các cỡ	N02.03.100		Miếng	30	Theo quy định tại Chương V.	G7	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
7.4			Điện cực cắt, đốt trong phẫu thuật nội soi cắt u tuyến tiền liệt các loại, các cỡ	N07.05.090		Bộ	20	Theo quy định tại Chương V.	Châu Á	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
8	PP2500466820	Các loại bơm tiêm, kim tiêm									
8.1			Bơm sử dụng để bơm thức ăn cho người bệnh các loại, các cỡ	N03.01.010		Cái	1.500	Theo quy định tại Chương V.	Việt Nam	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
8.2			Bơm tiêm (syringe) dùng một lần các loại, các cỡ	N03.01.020		Cái	200.000	Theo quy định tại Chương V.	Việt Nam	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
8.3			Bơm tiêm (syringe) dùng một lần các loại, các cỡ	N03.01.020		Cái	250.000	Theo quy định tại Chương V.	Việt Nam	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
8.4			Bơm tiêm (syringe) dùng một lần các loại, các cỡ	N03.01.020		Cái	300.000	Theo quy định tại Chương V.	Việt Nam	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
8.5			Bơm tiêm (syringe) dùng một lần các loại, các cỡ	N03.01.020		Cái	15.000	Theo quy định tại Chương V.	Việt Nam	Kho của Bệnh viện	18 tháng

STT	Mã phần/ lô	Tên Phần/ lô	Danh mục hàng hóa ⁽¹⁾	Mã hàng hóa	Phân nhóm	Đơn vị tính	Khối lượng	Mô tả hàng hóa ⁽²⁾	Yêu cầu về xuất xứ hàng hóa (nếu có) ⁽³⁾	Địa điểm dự án	Tiến độ giao hàng ⁽⁴⁾
		tư thiết bị y tế (máy phaco) để sử dụng vật tư y tế theo quy định của Luật khám bệnh, chữa bệnh năm 2023 và Luật Đấu thầu năm 2027									
13.1			Thủy tinh thể nhân tạo các loại, các cỡ	N06.03.010		Cái	20	Theo quy định tại Chương V.	G7	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
14	PP2500466826	Thủy tinh thể nhân tạo. Nhà thầu trúng thầu chịu trách nhiệm cung cấp cho chủ đầu tư thiết bị y tế (máy phaco) để sử dụng vật tư y tế theo quy định của Luật khám bệnh, chữa bệnh năm 2023 và Luật Đấu thầu năm 2028									
14.1			Thủy tinh thể nhân tạo các loại, các cỡ	N06.03.010		Cái	250	Theo quy định tại Chương V.	Châu Âu	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
15	PP2500466827	Thủy tinh thể nhân tạo. Nhà thầu trúng thầu chịu trách nhiệm cung cấp cho chủ đầu tư thiết bị y tế (máy phaco) để sử dụng vật tư y tế theo quy định của Luật khám bệnh, chữa bệnh năm 2023 và Luật Đấu thầu năm 2029									
15.1			Thủy tinh thể nhân tạo các loại, các cỡ	N06.03.010		Cái	200	Theo quy định tại Chương V.	Châu Á	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng

STT	Mã phần/ lô	Tên Phần/ lô	Danh mục hàng hóa ⁽¹⁾	Mã hàng hóa	Phân nhóm	Đơn vị tính	Khối lượng	Mô tả hàng hóa ⁽²⁾	Yêu cầu về xuất xứ hàng hóa (nếu có) ⁽³⁾	Địa điểm dự án	Tiến độ giao hàng ⁽⁴⁾
18.1			Thủy tinh thể nhân tạo các loại, các cỡ	N06.03.010		Cái	250	Theo quy định tại Chương V.	G7	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
19	PP2500466831	Thủy tinh thể nhân tạo. Nhà thầu trúng thầu chịu trách nhiệm cung cấp cho chủ đầu tư thiết bị y tế (máy phaco) để sử dụng vật tư y tế theo quy định của Luật khám bệnh, chữa bệnh năm 2023 và Luật Đấu thầu năm 2023									
19.1			Thủy tinh thể nhân tạo các loại, các cỡ	N06.03.010		Cái	250	Theo quy định tại Chương V.	G7	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
20	PP2500466832	Vật tư y tế phẫu thuật nội soi, mổ mở sử dụng Máy phẫu thuật sóng siêu âm. Nhà thầu trúng thầu chịu trách nhiệm cung cấp cho chủ đầu tư thiết bị y tế (Máy phẫu thuật sóng siêu âm) để sử dụng vật tư y tế theo quy định của Luật khám bệnh, chữa bệnh năm 2023 và Luật Đấu thầu năm 2023									
20.1			Đầu đốt (đơn cực, lưỡng cực, kết hợp đơn cực lưỡng cực), lưỡi dao mổ điện, dao mổ laser, dao mổ siêu âm, dao mổ plasma, dao	N05.03.040		Cái	2	Theo quy định tại Chương V.	Châu Á	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng

STT	Mã phần/ lô	Tên Phần/ lô	Danh mục hàng hóa ⁽¹⁾	Mã hàng hóa	Phân nhóm	Đơn vị tính	Khối lượng	Mô tả hàng hóa ⁽²⁾	Yêu cầu về xuất xứ hàng hóa (nếu có) ⁽³⁾	Địa điểm dự án	Tiến độ giao hàng ⁽⁴⁾
		phẫu thuật sóng siêu âm) để sử dụng vật tư y tế theo quy định của Luật khám bệnh, chữa bệnh năm 2023 và Luật Đấu thầu năm 2023									
22.1			Đầu đốt (đơn cực, lưỡng cực, kết hợp đơn cực lưỡng cực), lưỡi dao mổ điện, dao mổ laser, dao mổ siêu âm, dao mổ plasma, dao radio, dao cắt gan siêu âm, dao cắt hàn mạch, hàn mô các loại, các cỡ (bao gồm cả tay dao và dây dao)	N05.03.040		Cái	20	Theo quy định tại Chương V.	Châu Á	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
23	PP2500466835	Vật tư y tế phẫu thuật nội soi, mổ mở sử dụng Máy phẫu thuật sóng siêu âm. Nhà thầu trúng thầu chịu trách nhiệm cung cấp cho chủ đầu tư thiết bị y tế (Máy phẫu thuật sóng siêu âm) để sử dụng vật tư y tế theo quy định của Luật khám bệnh, chữa bệnh năm 2023 và Luật Đấu thầu năm 2023									
23.1			Đầu đốt (đơn cực, lưỡng cực, kết hợp đơn cực lưỡng cực), lưỡi dao mổ điện, dao mổ laser, dao mổ siêu âm, dao mổ plasma, dao	N05.03.040		Cái	20	Theo quy định tại Chương V.	Châu Á	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng

STT	Mã phần/ lô	Tên Phần/ lô	Danh mục hàng hóa ⁽¹⁾	Mã hàng hóa	Phân nhóm	Đơn vị tính	Khối lượng	Mô tả hàng hóa ⁽²⁾	Yêu cầu về xuất xứ hàng hóa (nếu có) ⁽³⁾	Địa điểm dự án	Tiến độ giao hàng ⁽⁴⁾
		phẫu thuật sóng siêu âm) để sử dụng vật tư y tế theo quy định của Luật khám bệnh, chữa bệnh năm 2023 và Luật Đấu thầu năm 2023									
25.1			Đầu đốt (đơn cực, lưỡng cực, kết hợp đơn cực lưỡng cực), lưỡi dao mổ điện, dao mổ laser, dao mổ siêu âm, dao mổ plasma, dao radio, dao cắt gan siêu âm, dao cắt hàn mạch, hàn mô các loại, các cỡ (bao gồm cả tay dao và dây dao)	N05.03.040		Cái	2	Theo quy định tại Chương V.	Châu Á	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
26	PP2500466838	Vật tư y tế phẫu thuật nội soi, mổ mở sử dụng Máy phẫu thuật sóng siêu âm. Nhà thầu trúng thầu chịu trách nhiệm cung cấp cho chủ đầu tư thiết bị y tế (Máy phẫu thuật sóng siêu âm) để sử dụng vật tư y tế theo quy định của Luật khám bệnh, chữa bệnh năm 2023 và Luật Đấu thầu năm 2023									
26.1			Đầu đốt (đơn cực, lưỡng cực, kết hợp đơn cực lưỡng cực), lưỡi dao mổ điện, dao mổ laser, dao mổ siêu âm, dao mổ plasma, dao	N05.03.040		Cái	30	Theo quy định tại Chương V.	Châu Á	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng

STT	Mã phần/ lô	Tên Phần/ lô	Danh mục hàng hóa ⁽¹⁾	Mã hàng hóa	Phân nhóm	Đơn vị tính	Khối lượng	Mô tả hàng hóa ⁽²⁾	Yêu cầu về xuất xứ hàng hóa (nếu có) ⁽³⁾	Địa điểm dự án	Tiến độ giao hàng ⁽⁴⁾
		phẫu thuật sóng siêu âm) để sử dụng vật tư y tế theo quy định của Luật khám bệnh, chữa bệnh năm 2023 và Luật Đầu thầu năm 2023									
28.1			Đầu đốt (đơn cực, lưỡng cực, kết hợp đơn cực lưỡng cực), lưỡi dao mổ điện, dao mổ laser, dao mổ siêu âm, dao mổ plasma, dao radio, dao cắt gan siêu âm, dao cắt hàn mạch, hàn mô các loại, các cỡ (bao gồm cả tay dao và dây dao)	N05.03.040		Cái	20	Theo quy định tại Chương V.	Châu Á	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
29	PP2500466841	Bông (gòn), bông tẩm dung dịch các loại, các cỡ									
29.1			Bông (gòn), bông tẩm dung dịch các loại, các cỡ	N01.01.010		Gói/ Cuộn	700	Theo quy định tại Chương V.	Việt Nam	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
30	PP2500466842	Bông (gòn), bông tẩm dung dịch các loại, các cỡ									
30.1			Bông (gòn), bông tẩm dung dịch các loại, các cỡ	N01.01.010		Gói/ Cuộn	2.000	Theo quy định tại Chương V.	Việt Nam	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
31	PP2500466843	Bông (gòn), bông tẩm dung dịch các loại, các cỡ									
31.1			Bông (gòn), bông tẩm dung dịch các loại, các cỡ	N01.01.010		Gói/ Cuộn	2.000	Theo quy định tại Chương V.	Việt Nam	Kho của Bệnh viện	18 tháng

STT	Mã phần/ lô	Tên Phần/ lô	Danh mục hàng hóa ⁽¹⁾	Mã hàng hóa	Phân nhóm	Đơn vị tính	Khối lượng	Mô tả hàng hóa ⁽²⁾	Yêu cầu về xuất xứ hàng hóa (nếu có) ⁽³⁾	Địa điểm dự án	Tiến độ giao hàng ⁽⁴⁾
51.1			Gạc các loại, các cỡ	N02.03.020		Cuộn, gói, miếng	4.000	Theo quy định tại Chương V.	Việt Nam	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
52	PP2500466864	Gạc các loại, các cỡ									
52.1			Gạc các loại, các cỡ	N02.03.020		Mét	15.000	Theo quy định tại Chương V.	Việt Nam	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
53	PP2500466865	Gạc các loại, các cỡ									
53.1			Gạc các loại, các cỡ	N02.03.020		Cuộn, gói, miếng	200.000	Theo quy định tại Chương V.	Việt Nam	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
54	PP2500466866	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm (bao gồm: miếng xóp, đầu nối, dây dẫn dịch, băng dán cố định)									
54.1			Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm (bao gồm: miếng xóp, đầu nối, dây dẫn dịch, băng dán cố định)	N02.04.060		Cái	200	Theo quy định tại Chương V.	Châu Á	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
55	PP2500466867	Bơm tiêm insulin các loại, các cỡ									
55.1			Bơm tiêm insulin các loại, các cỡ	N03.01.060		Cái	300.000	Theo quy định tại Chương V.	Việt Nam	Kho của Bệnh viện	18 tháng

STT	Mã phần/ lô	Tên Phần/ lô	Danh mục hàng hóa ⁽¹⁾	Mã hàng hóa	Phân nhóm	Đơn vị tính	Khối lượng	Mô tả hàng hóa ⁽²⁾	Yêu cầu về xuất xứ hàng hóa (nếu có) ⁽³⁾	Địa điểm dự án	Tiến độ giao hàng ⁽⁴⁾
										Quân Dân Y Miền Đông	
56	PP2500466868	Bơm tiêm insulin các loại, các cỡ									
56.1			Bơm tiêm insulin các loại, các cỡ	N03.01.060		Cái	200.000	Theo quy định tại Chương V.	Asean	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
57	PP2500466869	Kim lềun mạch máu các loại, các cỡ									
57.1			Kim lềun mạch máu các loại, các cỡ	N03.02.070		Cái	55.000	Theo quy định tại Chương V.	Châu Á	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
58	PP2500466870	Kim lềun mạch máu các loại, các cỡ									
58.1			Kim lềun mạch máu các loại, các cỡ	N03.02.070		Cái	7.000	Theo quy định tại Chương V.	Châu Á	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
59	PP2500466871	Kim lềun mạch máu các loại, các cỡ									
59.1			Kim lềun mạch máu các loại, các cỡ	N03.02.070		Cái	6.000	Theo quy định tại Chương V.	Châu Á	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
60	PP2500466872	Nút chặn đđuôi kim lềun (có hoặc không có heparin) các loại, các cỡ									
60.1			Nút chặn đđuôi kim lềun (có hoặc không có heparin) các loại, các cỡ	N03.02.090		Cái	15.000	Theo quy định tại Chương V.	Việt Nam	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng

STT	Mã phần/ lô	Tên Phần/ lô	Danh mục hàng hóa ⁽¹⁾	Mã hàng hóa	Phân nhóm	Đơn vị tính	Khối lượng	Mô tả hàng hóa ⁽²⁾	Yêu cầu về xuất xứ hàng hóa (nếu có) ⁽³⁾	Địa điểm dự án	Tiến độ giao hàng ⁽⁴⁾
74.1			Túi, lọ, hộp đựng bệnh phẩm các loại, các cỡ	N03.07.070		Cái	40.000	Theo quy định tại Chương V.	Việt Nam	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
75	PP2500466887	Túi, lọ, hộp đựng bệnh phẩm các loại, các cỡ									
75.1			Túi, lọ, hộp đựng bệnh phẩm các loại, các cỡ	N03.07.070		Cái	40.000	Theo quy định tại Chương V.	Việt Nam	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
76	PP2500466888	Túi, lọ, hộp đựng bệnh phẩm các loại, các cỡ									
76.1			Túi, lọ, hộp đựng bệnh phẩm các loại, các cỡ	N03.07.070		Cái	30.000	Theo quy định tại Chương V.	Việt Nam	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
77	PP2500466889	Túi, lọ, hộp đựng bệnh phẩm các loại, các cỡ									
77.1			Túi, lọ, hộp đựng bệnh phẩm các loại, các cỡ	N03.07.070		Cái	40.000	Theo quy định tại Chương V.	Việt Nam	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
78	PP2500466890	Túi, lọ, hộp đựng bệnh phẩm các loại, các cỡ									
78.1			Túi, lọ, hộp đựng bệnh phẩm các loại, các cỡ	N03.07.070		Cái	50.000	Theo quy định tại Chương V.	Việt Nam	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
79	PP2500466891	Túi, lọ, hộp đựng bệnh phẩm các loại, các cỡ									
79.1			Túi, lọ, hộp đựng bệnh phẩm các loại, các cỡ	N03.07.070		Cái	200.000	Theo quy định tại Chương V.	Việt Nam	Kho của Bệnh viện	18 tháng

STT	Mã phần/ lô	Tên Phần/ lô	Danh mục hàng hóa ⁽¹⁾	Mã hàng hóa	Phân nhóm	Đơn vị tính	Khối lượng	Mô tả hàng hóa ⁽²⁾	Yêu cầu về xuất xứ hàng hóa (nếu có) ⁽³⁾	Địa điểm dự án	Tiến độ giao hàng ⁽⁴⁾
										Quân Dân Y Miền Đông	
80	PP2500466892	Túi, lọ, hộp đựng bệnh phẩm các loại, các cỡ									
80.1			Túi, lọ, hộp đựng bệnh phẩm các loại, các cỡ	N03.07.070		Cái	40.000	Theo quy định tại Chương V.	Việt Nam	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
81	PP2500466893	Túi, lọ, hộp đựng bệnh phẩm các loại, các cỡ									
81.1			Túi, lọ, hộp đựng bệnh phẩm các loại, các cỡ	N03.07.070		Cái	40.000	Theo quy định tại Chương V.	Việt Nam	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
82	PP2500466894	Túi, lọ, hộp đựng bệnh phẩm các loại, các cỡ									
82.1			Túi, lọ, hộp đựng bệnh phẩm các loại, các cỡ	N03.07.070		Cái	40.000	Theo quy định tại Chương V.	Việt Nam	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
83	PP2500466895	Ca-nuyn (cannula) các loại, các cỡ									
83.1			Ca-nuyn (cannula) các loại, các cỡ	N04.01.010		Cái	2.000	Theo quy định tại Chương V.	Châu Á	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
84	PP2500466896	Ống nội khí quản sử dụng một lần các loại, các cỡ (bao gồm ống nội khí quản canlene)									
84.1			Ống nội khí quản sử dụng một lần các loại,	N04.01.030		Cái	2.500	Theo quy định tại Chương V.	Châu Á	Kho của Bệnh viện	18 tháng

STT	Mã phần/ lô	Tên Phần/ lô	Danh mục hàng hóa ⁽¹⁾	Mã hàng hóa	Phân nhóm	Đơn vị tính	Khối lượng	Mô tả hàng hóa ⁽²⁾	Yêu cầu về xuất xứ hàng hóa (nếu có) ⁽³⁾	Địa điểm dự án	Tiến độ giao hàng ⁽⁴⁾
			các cỡ (bao gồm ống nội khí quản canlene)							Quân Dân Y Miền Đông	
85	PP2500466897	Thông (sonde) các loại, các cỡ									
85.1			Thông (sonde) các loại, các cỡ	N04.01.090		Cái	1.000	Theo quy định tại Chương V.	Việt Nam	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
86	PP2500466898	Thông (sonde) các loại, các cỡ									
86.1			Thông (sonde) các loại, các cỡ	N04.01.090		Cái	500	Theo quy định tại Chương V.	Việt Nam	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
87	PP2500466899	Thông (sonde) các loại, các cỡ									
87.1			Thông (sonde) các loại, các cỡ	N04.01.090		Cái	2.000	Theo quy định tại Chương V.	Châu Á	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
88	PP2500466900	Thông (sonde) các loại, các cỡ									
88.1			Thông (sonde) các loại, các cỡ	N04.01.090		Cái	2.000	Theo quy định tại Chương V.	Châu Á	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
89	PP2500466901	Bộ rửa dạ dày sử dụng một lần các loại, các cỡ									
89.1			Bộ rửa dạ dày sử dụng một lần các loại, các cỡ	N04.02.010		Bộ	100	Theo quy định tại Chương V.	Châu Á	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng

STT	Mã phần/ lô	Tên Phần/ lô	Danh mục hàng hóa ⁽¹⁾	Mã hàng hóa	Phân nhóm	Đơn vị tính	Khối lượng	Mô tả hàng hóa ⁽²⁾	Yêu cầu về xuất xứ hàng hóa (nếu có) ⁽³⁾	Địa điểm dự án	Tiến độ giao hàng ⁽⁴⁾
95.1			Ống, dây hút đờm, dịch, khí, mỡ các loại, các cỡ	N04.02.060		Cái	3.000	Theo quy định tại Chương V.	Việt Nam	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
96	PP2500466908	Bộ dây lọc máu các loại, các cỡ									
96.1			Bộ dây lọc máu các loại, các cỡ	N04.03.020		Bộ	15.000	Theo quy định tại Chương V.	Châu Á	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
97	PP2500466909	Bộ dây thở ô-xy dùng một lần các loại, các cỡ									
97.1			Bộ dây thở ô-xy dùng một lần các loại, các cỡ	N04.03.030		Cái	12.000	Theo quy định tại Chương V.	Việt Nam	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
98	PP2500466910	Bộ dây thở ô-xy dùng một lần các loại, các cỡ									
98.1			Bộ dây thở ô-xy dùng một lần các loại, các cỡ	N04.03.030		Cái	3.000	Theo quy định tại Chương V.	Việt Nam	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
99	PP2500466911	Chỉ khâu không tiêu các loại, các cỡ									
99.1			Chỉ khâu không tiêu các loại, các cỡ	N05.02.030		Tép	300	Theo quy định tại Chương V.	Châu Âu	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
100	PP2500466912	Chỉ khâu không tiêu các loại, các cỡ									
100.1			Chỉ khâu không tiêu các loại, các cỡ	N05.02.030		Tép	300	Theo quy định tại Chương V.	Châu Âu	Kho của Bệnh viện	18 tháng

STT	Mã phần/ lô	Tên Phần/ lô	Danh mục hàng hóa ⁽¹⁾	Mã hàng hóa	Phân nhóm	Đơn vị tính	Khối lượng	Mô tả hàng hóa ⁽²⁾	Yêu cầu về xuất xứ hàng hóa (nếu có) ⁽³⁾	Địa điểm dự án	Tiến độ giao hàng ⁽⁴⁾
										Quân Dân Y Miền Đông	
101	PP2500466913	Chỉ khâu không tiêu các loại, các cỡ									
101.1			Chỉ khâu không tiêu các loại, các cỡ	N05.02.030		Tép	300	Theo quy định tại Chương V.	Châu Âu	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
102	PP2500466914	Chỉ khâu không tiêu các loại, các cỡ									
102.1			Chỉ khâu không tiêu các loại, các cỡ	N05.02.030		Tép	400	Theo quy định tại Chương V.	Châu Âu	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
103	PP2500466915	Chỉ khâu không tiêu các loại, các cỡ									
103.1			Chỉ khâu không tiêu các loại, các cỡ	N05.02.030		Tép	1.000	Theo quy định tại Chương V.	Châu Âu	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
104	PP2500466916	Chỉ khâu không tiêu các loại, các cỡ									
104.1			Chỉ khâu không tiêu các loại, các cỡ	N05.02.030		Tép	1.200	Theo quy định tại Chương V.	Châu Âu	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
105	PP2500466917	Chỉ khâu không tiêu các loại, các cỡ									
105.1			Chỉ khâu không tiêu các loại, các cỡ	N05.02.030		Tép	2.000	Theo quy định tại Chương V.	Châu Âu	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng

STT	Mã phần/ lô	Tên Phần/ lô	Danh mục hàng hóa ⁽¹⁾	Mã hàng hóa	Phân nhóm	Đơn vị tính	Khối lượng	Mô tả hàng hóa ⁽²⁾	Yêu cầu về xuất xứ hàng hóa (nếu có) ⁽³⁾	Địa điểm dự án	Tiến độ giao hàng ⁽⁴⁾
111.1			Chỉ khâu không tiêu các loại, các cỡ	N05.02.030		Tép	300	Theo quy định tại Chương V.	Châu Âu	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
112	PP2500466924	Chỉ khâu tiêu chậm các loại, các cỡ									
112.1			Chỉ khâu tiêu chậm các loại, các cỡ	N05.02.050		Tép	180	Theo quy định tại Chương V.	Châu Mỹ	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
113	PP2500466925	Chỉ khâu tiêu chậm các loại, các cỡ									
113.1			Chỉ khâu tiêu chậm các loại, các cỡ	N05.02.050		Tép	120	Theo quy định tại Chương V.	Châu Mỹ	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
114	PP2500466926	Chỉ khâu tiêu chậm các loại, các cỡ									
114.1			Chỉ khâu tiêu chậm các loại, các cỡ	N05.02.050		Tép	120	Theo quy định tại Chương V.	Châu Mỹ	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
115	PP2500466927	Chỉ khâu tiêu chậm các loại, các cỡ									
115.1			Chỉ khâu tiêu chậm các loại, các cỡ	N05.02.050		Tép	300	Theo quy định tại Chương V.	Châu Âu	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
116	PP2500466928	Chỉ khâu tiêu chậm các loại, các cỡ									
116.1			Chỉ khâu tiêu chậm các loại, các cỡ	N05.02.050		Tép	800	Theo quy định tại Chương V.	Châu Âu	Kho của Bệnh viện	18 tháng

STT	Mã phần/ lô	Tên Phần/ lô	Danh mục hàng hóa ⁽¹⁾	Mã hàng hóa	Phân nhóm	Đơn vị tính	Khối lượng	Mô tả hàng hóa ⁽²⁾	Yêu cầu về xuất xứ hàng hóa (nếu có) ⁽³⁾	Địa điểm dự án	Tiến độ giao hàng ⁽⁴⁾
										Quân Dân Y Miền Đông	
117	PP2500466929	Chi khâu tiêu chậm các loại, các cỡ									
117.1			Chi khâu tiêu chậm các loại, các cỡ	N05.02.050		Tép	300	Theo quy định tại Chương V.	Châu Âu	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
118	PP2500466930	Chi khâu tiêu chậm các loại, các cỡ									
118.1			Chi khâu tiêu chậm các loại, các cỡ	N05.02.050		Tép	800	Theo quy định tại Chương V.	Châu Âu	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
119	PP2500466931	Chi khâu tiêu chậm các loại, các cỡ									
119.1			Chi khâu tiêu chậm các loại, các cỡ	N05.02.050		Tép	800	Theo quy định tại Chương V.	Châu Âu	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
120	PP2500466932	Chi khâu tiêu chậm các loại, các cỡ									
120.1			Chi khâu tiêu chậm các loại, các cỡ	N05.02.050		Tép	500	Theo quy định tại Chương V.	Châu Âu	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
121	PP2500466933	Chi khâu tiêu nhanh các loại, các cỡ									
121.1			Chi khâu tiêu nhanh các loại, các cỡ	N05.02.060		Tép	60	Theo quy định tại Chương V.	Châu Mỹ	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng

STT	Mã phần/ lô	Tên Phần/ lô	Danh mục hàng hóa ⁽¹⁾	Mã hàng hóa	Phân nhóm	Đơn vị tính	Khối lượng	Mô tả hàng hóa ⁽²⁾	Yêu cầu về xuất xứ hàng hóa (nếu có) ⁽³⁾	Địa điểm dự án	Tiến độ giao hàng ⁽⁴⁾
		cực), lưỡi dao mổ điện, dao mổ laser, dao mổ siêu âm, dao mổ plasma, dao radio, dao cắt gan siêu âm, dao cắt hàn mạch, hàn mô các loại, các cỡ (bao gồm cả tay dao và dây dao)									
128.1			Đầu đốt (đơn cực, lưỡng cực, kết hợp đơn cực lưỡng cực), lưỡi dao mổ điện, dao mổ laser, dao mổ siêu âm, dao mổ plasma, dao radio, dao cắt gan siêu âm, dao cắt hàn mạch, hàn mô các loại, các cỡ (bao gồm cả tay dao và dây dao)	N05.03.040		Cái	2	Theo quy định tại Chương V.	Châu Á	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
129	PP2500466941	Đầu đốt (đơn cực, lưỡng cực, kết hợp đơn cực lưỡng cực), lưỡi dao mổ điện, dao mổ laser, dao mổ siêu âm, dao mổ plasma, dao radio, dao cắt gan siêu âm, dao cắt hàn mạch, hàn mô các loại, các cỡ (bao gồm cả tay dao và dây dao)									
129.1			Đầu đốt (đơn cực, lưỡng cực, kết hợp đơn cực lưỡng cực), lưỡi dao mổ điện, dao mổ laser, dao mổ siêu âm, dao mổ plasma, dao	N05.03.040		Cái	20	Theo quy định tại Chương V.	Châu Á	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng

STT	Mã phần/ lô	Tên Phần/ lô	Danh mục hàng hóa ⁽¹⁾	Mã hàng hóa	Phân nhóm	Đơn vị tính	Khối lượng	Mô tả hàng hóa ⁽²⁾	Yêu cầu về xuất xứ hàng hóa (nếu có) ⁽³⁾	Địa điểm dự án	Tiến độ giao hàng ⁽⁴⁾
132.1			Khớp háng toàn phần các loại, các cỡ	N06.04.051		Bộ	10	Theo quy định tại Chương V.	G7	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
133	PP2500466945	Khớp háng toàn phần các loại, các cỡ									
133.1			Khớp háng toàn phần các loại, các cỡ	N06.04.051		Bộ	10	Theo quy định tại Chương V.	G7	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
134	PP2500466946	Khớp háng bán phần các loại, các cỡ									
134.1			Khớp háng bán phần các loại, các cỡ	N06.04.052		Bộ	10	Theo quy định tại Chương V.	G7	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
135	PP2500466947	Khớp háng toàn phần các loại, các cỡ									
135.1			Khớp háng toàn phần các loại, các cỡ	N06.04.051		Bộ	10	Theo quy định tại Chương V.	G7	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
136	PP2500466948	Khớp háng bán phần các loại, các cỡ									
136.1			Khớp háng bán phần các loại, các cỡ	N06.04.052		Bộ	10	Theo quy định tại Chương V.	G7	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
137	PP2500466949	Khớp gối các loại, các cỡ									
137.1			Khớp gối các loại, các cỡ	N06.04.053		Bộ	10	Theo quy định tại Chương V.	G7	Kho của Bệnh viện	18 tháng

STT	Mã phần/ lô	Tên Phần/ lô	Danh mục hàng hóa ⁽¹⁾	Mã hàng hóa	Phân nhóm	Đơn vị tính	Khối lượng	Mô tả hàng hóa ⁽²⁾	Yêu cầu về xuất xứ hàng hóa (nếu có) ⁽³⁾	Địa điểm dự án	Tiến độ giao hàng ⁽⁴⁾
										Quân Dân Y Miền Đông	
138	PP2500466950	Khớp háng toàn phần các loại, các cỡ									
138.1			Khớp háng toàn phần các loại, các cỡ	N06.04.051		Bộ	10	Theo quy định tại Chương V.	G7	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
139	PP2500466951	Khớp háng toàn phần các loại, các cỡ									
139.1			Khớp háng toàn phần các loại, các cỡ	N06.04.051		Bộ	10	Theo quy định tại Chương V.	G7	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
140	PP2500466952	Khớp háng toàn phần các loại, các cỡ									
140.1			Khớp háng toàn phần các loại, các cỡ	N06.04.051		Bộ	8	Theo quy định tại Chương V.	G7	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
141	PP2500466953	Khớp háng bán phần các loại, các cỡ									
141.1			Khớp háng bán phần các loại, các cỡ	N06.04.052		Bộ	8	Theo quy định tại Chương V.	G7	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
142	PP2500466954	Khớp háng bán phần các loại, các cỡ									
142.1			Khớp háng bán phần các loại, các cỡ	N06.04.052		Bộ	8	Theo quy định tại Chương V.	G7/G20	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng

STT	Mã phần/ lô	Tên Phần/ lô	Danh mục hàng hóa ⁽¹⁾	Mã hàng hóa	Phân nhóm	Đơn vị tính	Khối lượng	Mô tả hàng hóa ⁽²⁾	Yêu cầu về xuất xứ hàng hóa (nếu có) ⁽³⁾	Địa điểm dự án	Tiến độ giao hàng ⁽⁴⁾
143	PP2500466955	Khớp gối các loại, các cỡ									
143.1			Khớp gối các loại, các cỡ	N06.04.053		Bộ	12	Theo quy định tại Chương V.	G7	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
144	PP2500466956	Mảnh ghép thoát vị bẹn, thành bụng các loại, các cỡ									
144.1			Mảnh ghép thoát vị bẹn, thành bụng các loại, các cỡ	N06.05.020		Miếng	70	Theo quy định tại Chương V.	Châu Âu	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
145	PP2500466957	Mảnh ghép thoát vị bẹn, thành bụng các loại, các cỡ									
145.1			Mảnh ghép thoát vị bẹn, thành bụng các loại, các cỡ	N06.05.020		Miếng	60	Theo quy định tại Chương V.	Châu Âu	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
146	PP2500466958	Bộ thắt tĩnh mạch thực quản dùng một lần các loại, các cỡ									
146.1			Bộ thắt tĩnh mạch thực quản dùng một lần các loại, các cỡ	N07.01.200		Cái	50	Theo quy định tại Chương V.	Châu Á	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
147	PP2500466959	Bơm áp lực các loại, các cỡ									
147.1			Bơm áp lực các loại, các cỡ	N07.01.220		Cái	500	Theo quy định tại Chương V.	Châu Á	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng

STT	Mã phần/ lô	Tên Phần/ lô	Danh mục hàng hóa ⁽¹⁾	Mã hàng hóa	Phân nhóm	Đơn vị tính	Khối lượng	Mô tả hàng hóa ⁽²⁾	Yêu cầu về xuất xứ hàng hóa (nếu có) ⁽³⁾	Địa điểm dự án	Tiến độ giao hàng ⁽⁴⁾
153.1			Quả lọc thận nhân tạo các loại, các cỡ	N07.02.080		Cái	2.000	Theo quy định tại Chương V.	G7	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
154	PP2500466966	Quả lọc thận nhân tạo các loại, các cỡ									
154.1			Quả lọc thận nhân tạo các loại, các cỡ	N07.02.080		Cái	50	Theo quy định tại Chương V.	G7	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
155	PP2500466967	Chất nhầy, dung dịch hỗ trợ dùng trong phẫu thuật đặt thủy tinh thể nhân tạo Phaco các loại									
155.1			Chất nhầy, dung dịch hỗ trợ dùng trong phẫu thuật đặt thủy tinh thể nhân tạo Phaco các loại	N07.03.040		Ống	50	Theo quy định tại Chương V.	Châu Âu	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
156	PP2500466968	Chất nhầy, dung dịch hỗ trợ dùng trong phẫu thuật đặt thủy tinh thể nhân tạo Phaco các loại									
156.1			Chất nhầy, dung dịch hỗ trợ dùng trong phẫu thuật đặt thủy tinh thể nhân tạo Phaco các loại	N07.03.040		Lọ/Ống	250	Theo quy định tại Chương V.	Châu Á	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
157	PP2500466969	Chất nhuộm màu dùng trong phẫu thuật mắt các loại									
157.1			Chất nhuộm màu dùng trong phẫu thuật mắt các loại	N07.03.050		Lọ/Ống	30	Theo quy định tại Chương V.	Châu Âu	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng

STT	Mã phần/ lô	Tên Phần/ lô	Danh mục hàng hóa ⁽¹⁾	Mã hàng hóa	Phân nhóm	Đơn vị tính	Khối lượng	Mô tả hàng hóa ⁽²⁾	Yêu cầu về xuất xứ hàng hóa (nếu có) ⁽³⁾	Địa điểm dự án	Tiến độ giao hàng ⁽⁴⁾
161.1			Khung, đai, nẹp, thanh luôn dùng trong chấn thương - chỉnh hình và phục hồi chức năng các loại, các cỡ	N07.06.050		Cái	500	Theo quy định tại Chương V.	Việt Nam	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
162	PP2500466974	Khung, đai, nẹp, thanh luôn dùng trong chấn thương - chỉnh hình và phục hồi chức năng các loại, các cỡ									
162.1			Khung, đai, nẹp, thanh luôn dùng trong chấn thương - chỉnh hình và phục hồi chức năng các loại, các cỡ	N07.06.050		Cái	300	Theo quy định tại Chương V.	Việt Nam	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
163	PP2500466975	Khung, đai, nẹp, thanh luôn dùng trong chấn thương - chỉnh hình và phục hồi chức năng các loại, các cỡ									
163.1			Khung, đai, nẹp, thanh luôn dùng trong chấn thương - chỉnh hình và phục hồi chức năng các loại, các cỡ	N07.06.050		Cái	300	Theo quy định tại Chương V.	Việt Nam	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
164	PP2500466976	Khung, đai, nẹp, thanh luôn dùng trong chấn thương - chỉnh hình và phục hồi chức năng các loại, các cỡ									
164.1			Khung, đai, nẹp, thanh luôn dùng trong chấn thương - chỉnh hình và phục hồi chức năng các loại, các cỡ	N07.06.050		Cái	300	Theo quy định tại Chương V.	Việt Nam	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng

STT	Mã phần/ lô	Tên Phần/ lô	Danh mục hàng hóa ⁽¹⁾	Mã hàng hóa	Phân nhóm	Đơn vị tính	Khối lượng	Mô tả hàng hóa ⁽²⁾	Yêu cầu về xuất xứ hàng hóa (nếu có) ⁽³⁾	Địa điểm dự án	Tiến độ giao hàng ⁽⁴⁾
165	PP2500466977	Khung, đai, nẹp, thanh luôn dùng trong chấn thương - chỉnh hình và phục hồi chức năng các loại, các cỡ									
165.1			Khung, đai, nẹp, thanh luôn dùng trong chấn thương - chỉnh hình và phục hồi chức năng các loại, các cỡ	N07.06.050		Cái	200	Theo quy định tại Chương V.	Việt Nam	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
166	PP2500466978	Bao bọc camera dùng trong thủ thuật, phẫu thuật các loại, các cỡ									
166.1			Bao bọc camera dùng trong thủ thuật, phẫu thuật các loại, các cỡ	N08.00.050		Cái	2.000	Theo quy định tại Chương V.	Việt Nam	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
167	PP2500466979	Đầu côn các loại, các cỡ									
167.1			Đầu côn các loại, các cỡ	N08.00.190		Cái	40.000	Theo quy định tại Chương V.	Châu Á	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
168	PP2500466980	Đầu côn các loại, các cỡ									
168.1			Đầu côn các loại, các cỡ	N08.00.190		Cái	40.000	Theo quy định tại Chương V.	Châu Á	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
169	PP2500466981	Đầu côn các loại, các cỡ									
169.1			Đầu côn các loại, các cỡ	N08.00.190		Cái	50.000	Theo quy định tại Chương V.	Châu Á	Kho của Bệnh viện	18 tháng

STT	Mã phần/ lô	Tên Phần/ lô	Danh mục hàng hóa ⁽¹⁾	Mã hàng hóa	Phân nhóm	Đơn vị tính	Khối lượng	Mô tả hàng hóa ⁽²⁾	Yêu cầu về xuất xứ hàng hóa (nếu có) ⁽³⁾	Địa điểm dự án	Tiến độ giao hàng ⁽⁴⁾
										Quân Dân Y Miền Đông	
170	PP2500466982	Đầu côn các loại, các cỡ									
170.1			Đầu côn các loại, các cỡ	N08.00.190		Cái	40.000	Theo quy định tại Chương V.	Châu Á	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
171	PP2500466983	Đè lưỡi (gỗ, inox, sắt) các loại, các cỡ									
171.1			Đè lưỡi (gỗ, inox, sắt) các loại, các cỡ	N08.00.240		Que	40.000	Theo quy định tại Chương V.	Việt Nam	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
172	PP2500466984	Miếng dán điện cực, điện cực dán, đệm điện cực các loại, các cỡ									
172.1			Miếng dán điện cực, điện cực dán, đệm điện cực các loại, các cỡ	N08.00.250		Cái	3.000	Theo quy định tại Chương V.	Châu Á	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
173	PP2500466985	Kim, khóa, kẹp (clip, clamp) các loại, các cỡ									
173.1			Kim, khóa, kẹp (clip, clamp) các loại, các cỡ	N08.00.260		Cái	100	Theo quy định tại Chương V.	Châu Á	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
174	PP2500466986	Kim, khóa, kẹp (clip, clamp) các loại, các cỡ									
174.1			Kim, khóa, kẹp (clip, clamp) các loại, các cỡ	N08.00.260		Cái	100	Theo quy định tại Chương V.	Châu Á	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng

STT	Mã phần/ lô	Tên Phần/ lô	Danh mục hàng hóa ⁽¹⁾	Mã hàng hóa	Phân nhóm	Đơn vị tính	Khối lượng	Mô tả hàng hóa ⁽²⁾	Yêu cầu về xuất xứ hàng hóa (nếu có) ⁽³⁾	Địa điểm dự án	Tiến độ giao hàng ⁽⁴⁾
180.1			Nón phẫu thuật			Gói/Cái	30.000	Theo quy định tại Chương V.	Việt Nam	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
181	PP2500466993	Khăn phẫu thuật									
181.1			Khăn phẫu thuật			Cái	5.000	Theo quy định tại Chương V.	Việt Nam	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
182	PP2500466994	Que lấy mẫu									
182.1			Que lấy mẫu			Cái	5.000	Theo quy định tại Chương V.	Việt Nam	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
183	PP2500466995	Dung dịch bôi trơn									
183.1			Dung dịch bôi trơn			Gói	2.000	Theo quy định tại Chương V.	Asean	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
184	PP2500466996	Ampu giúp thở									
184.1			Ampu giúp thở			Cái	100	Theo quy định tại Chương V.	Châu Á	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
185	PP2500466997	Băng treo tay									
185.1			Băng treo tay			Cái	500	Theo quy định tại Chương V.	Việt Nam	Kho của Bệnh viện	18 tháng

STT	Mã phần/ lô	Tên Phần/ lô	Danh mục hàng hóa ⁽¹⁾	Mã hàng hóa	Phân nhóm	Đơn vị tính	Khối lượng	Mô tả hàng hóa ⁽²⁾	Yêu cầu về xuất xứ hàng hóa (nếu có) ⁽³⁾	Địa điểm dự án	Tiến độ giao hàng ⁽⁴⁾
										Quân Dân Y Miền Đông	
186	PP2500466998	Bộ điều hòa kinh nguyệt									
186.1			Bộ điều hòa kinh nguyệt			Bộ	200	Theo quy định tại Chương V.	Việt Nam	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
187	PP2500466999	Gel siêu âm									
187.1			Gel siêu âm			Lít	1.200	Theo quy định tại Chương V.	Việt Nam	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
188	PP2500467000	Giấy điện tim									
188.1			Giấy điện tim			Xấp	500	Theo quy định tại Chương V.	Châu Á	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
189	PP2500467001	Giấy in monitor									
189.1			Giấy in monitor			Xấp	100	Theo quy định tại Chương V.	Châu Á	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng
190	PP2500467002	Hộp đựng kim nhựa									
190.1			Hộp đựng kim nhựa			Cái	200	Theo quy định tại Chương V.	Việt Nam	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng

STT	Mã phần/ lô	Tên Phần/ lô	Danh mục hàng hóa ⁽¹⁾	Mã hàng hóa	Phân nhóm	Đơn vị tính	Khối lượng	Mô tả hàng hóa ⁽²⁾	Yêu cầu về xuất xứ hàng hóa (nếu có) ⁽³⁾	Địa điểm dự án	Tiến độ giao hàng ⁽⁴⁾
196.1			Khí AirMAC cho máy phát tia Plasma			Bình	50	Theo quy định tại Chương V.	Châu Á	Kho của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	18 tháng

Ghi chú:

- (1) Danh mục hàng hóa bao gồm các hạng mục hàng hóa, mỗi hạng mục hàng hóa tương ứng với khối lượng, đơn vị tính và các thông tin khác trong Bảng này.
- (2) Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V.
- (3) Áp dụng trong các trường hợp:
- Chủ đầu tư yêu cầu về xuất xứ theo nhóm nước, vùng lãnh thổ theo quy định tại khoản 2 Điều 44 của Luật Đấu thầu. Trong trường hợp này, nhà thầu phải chào hàng hóa theo đúng yêu cầu về xuất xứ hoặc xuất xứ Việt Nam, kể cả trong trường hợp xuất xứ theo nhóm nước, vùng lãnh thổ mà Chủ đầu tư yêu cầu không có Việt Nam. Nhà thầu chào hàng hóa không có xuất xứ theo yêu cầu của E-HSMT hoặc không phải xuất xứ Việt Nam thì sẽ bị loại.
Vi dụ về nhóm nước, vùng lãnh thổ: Châu Âu, Châu Á, Châu Mỹ...; Liên minh Châu Âu (EU), Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), nhóm các nền kinh tế lớn G20, G8, G7...
 - Chủ đầu tư quyết định việc yêu cầu nhà thầu chào hàng hóa xuất xứ trong nước khi gói thầu mua sắm hàng hóa đáp ứng quy định tại điểm e khoản 3 Điều 10 của Luật Đấu thầu. Trong trường hợp này, nhà thầu phải chào hàng hóa xuất xứ Việt Nam, nhà thầu chào hàng hóa không có xuất xứ Việt Nam sẽ bị loại.
Trường hợp Chủ đầu tư không yêu cầu về xuất xứ thì để trống nội dung này.
- (4) Ngày giao hàng phù hợp với yêu cầu kỹ thuật quy định tại Chương V.
Trường hợp gói thầu chia phần (lô), Chủ đầu tư phải điền rõ tên từng phần (lô) và các hàng hóa như Mẫu này.

Phụ lục 03 – DANH MỤC HÀNG HÓA MỜI THẦU
Tên gói thầu: MS-01: Mua vật tư y tế tiêu hao, vật tư y tế thay thế

Hạng mục số	Mã phần/ lô	Tên phần/ lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ
1.1	PP2500466813	Vật tư y tế phẫu thuật kết hợp xương	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Đinh Kirschner hai đầu nhọn: "Đường kính: 1.0 - 3.0mm; 2 đầu nhọn. Dài 100 - 290mm; - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Cái	100	Châu Âu
1.2	PP2500466813	Vật tư y tế phẫu thuật kết hợp xương	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Nẹp khóa xương cánh tay: Rộng 12mm; dày 3.6mm; Số lỗ: 4 - 14 lỗ. Chất liệu Titan, Ti6Al4V, tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 - Dùng kết hợp đồng bộ với vít cùng hãng sản xuất. + vít khóa Ø 3.5 mm + vít cứng Ø 3.5 mm + Vít khóa xóp Ø 3.5 mm + Vít xóp Ø 4.0 mm - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Cái	20	Châu Âu
1.3	PP2500466813	Vật tư y tế phẫu thuật kết hợp xương	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Nẹp khóa nén ép bản hẹp: Rộng 14mm; dày 4.9mm; Số lỗ 4 - 20 lỗ. Chất liệu Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 - Dùng kết hợp đồng bộ với vít cùng hãng sản xuất. + Vít khóa Ø 5.0 mm + Vít cứng Ø 4.5 mm + Vít khóa xóp Ø 5.0mm - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Cái	20	Châu Âu
1.4	PP2500466813	Vật tư y tế phẫu thuật kết hợp xương	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Nẹp khóa nén ép bản rộng: Rộng 17.6mm; dày 5.6mm; Số lỗ 4 - 20 lỗ. Chất liệu Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 - Dùng kết hợp đồng bộ với vít cùng hãng sản xuất. + Vít khóa Ø 5.0 mm + Vít cứng Ø 4.5 mm + Vít khóa xóp Ø 5.0 mm - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Cái	10	Châu Âu
1.5	PP2500466813	Vật tư y tế phẫu thuật kết hợp xương	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Nẹp khóa Mini thẳng: - Nẹp dày 1.0 mm; nẹp rộng 4.6mm; dài 34.6mm - Đồng bộ với vít khóa cùng hãng sản xuất Chất liệu Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM	Cái	10	Châu Âu

Hạng mục số	Mã phần/ lô	Tên phần/ lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ
				F136. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).			
1.6	PP2500466813	Vật tư y tế phẫu thuật kết hợp xương	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lỏng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Nẹp khóa chữ L: - Nẹp dày 1.3 mm; nẹp rộng 9.6mm; dài 28.6mm - Đồng bộ với vít khóa cùng hãng sản xuất Chất liệu Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Cái	10	Châu Âu
1.7	PP2500466813	Vật tư y tế phẫu thuật kết hợp xương	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lỏng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Nẹp khóa chữ T: - Nẹp dày 1.3 mm; nẹp rộng 12.6mm; dài 22.6mm - Đồng bộ với vít khóa cùng hãng sản xuất Chất liệu Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Cái	10	Châu Âu
1.8	PP2500466813	Vật tư y tế phẫu thuật kết hợp xương	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lỏng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Nẹp khóa đầu dưới mặt trong xương cánh tay: Rộng 11mm; dày 3.2mm, Số lỗ: 3 - 13 lỗ trái/phải. Chất liệu Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 - Dùng kết hợp đồng bộ với vít cùng hãng sản xuất + vít khóa Ø 2.7 mm + vít khóa Ø 3.5 mm + vít cứng Ø 3.5 mm + Vít khóa xóp Ø 3.5 mm + Vít xóp Ø 4.0 mm - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Cái	10	Châu Âu
1.9	PP2500466813	Vật tư y tế phẫu thuật kết hợp xương	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lỏng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Nẹp khóa đầu dưới mặt ngoài xương cánh tay: Rộng 11mm; dày 3.2mm, Số lỗ: 3 - 13 lỗ trái/phải. Chất liệu Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 - Dùng kết hợp đồng bộ với vít cùng hãng sản xuất + vít khóa Ø 2.7 mm + vít khóa Ø 3.5 mm + vít cứng Ø 3.5 mm + Vít khóa xóp Ø 3.5 mm + Vít xóp Ø 4.0 mm - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Cái	10	Châu Âu

Hạng mục số	Mã phần/ lô	Tên phần/ lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ
1.10	PP2500466813	Vật tư y tế phẫu thuật kết hợp xương	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Nẹp khóa đầu dưới mặt trong xương chày: Rộng 11.5mm; dày 3.7mm; Số lỗ: 4 - 16 lỗ. Chất liệu Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 - Dùng kết hợp đồng bộ với vít cùng hãng sản xuất + vít khóa Ø 3.5 mm + vít cứng Ø 3.5 mm + Vít khóa xóp Ø 3.5 mm + Vít xóp Ø 4.0 mm - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Cái	15	Châu Âu
1.11	PP2500466813	Vật tư y tế phẫu thuật kết hợp xương	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Nẹp khóa đầu dưới xương đùi: Rộng 16.2mm; dày 5.5mm; Số lỗ: 4 - 15 lỗ trái/phải, dài từ 141mm - 361mm. Chất liệu Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 - Dùng kết hợp đồng bộ với vít cùng hãng sản xuất + Vít khóa Ø 5.0 mm + Vít cứng Ø 4.5 mm + Vít khóa xóp Ø 5.0 mm - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Cái	15	Châu Âu
1.12	PP2500466813	Vật tư y tế phẫu thuật kết hợp xương	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Nẹp khóa Titan đầu dưới mặt bên xương mác: Rộng 10,5mm; dày 3mm; Số lỗ 4 - 14 lỗ. Chất liệu Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 - Dùng kết hợp đồng bộ với vít cùng hãng sản xuất + vít khóa Ø 3.5 mm + vít cứng Ø 3.5 mm + vít khóa xóp Ø 3.5 mm - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Cái	15	Châu Âu
1.13	PP2500466813	Vật tư y tế phẫu thuật kết hợp xương	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Nẹp khóa đầu dưới xương quay bàn tay (7 lỗ đầu): Rộng 9mm; dày 2.5mm; Số lỗ 2 - 10 lỗ trái/phải. Chất liệu Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 - Dùng kết hợp đồng bộ với vít cùng hãng sản xuất + vít khóa Ø 2.4 mm + vít khóa Ø 3.5 mm + vít cứng Ø 3.5 mm + Vít khóa xóp Ø 3.5 mm + vít xóp Ø 4.0 mm	Cái	10	Châu Âu

Hạng mục số	Mã phần/ lô	Tên phần/ lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ
				- Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).			
1.14	PP2500466813	Vật tư y tế phẫu thuật kết hợp xương	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay: Rộng 11.8mm; dày 3.2mm; đầu 9 lỗ vít. Số lỗ 3 - 14 lỗ. Chất liệu Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 - Dùng kết hợp đồng bộ với vít cùng hãng sản xuất + vít khóa Ø 3.5 mm + vít cứng Ø 3.5 mm + Vít khóa xóp Ø 3.5 mm + Vít xóp Ø 4.0 mm - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Cái	10	Châu Âu
1.15	PP2500466813	Vật tư y tế phẫu thuật kết hợp xương	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Nẹp khóa đầu trên mặt ngoài xương chày (bản rộng): Rộng 15.5mm, dày 4.5mm; Số lỗ: 4 - 13 lỗ trái/phải, dài từ 125mm - 305mm. Chất liệu Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 - Dùng kết hợp đồng bộ với vít cùng hãng sản xuất + Vít khóa Ø 5.0 mm + Vít cứng Ø 4.5 mm + Vít khóa xóp Ø 5.0 mm - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Cái	15	Châu Âu
1.16	PP2500466813	Vật tư y tế phẫu thuật kết hợp xương	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Nẹp hình chữ L: Rộng 16mm, dày 3mm; Số lỗ: 4 - 10 lỗ, trái/phải, dài từ 90mm - 186mm. Chất liệu Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 - Dùng kết hợp đồng bộ với vít cùng hãng sản xuất + Vít khóa Ø 5.0 mm + Vít cứng Ø 4.5 mm + Vít khóa xóp Ø 5.0 mm - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Cái	10	Châu Âu
1.17	PP2500466813	Vật tư y tế phẫu thuật kết hợp xương	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Nẹp hình chữ T: Rộng 16mm, dày 3mm; Số lỗ: 4 - 10 lỗ, trái/phải, dài từ 88mm - 184mm. Chất liệu Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 - Dùng kết hợp đồng bộ với vít cùng hãng sản xuất + Vít khóa Ø 5.0 mm + Vít cứng Ø 4.5 mm + Vít khóa xóp Ø 5.0 mm	Cái	10	Châu Âu

Hạng mục số	Mã phần/ lô	Tên phần/ lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ
				- Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).			
1.18	PP2500466813	Vật tư y tế phẫu thuật kết hợp xương	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Nẹp khóa đầu trên xương đùi: rộng 18.6mm; dày 5.6mm; 6 lỗ đầu nẹp; Số lỗ trên thân nẹp từ 2 lỗ đến 7,9 lỗ trái phải; chiều dài nẹp từ 103mm đến 229mm. Chất liệu Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 Dùng kết hợp đồng bộ với: + Vít khóa Ø 5.0 mm + Vít cứng Ø 4.5 mm + Vít khóa xóp Ø 5.0 mm + Vít khóa rộng lồng Ø5.0 mm. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Cái	15	Châu Âu
1.19	PP2500466813	Vật tư y tế phẫu thuật kết hợp xương	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Nẹp khóa tái tạo (mắt xích): Rộng 10mm; dày 3mm. Số lỗ: 4 - 20 lỗ. Chất liệu Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 - Dùng kết hợp đồng bộ với vít cùng hãng sản xuất + vít khóa Ø 3.5 mm + vít cứng Ø 3.5 mm + Vít khóa xóp Ø 3.5 mm - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Cái	10	Châu Âu
1.20	PP2500466813	Vật tư y tế phẫu thuật kết hợp xương	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Nẹp khóa đầu ngoài xương đòn: Rộng 11mm; dày 3.2mm. Số lỗ: 3 - 7 lỗ, trái/phải. Chất liệu Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 - Dùng kết hợp đồng bộ với vít cùng hãng sản xuất + vít khóa Ø 3.5 mm + vít cứng Ø 3.5 mm + Vít khóa xóp Ø 3.5 mm + vít xóp Ø 4.0 mm - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Cái	10	Châu Âu
1.21	PP2500466813	Vật tư y tế phẫu thuật kết hợp xương	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Nẹp khóa nén ép bản nhỏ: Rộng 10mm; dày 3mm; Số lỗ: 4 - 12 lỗ. Chất liệu Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 - Dùng kết hợp đồng bộ với vít cùng hãng sản xuất + vít khóa Ø 3.5 mm + vít cứng Ø 3.5 mm	Cái	20	Châu Âu

Hạng mục số	Mã phần/ lô	Tên phần/ lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ
				+ Vít khóa xóp Ø 3.5 mm + Vít xóp Ø 4.0 mm - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).			
1.22	PP2500466813	Vật tư y tế phẫu thuật kết hợp xương	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Nẹp khóa xương đòn chữ S: Rộng 10.4mm; dày 3.2mm. Số lỗ 4 - 10 lỗ, trái/phải. Chất liệu Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 - Dùng kết hợp đồng bộ với vít cùng hãng sản xuất + vít khóa Ø 3.5 mm + vít cứng Ø 3.5 mm + Vít khóa xóp Ø 3.5 mm + Vít xóp Ø 4.0 mm - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Cái	40	Châu Âu
1.23	PP2500466813	Vật tư y tế phẫu thuật kết hợp xương	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Nẹp: Rộng 10mm; dày 3.2mm. Số lỗ 3 - 10 lỗ, trái/phải. Chất liệu Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 - Dùng kết hợp đồng bộ với vít cùng hãng sản xuất + vít khóa Ø 2.7 mm + vít khóa Ø 3.5 mm + vít cứng Ø 3.5 mm + Vít khóa xóp Ø 3.5 mm + Vít xóp Ø 4.0 mm - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Cái	10	Châu Âu
1.24	PP2500466813	Vật tư y tế phẫu thuật kết hợp xương	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Vít xương cứng (Ti) đường kính 3.5 mm: Đường kính 3.5mm tự taro; chiều dài từ 10-40mm bước tăng 2mm; từ 40-70mm bước tăng 5mm. - Chất liệu Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Cái	120	Châu Âu
1.25	PP2500466813	Vật tư y tế phẫu thuật kết hợp xương	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Vít xương cứng (Ti) đường kính 4.5mm: Đường kính 4.5mm tự taro; chiều dài từ 14-60mm bước tăng 2mm; từ 60-110mm bước tăng 5mm. - Chất liệu Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Cái	120	Châu Âu
1.26	PP2500466813	Vật tư y tế phẫu thuật	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa,	Vít khóa (Ti) tự taro đường kính 2.0mm: Đường kính 2.0mm,	Cái	300	Châu Âu

Hạng mục số	Mã phần/ lô	Tên phần/ lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ
		kết hợp xương	ốc, vít, lồng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	tự taro, dài 8-34mm với mỗi bước tăng 2mm, toàn ren (full Thread).- Chất liệu Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).			
1.27	PP2500466813	Vật tư y tế phẫu thuật kết hợp xương	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Vít khóa (Ti) đường kính 2.7mm: Đường kính 2.7mm, tự taro; dài 10-40mm với mỗi bước tăng 2mm, 40-60mm với mỗi bước tăng 5mm, toàn ren (full Thread) - Chất liệu Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Cái	350	Châu Âu
1.28	PP2500466813	Vật tư y tế phẫu thuật kết hợp xương	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Vít khóa (Ti) đường kính 3.5 mm: Đường kính 3.5mm, tự taro; chiều dài từ 10-50mm bước tăng 2mm; từ 50-70mm bước tăng 5mm. - Chất liệu Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Cái	300	Châu Âu
1.29	PP2500466813	Vật tư y tế phẫu thuật kết hợp xương	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Vít khóa (Ti) đường kính 5.0mm: Đường kính 5.0mm, tự taro; chiều dài từ 14-50mm bước tăng 2mm; từ 50-110mm bước tăng 5mm. - Chất liệu Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Cái	250	Châu Âu
1.30	PP2500466813	Vật tư y tế phẫu thuật kết hợp xương	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Vít: Đường kính 3.5mm; chiều dài từ 14-50mm bước tăng 2mm; từ 50-70mm bước tăng 5mm, ren toàn phần - Chất liệu Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Cái	20	Châu Âu
1.31	PP2500466813	Vật tư y tế phẫu thuật kết hợp xương	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Vít: Đường kính 5.0mm; chiều dài từ 30-120mm bước tăng 5mm, ren toàn phần - Chất liệu Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Cái	100	Châu Âu
1.32	PP2500466813	Vật tư y tế phẫu thuật kết hợp xương	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Nẹp mặt thẳng 4 lỗ cho vít 2.0mm; chất liệu Titanium. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý	Cái	20	Châu Á

Hạng mục số	Mã phần/ lô	Tên phần/ lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ
			thuật các loại, các cỡ	Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ).			
1.33	PP2500466813	Vật tư y tế phẫu thuật kết hợp xương	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lỏng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Nẹp mặt thẳng 8 lỗ cho vít 2.0mm; chất liệu Titanium - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ).	Cái	20	Châu Á
1.34	PP2500466813	Vật tư y tế phẫu thuật kết hợp xương	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lỏng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Nẹp mặt thẳng 16 lỗ cho vít 2.0mm; chất liệu Titanium. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ).	Cái	20	Châu Á
1.35	PP2500466813	Vật tư y tế phẫu thuật kết hợp xương	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lỏng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Vít mặt 2.0 mm, dài 6mm-17mm. Tụ Taro; chất liệu hợp kim Titanium. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ).	Cái	150	Châu Á
2.1	PP2500466814	Vật tư y tế phẫu thuật nội soi khớp gối, khớp vai	Bộ dây dẫn dịch vào khớp các loại, các cỡ	Dây bơm nước sử dụng trong phẫu thuật nội soi khớp tương thích với máy bơm nước đi kèm. Lưu lượng nước max: 2.5l/phút, có hộp điều khiển. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ).	Bộ	10	G7
2.2	PP2500466814	Vật tư y tế phẫu thuật nội soi khớp gối, khớp vai	Chi khâu không tiêu các loại, các cỡ	Chỉ không tiêu số 2 kèm kim, kim có hình dạng bán nguyệt. Chất liệu: Polyethylene khối lượng phân tử siêu cao - (UHMW) polyethylene và polypropylene siêu bền. Dài 38 Inch. Đã tiệt trùng. Sức căng 227N (51lb), độ bền kéo 138N (31lb). - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ).	Sợi	10	Châu Mỹ
2.3	PP2500466814	Vật tư y tế phẫu thuật nội soi khớp gối, khớp vai	Đầu đốt (đơn cực, lưỡng cực, kết hợp đơn cực lưỡng cực), lưỡi dao mổ điện, dao mổ laser, dao mổ siêu âm, dao mổ plasma, dao radio, dao cắt gan siêu âm, dao cắt hàn mạch, hàn mô các loại, các cỡ (bao gồm cả tay dao và dây dao)	Đầu đốt mô mềm dùng công nghệ Coblation. Khe hút đơn hình ngôi sao. Đầu mũi nghiêng 90°. Đường kính mũi (tối đa) 5.5mm, đường kính thân 3.5 mm. Điện cực đốt gồm 4 viên cầu. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ).	Cái	5	Châu Mỹ

Hạng mục số	Mã phần/ lô	Tên phần/ lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ
2.4	PP2500466814	Vật tư y tế phẫu thuật nội soi khớp gối, khớp vai	Đầu đốt (đơn cực, lưỡng cực, kết hợp đơn cực lưỡng cực), lưỡi dao mổ điện, dao mổ laser, dao mổ siêu âm, dao mổ plasma, dao radio, dao cắt gan siêu âm, dao cắt hàn mạch, hàn mô các loại, các cỡ (bao gồm cả tay dao và dây dao)	<ul style="list-style-type: none"> • Đầu đốt dùng công nghệ Coblation. Phần cách nhiệt được phủ vật liệu PET (polyethylene terephthalate). • Tạo plasma dày 100-200µm giúp cắt đốt chính xác, tối thiểu tổn thương tới mô xung quanh • Có mạch bảo vệ ống kính, ngắt đầu đốt khi lại gần hoặc tiếp xúc với kim loại • Có đường hút nước • Đường kính mũi 5.25mm • Đường kính phần thân 3.75mm • Chiều dài làm việc: 5.4 inch (tương đương với 13.7cm) • Đầu mũi nghiêng 90° • Có chế độ tự ngắt • Có nhiều công. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ).	Cái	5	Châu Mỹ
2.5	PP2500466814	Vật tư y tế phẫu thuật nội soi khớp gối, khớp vai	Lưỡi bào, lưỡi cắt, dao cắt sụn, lưỡi đốt dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ (bao gồm cả tay dao)	Lưỡi bào xương ngược chiều dùng trong nội soi khớp các cỡ, rỗng lòng: Sử dụng trong kỹ thuật tái tạo dây chằng chéo All-inside. Một hộp bao gồm mũi khoan ngược, mũi khoan dẫn đường 2.4mm và cây rút chỉ. Khoan tiến tạo đường hầm đường kính 4.9mm. Lưỡi cắt có thể thu vào, bào ngược tạo đường hầm đường kính 5.5mm - 12mm, bước tăng 0.5mm. Có ống đo chiều dài cầu xương. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ).	Cái	15	G7
2.6	PP2500466814	Vật tư y tế phẫu thuật nội soi khớp gối, khớp vai	Lưỡi bào, lưỡi cắt, dao cắt sụn, lưỡi đốt dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ (bao gồm cả tay dao)	Lưỡi bào xương thẳng sử dụng trong nội soi khớp, có vạch màu chốt, mã màu theo cỡ để nhận diện, đã tiệt trùng. Đường kính: 4.0mm, 5.5mm. Tốc độ tối đa 8000 vòng/phút. Tương thích với thiết bị đi kèm. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ).	Cái	15	G7
2.7	PP2500466814	Vật tư y tế phẫu thuật nội soi khớp gối, khớp vai	Lưỡi bào, lưỡi cắt, dao cắt sụn, lưỡi đốt dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ (bao gồm cả tay dao)	Lưỡi bào cắt lọc mô dùng trong nội soi khớp. Thẳng, dùng một lần, mã màu theo cỡ để nhận diện. Thiết kế có răng hoặc	Cái	15	G7

Hạng mục số	Mã phần/ lô	Tên phần/ lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ
		khớp vai	phẫu thuật các loại, các cỡ (bao gồm cả tay dao)	không răng, đường kính 3.5mm, 4.5mm, 5.5mm. Tương thích máy bào đi kèm. Có tính năng khoá cửa sổ hút. Có hai chế độ cắt dao động. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ).			
2.8	PP2500466814	Vật tư y tế phẫu thuật nội soi khớp gối, khớp vai	Lưỡi cắt, đốt bằng sóng radio các loại, các cỡ	Lưỡi cắt đốt mô bằng sóng radio: • Đầu đốt dùng công nghệ Coblation. Phần cách nhiệt được phủ vật liệu PET (polyethylene terephthalate). • Tạo plasma dày 100-200µm giúp cắt đốt chính xác, tối thiểu tổn thương tới mô xung quanh • Có mạch bảo vệ ống kính, ngắt đầu đốt khi lại gần hoặc tiếp xúc với kim loại • Có đường hút nước • Đường kính mũi 5.25mm • Đường kính phần thân 3.75mm • Chiều dài làm việc: 5.4 inch (tương đương với 13.7cm) • Đầu mũi nghiêng 90° • Có chế độ tự ngắt • Có nhiều công. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ).	Cái	10	Châu Mỹ
2.9	PP2500466814	Vật tư y tế phẫu thuật nội soi khớp gối, khớp vai	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Vít chỉ khâu chớp xoay: Chất liệu: Peek - optima, đã tiệt trùng. Sử dụng trong khâu hàng ngoài chớp xoay khớp vai. Tay vặn giới hạn mô men xoắn, đảm bảo chốt bên trong khoá chỉ vào thân neo. Thiết kế neo đóng với ren hình ngành mọc ngang giúp chống bật neo và dễ đóng neo . Kích thước neo: 4.5mm và 5.5mm tương ứng đường kính 5.8mm và 6.7mm. Chiều dài bung tương ứng 20.4mm và 20.8mm. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ).	Cái	5	Châu Mỹ
2.10	PP2500466814	Vật tư y tế phẫu thuật	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa,	Vít neo không buộc chỉ, vít 2.9mm, thân cán dài 6.3". Thiết kế	Cái	10	Châu Mỹ

Hạng mục số	Mã phần/ lô	Tên phần/ lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ
		nội soi khớp gối, khớp vai	ốc, vít, lồng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	chốt bên trong khoá chi. Chất liệu PEEK. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ).			
2.11	PP2500466814	Vật tư y tế phẫu thuật nội soi khớp gối, khớp vai	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Vít chỉ neo tự tiêu: Dùng trong phẫu thuật Nội soi khớp . Vít được kết nối sẵn với tay đóng. • Chất liệu tự tiêu PLLA kết hợp HA, đã tiệt trùng • Kèm hai sợi chỉ siêu bền số 2, Đường kính 2.9 mm. Đường kính ngoài 3.7 mm, dài 11.5mm. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ).	Cái	10	Châu Mỹ
2.12	PP2500466814	Vật tư y tế phẫu thuật nội soi khớp gối, khớp vai	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Vít chỉ neo đôi tự tiêu: Dùng trong phẫu thuật Nội soi khớp vai. Thiết kế ren cắt ở đầu xa giúp dễ đặt neo và ren khoá ở đầu gần chống bật neo. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; CE, FDA. • Chất liệu PLLA - HA tự tiêu giúp tăng tốc độ liền xương, đã tiệt trùng • Kèm hai hoặc ba sợi chỉ số 2 • Đường kính 4.5mm, 5.5mm, 6.5mm tương ứng chiều dài 18.7mm, 19.2mm, 19.2mm. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ).	Cái	5	Châu Mỹ
2.13	PP2500466814	Vật tư y tế phẫu thuật nội soi khớp gối, khớp vai	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Vít neo cố định dây chằng điều chỉnh được độ dài : - Kích thước: dài 12mm rộng 4mm dày 2mm; 8 lỗ - Chất liệu chốt: titanium - Chất liệu vòng treo: Ultrahigh Molecular Weight Polyethylene (UHMWPE). - Điều chỉnh được chiều dài vòng treo từ 10 – 105 mmm - Đường kính chỉ vòng loop: 1.5 mm - Dùng 1 sợi chỉ polyester số 2 duy nhất để kéo và kiểm tra chốt ngang có lật hay không - Cơ chế khoá bên trong, giúp tối đa gân trong đường hầm và tối thiểu lực siết vòng treo.	Cái	25	Châu Mỹ

Hạng mục số	Mã phần/ lô	Tên phần/ lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ
				<ul style="list-style-type: none"> - Vòng treo có bao bảo vệ gân. - Có vòng chỉ thắt giúp thắt chỉ bằng một tay - Sức căng tối đa >1500N, độ di lệch < 2mm. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ). 			
2.14	PP2500466814	Vật tư y tế phẫu thuật nội soi khớp gối, khớp vai	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	<p>Vít cố định dây chằng chéo : • Thiết kế chốt: 4 lỗ, Chiều dài chốt: 12mm, chiều rộng chốt 4mm, dày 2mm.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Chỉ kéo và chỉ lật số 5. • Chiều dài vòng treo gân: 10, 15, 20, 25, 30, 35 mm • Chất liệu: Chốt làm bằng titanium, Vòng treo gân được tạo bởi vật liệu Continuous Polyester đường kính 5mm. Độ di lệch < 1mm. Sức căng tối đa >1300N. <p>- Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ).</p>	Cái	25	G7
2.15	PP2500466814	Vật tư y tế phẫu thuật nội soi khớp gối, khớp vai	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	<p>Vít cố định dây chằng : Sử dụng trong phẫu thuật tái tạo dây chằng chéo khớp gối.</p> <p>Có vít ren ngược phù hợp với gối phải. Đường kính: 6, 7, 8, 9, 10, 11 mm.</p> <p>Chiều dài: 20, 25, 30, 35 mm. Chất liệu: sinh học tự tiêu 75% poly-L-lactic acid PLLA kết hợp với 25% Hydroxyapatite (HA).</p> <p>- Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ).</p>	Cái	25	G7
2.16	PP2500466814	Vật tư y tế phẫu thuật nội soi khớp gối, khớp vai	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	<p>Vít chỉ khâu sụn chêm: Sử dụng kỹ thuật khâu sụn chêm All - Inside. Thiết kế chốt trượt bung neo chủ động 360° cho phép bung neo tại mọi vị trí tay. Gồm hai neo 5mm chất liệu Peek optima và nút chỉ không tiêu 2- chất liệu UHMW polyethelene. Tích hợp khoá giới hạn độ sâu từ 10-18mm. Mũi kim 17 gauge.</p> <p>- Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ).</p>	Cái	25	Châu Mỹ

Hạng mục số	Mã phân/ lô	Tên phân/ lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ
				Kỳ).			
2.17	PP2500466814	Vật tư y tế phẫu thuật nội soi khớp gối, khớp vai	Troca nhựa dùng trong phẫu thuật nội soi các loại, các cỡ	Ống trocar nhựa. Tích hợp khoá ba lớp giảm rò dịch khi thao tác. Thiết kế nhân vào, vặn ra giúp bám chắc vào mô và đem lại khả năng điều chỉnh hữu ích. Chất liệu: polycarbonate, Latex-free. Đường kính 4.5, 5.5, 6.5, 7.0, 8.5mm. Chiều dài 45, 55, 72, 90mm. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ).	Cái	15	G7/Châu Á
3.1	PP2500466815	Vật tư y tế phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng	Lưỡi bào, lười cắt, dao cắt sụn. lưỡi đốt dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ (bao gồm cả tay dao)	Lưỡi bào dùng trong phẫu thuật nội soi khớp: - Lưỡi bào thiết kế cửa sổ 3 lớp kết hợp vừa cắt xương, vừa cắt bỏ mô. Dùng 1 lần, bào cắt lọc mô xơ, thiết kế rộng nông .Chiều dài 130mm, đường kính từ 3mm đến 5mm. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Cái	40	G7
3.2	PP2500466815	Vật tư y tế phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng	Lưỡi bào, lười cắt, dao cắt sụn. lưỡi đốt dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ (bao gồm cả tay dao)	Lưỡi cắt đốt bằng sóng Radio (RF): - Đầu đốt lưỡng cực sử dụng sóng RF gồm phần tay cầm có nút bấm có thể tái sử dụng nhiều lần, phần thân (lưỡi đốt) dùng một lần. Phần dây hút nước dài 35cm, Phần dây điện kết nối với tay cầm dài 4m. Có các loại đầu đốt cong 90 ⁰ và cong 45 ⁰ , chiều dài 150mm. Sử dụng cho phẫu thuật nội soi khớp háng, khớp gối và khớp vai. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Cái	20	G7
3.3	PP2500466815	Vật tư y tế phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng	Đinh, nẹp. ghim, kim, khóa, ốc, vít, lông dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Vít treo mảnh ghép gân: - Vít chốt neo cố định dây chằng chéo, bao gồm: 1 nút titan đạt tiêu chuẩn ISO 5832-3; 1 vòng polyethylene terephthalate (PET), 2 sợi kéo terephthalate polyethylene. Vòng dây treo 15, 20, 25, 30, 35, 40 mm. Đóng gói và tiệt trùng bằng tia Gamma. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Cái	50	G7
3.4	PP2500466815	Vật tư y tế phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng	Đinh, nẹp. ghim, kim, khóa, ốc, vít, lông dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	* Vít cố định dây chằng chéo tự tiêu: Chất liệu PLA 70% + Beta Tri calcium phosphate 30% (β - TCP), đường kính 6mm đến 11mm và chiều dài: 20mm, 24mm, 30mm, 35 mm. Đầu Flat-head. Ổn định thiết bị cơ học trong khoảng thời gian 8-10 tháng và 6 tháng sau kỹ thuật.	Cái	90	G7

Hạng mục số	Mã phần/ lô	Tên phần/ lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ
				<p>Đóng gói, tiệt trùng.</p> <p>- Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn EU và tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ).</p>			
3.5	PP2500466815	Vật tư y tế phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lỏng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	<p>Vít dây chằng giữ mảnh ghép gân có thể điều chỉnh độ dài:</p> <p>- Vít dây chằng giữ mảnh ghép gân có thể điều chỉnh chiều dài cấu tạo gồm phần vòng dây có thể điều chỉnh chiều dài và vít chặn. Phần nút chặn chất liệu titanium (TA6V ELI) kích thước 12mm. Phần vòng dây có thể điều chỉnh chiều dài chất liệu UHMWPE (chiều dài nhỏ nhất vòng dây là 15mm). Phần dây kéo và dây lật có chất liệu Polyethylene terephthalate. Độ giãn tối đa 1.43mm; Lực tải tối đa 1844N. Đóng gói 2 lớp và tiệt trùng bằng Ethylene Oxide.</p> <p>- Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).</p>	Cái	90	G7
3.6	PP2500466815	Vật tư y tế phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lỏng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	<p>Vít dây chằng giữ mảnh ghép gân có thể điều chỉnh chiều dài: Thiết kế khóa 3 điểm và cấu trúc bên để đặt và giảm độ trượt của chỉ khâu. Vòng tự điều chỉnh bao phủ đường kính từ 15mm đến 60mm. Lực kéo: 900N.</p> <p>Đóng gói, tiệt trùng.</p> <p>- Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ).</p>	Cái	50	G7
3.7	PP2500466815	Vật tư y tế phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng	Bộ dây bơm nước, đầu đốt điện, tay dao đốt điện dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	<p>Dây nước dùng trong phẫu thuật nội soi khớp:</p> <p>- Dùng cho phẫu thuật nội soi khớp, chất liệu nhựa PVC, không chứa DEHP.</p> <p>- Dây dẫn nước áp lực trong nội soi khớp, có 2 đầu nước vào và 1 đầu nước ra được điều chỉnh khóa an toàn.</p> <p>- Để kiểm soát áp suất, ống đo áp suất sẽ được kết nối với máy bơm.</p> <p>- Được khử trùng bằng khí VH2O2-Gas - Plasma</p> <p>- Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn EU.</p>	Cái	30	G7
4.1	PP2500466816	Vật tư y tế phẫu thuật ngoại tổng quát	Dụng cụ, máy cắt, khâu nối tự động sử dụng trong kỹ thuật Doppler các loại, các cỡ (bao gồm cả bộ đầu dò	<p>*Thông số kỹ thuật:</p> <p>- Gập góc 45° liên tục không khác mỗi bên, hai bên tổng 90°. Có nút xoay 360°.</p> <p>Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Dụng cụ khâu cắt nối nội soi đa</p>	Bộ	10	Châu Á

Hạng mục số	Mã phần/ lô	Tên phần/ lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ
			Doppler động mạch búi trĩ)	năng: - Sử dụng được 25 băng đạn trong một ca phẫu thuật. - Thao tác kẹp mô linh hoạt, đóng hàm băng đạn bằng cách bóp cò và mở hàm băng đạn bằng cách gạt ngược cò súng. - Thiết kế thuận tiện cho việc sử dụng. - Dụng cụ tích hợp được với tất cả các loại băng đạn nội soi cùng hãng sản xuất. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ).			
4.2	PP2500466816	Vật tư y tế phẫu thuật ngoại tổng quát	Dụng cụ, máy cắt, khâu nối tự động sử dụng trong kỹ thuật Doppler các loại, các cỡ (bao gồm cả bộ đầu dò Doppler động mạch búi trĩ)	* Chất liệu: ghim dập bằng titanium Ti Gr1 * Thông số kỹ thuật: - Chiều cao ghim trước khi đóng 4.8 mm/ 5.0 mm và sau khi đóng 2.0 mm/ 2.2 mm. Số lượng 24 ghim/ 30 ghim. - Chiều dài cán 212 mm và chiều dài tay cầm 247 mm. - Đường kính ghim: 0.28 mm. - Đường kính ngoài 29 mm/ 32 mm. - Đầu đe thiết kế nghiêng 90°, có thể tháo rời. * Đặc tính, tính năng kỹ thuật: - Dụng cụ khâu cắt nối tròn dùng khâu nối ống tiêu hóa - Có thiết kế an toàn kép tránh bắn nhầm *Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	10	Châu Á
4.3	PP2500466816	Vật tư y tế phẫu thuật ngoại tổng quát	Băng đạn, ghim khâu dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Băng đạn tương thích với tay súng nội soi gấp góc 45° mỗi bên, hai bên 90° liên tục không khác. - Thiết kế 3 chiều cao ghim đóng từ thấp đến cao trong cùng 1 băng đạn theo thứ tự: 1.25mm-1.5mm-1.75mm tương ứng với chiều cao ghim mở 3.0mm-3.5mm-4.0 mm dùng cho mô trung bình đến mô dày. - Dao cắt mới trên mỗi băng đạn. - 6 hàng ghim dập bằng titanium. - Chiều dài băng đạn 60mm. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ).	Cái	60	Châu Á

Hạng mục số	Mã phần/ lô	Tên phần/ lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ
5.1	PP2500466817	Vật tư y tế phẫu thuật nội soi tán sỏi niệu quản bằng laser. Nhà thầu trúng thầu chịu trách nhiệm cung cấp cho chủ đầu tư thiết bị y tế (Máy tán sỏi Laser) để sử dụng vật tư y tế theo quy định của Luật khám bệnh, chữa bệnh năm 2023 và Luật Đấu thầu năm 2023	Thông (sonde) các loại, các cỡ	Thông (sonde) J-J, phủ hydrophilic. Các cỡ: 6,7Fr. Chiều dài 26cm. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ).	Cái	600	G7
5.2	PP2500466817	Vật tư y tế phẫu thuật nội soi tán sỏi niệu quản bằng laser. Nhà thầu trúng thầu chịu trách nhiệm cung cấp cho chủ đầu tư thiết bị y tế (Máy tán sỏi Laser) để sử dụng vật tư y tế theo quy định của Luật khám bệnh, chữa bệnh năm 2023 và Luật Đấu thầu năm 2023	Dây dẫn đường (guide wire) các loại, các cỡ	Dây dẫn đường: Lõi Nitinol chịu xoắn, vỏ PTFE linh hoạt thiết kế với khả năng xoắn, sọc đen và trắng được thiết kế để theo dõi trực quan chuyển động của dây. Các cỡ: 0.032 đến 0.035 inch, dài 150cm. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ).	Cái	20	G7
5.3	PP2500466817	Vật tư y tế phẫu thuật nội soi tán sỏi niệu quản bằng laser. Nhà thầu trúng thầu chịu trách nhiệm cung cấp cho chủ đầu tư thiết bị y tế (Máy tán sỏi Laser) để sử dụng	Rọ, bóng lấy sỏi, dị vật, polyp, bệnh phẩm các loại, các cỡ	Rọ lấy sỏi: Thiết kế vỏ bọc có độ ma sát thấp, chất liệu Nitonol đàn hồi cao, đầu xoắn ốc 4 nhánh có tay cầm. Chiều dài: 90cm, cỡ 3.0Fr. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ).	Cái	20	G7

Hạng mục số	Mã phần/ lô	Tên phần/ lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ
		vật tư y tế theo quy định của Luật khám bệnh, chữa bệnh năm 2023 và Luật Đấu thầu năm 2023					
5.4	PP2500466817	Vật tư y tế phẫu thuật nội soi tán sỏi niệu quản bằng laser. Nhà thầu trúng thầu chịu trách nhiệm cung cấp cho chủ đầu tư thiết bị y tế (Máy tán sỏi Laser) để sử dụng vật tư y tế theo quy định của Luật khám bệnh, chữa bệnh năm 2023 và Luật Đấu thầu năm 2023	Dây dẫn ánh sáng lạnh dùng trong thủ thuật, phẫu thuật các loại, các cỡ	Dây truyền quang: Cấu tạo: Thạch anh. Kích cỡ: 550µm, độ dài: 3,0m. Tương thích, đồng bộ với máy tán sỏi Laser Accutech. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Cái	20	G7
6.1	PP2500466818	Vật tư y tế phẫu thuật nội soi niệu quản ngược dòng bằng ống soi mềm, tán sỏi thận bằng laser. Nhà thầu trúng thầu chịu trách nhiệm cung cấp cho chủ đầu tư thiết bị y tế (Máy tán sỏi Laser) để sử dụng vật tư y tế theo quy định của Luật khám bệnh, chữa bệnh năm 2023 và Luật Đấu thầu năm 2023	Đầu camera trong thủ thuật, phẫu thuật các loại, các cỡ	Bộ camera: - Độ phân giải: 160K Pixel. - Đường kính kênh làm việc ngoài: 3.1mm. - Đường kính kênh làm việc trong: 1.2mm. - Góc uốn: Từ -275° ~ +275°. - Chiều dài làm việc: 670mm. - Tổng chiều dài: 92 mm. - Trường nhìn: 110°. - Độ sâu trường ảnh: 3mm-100mm. - Hệ thống chiếu sáng: 2 đèn LED. - Đường kính phần chèn: 8.4Fr. - Cấu tạo xương rắn kim loại chuyển động linh hoạt. - Cần điều khiển có chức năng khóa ở các mức: có thể dừng ở bất kỳ góc lệch nào. Chức năng khóa có 2 cách tùy chỉnh: trạng thái tự do hoặc trạng thái khóa để điều khiển đòn bẩy chính xác và giảm mỏi ngón tay cái.	Bộ	20	Châu Á

Hạng mục số	Mã phân/ lô	Tên phân/ lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ
				<ul style="list-style-type: none"> - Nút chụp Ảnh & Video trên tay cầm của kính: cũng có thể chụp ảnh, quay video. - Công nghệ CMOS. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu). 			
6.2	PP2500466818	Vật tư y tế phẫu thuật nội soi niệu quản ngược dòng bằng ống soi mềm, tán sỏi thận bằng laser. Nhà thầu trúng thầu chịu trách nhiệm cung cấp cho chủ đầu tư thiết bị y tế (Máy tán sỏi Laser) để sử dụng vật tư y tế theo quy định của Luật khám bệnh, chữa bệnh năm 2023 và Luật Đấu thầu năm 2023	Rọ, bóng lấy sỏi, dị vật, polyp, bệnh phẩm các loại, các cỡ	<p>Rọ lấy sỏi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Nitinol. - Cỡ số: 1.8Fr, độ dài: 120cm. - Loại 4 cạnh, đầu tròn. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ). 	Cái	10	G7
6.3	PP2500466818	Vật tư y tế phẫu thuật nội soi niệu quản ngược dòng bằng ống soi mềm, tán sỏi thận bằng laser. Nhà thầu trúng thầu chịu trách nhiệm cung cấp cho chủ đầu tư thiết bị y tế (Máy tán sỏi Laser) để sử dụng vật tư y tế theo quy định của Luật khám bệnh, chữa bệnh năm 2023 và Luật Đấu thầu năm 2023	Thông giỏ dormia trong nội soi lấy sỏi niệu quản các loại, các cỡ	<p>Giá đỡ niệu quản 2 kênh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lỗ kiểm soát áp lực hút: Mở hoặc đóng lỗ hút bên để kiểm soát áp suất trong thận và hút các mảnh sỏi ra ngoài, Vỏ ngoài phủ hydrophilic. - Một bình lọc được thiết kế để thu các mảnh vỡ và ngăn chặn ống hút bị tắc. - Lõi vỏ nong được cấu tạo theo dạng cuộn mang lại tính linh hoạt, chống gấp khúc và chịu lực áp cao. - Cấu tạo gồm nòng trong và vỏ ngoài, 1 bình lọc chứa sỏi. - Gồm các cỡ: Nòng trong 10Fr, 11Fr, 12Fr vỏ ngoài 12Fr, 13Fr, 14Fr. - Chiều dài: 28cm, 35cm, 45cm. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ). 	Cái	20	G7

Hạng mục số	Mã phân/ lô	Tên phân/ lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ
6.4	PP2500466818	Vật tư y tế phẫu thuật nội soi niệu quản ngược dòng bằng ống soi mềm, tán sỏi thận bằng laser. Nhà thầu trúng thầu chịu trách nhiệm cung cấp cho chủ đầu tư thiết bị y tế (Máy tán sỏi Laser) để sử dụng vật tư y tế theo quy định của Luật khám bệnh, chữa bệnh năm 2023 và Luật Đấu thầu năm 2023	Dây dẫn ánh sáng lạnh dùng trong thủ thuật, phẫu thuật các loại, các cỡ	Dây truyền quang: Cấu tạo: Thạch anh. Kích cỡ: 200µm, độ dài: 3,0m. Tương thích, đồng bộ với máy tán sỏi Laser Accutech. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Cái	10	G7
7.1	PP2500466819	Vật tư y tế phẫu thuật tán sỏi qua da và phẫu thuật tuyến tiền liệt. Nhà thầu trúng thầu chịu trách nhiệm cung cấp cho chủ đầu tư thiết bị y tế (Máy điện cực) để sử dụng vật tư y tế theo quy định của Luật khám bệnh, chữa bệnh năm 2023 và Luật Đấu thầu năm 2023	Bộ nong nhựa kèm amplatzet dùng trong tán sỏi thận qua da các loại, các cỡ	Bộ nong tán sỏi qua da: - Quy cách: + 01 sheath cỡ 18Fr chữ Y chức năng tán và hút sỏi. + 06 nong thận, các cỡ:: 8Fr,10Fr,12Fr,14Fr,16Fr,18Fr. + 01 kim chọc dò, cỡ: 18G/20cm. + 01 guide wire. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ).	Bộ	20	G7
7.2	PP2500466819	Vật tư y tế phẫu thuật tán sỏi qua da và phẫu thuật tuyến tiền liệt. Nhà thầu trúng thầu chịu trách nhiệm	Ống thông (catheter) các loại, các cỡ	Ống thông tán sỏi qua da: - Cấu tạo và Quy cách: + Cỡ: 6Fr và 7Fr. + Chất liệu Polyurethane. + Đầu thẳng đóng.	Cái	30	G7

Hạng mục số	Mã phân/ lô	Tên phân/ lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ
		nhiệm cung cấp cho chủ đầu tư thiết bị y tế (Máy điện cực) để sử dụng vật tư y tế theo quy định của Luật khám bệnh, chữa bệnh năm 2023 và Luật Đấu thầu năm 2023		+ Đầu thẳng mở. + Đầu nối. + Đầu nhọn cung cấp khả năng tiếp cận không gây chấn thương khi truyền thuốc sản quang hoặc dây dẫn. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ).			
7.3	PP2500466819	Vật tư y tế phẫu thuật tán sỏi qua da và phẫu thuật tuyến tiền liệt. Nhà thầu trúng thầu chịu trách nhiệm cung cấp cho chủ đầu tư thiết bị y tế (Máy điện cực) để sử dụng vật tư y tế theo quy định của Luật khám bệnh, chữa bệnh năm 2023 và Luật Đấu thầu năm 2023	Miếng dán sát khuẩn các loại, các cỡ	Miếng dán tiết trùng sử dụng trong tán sỏi qua da: - Kích thước: 45cm x 45cm. - Lớp nền màng polyurethane siêu mỏng, dễ quan sát, thoáng khí và không thấm nước. - Thiết kế góc tròn, cố định chắc chắn. - Chất kết dính không gây dị ứng da. - Đóng gói, tiết trùng. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ).	Miếng	30	G7
7.4	PP2500466819	Vật tư y tế phẫu thuật tán sỏi qua da và phẫu thuật tuyến tiền liệt. Nhà thầu trúng thầu chịu trách nhiệm cung cấp cho chủ đầu tư thiết bị y tế (Máy điện cực) để sử dụng vật tư y tế theo quy định của Luật khám bệnh,	Điện cực cắt, đốt trong phẫu thuật nội soi cắt u tuyến tiền liệt các loại, các cỡ	Điện cực cắt đốt tuyến tiền liệt: + Chiều dài tổng: 289mm (±2mm). + Chiều dài trục: 231mm (±20mm). + Chiều dài cấp: 3000mm (±200mm). + Chiều dài lưỡi dao: 36mm (±5mm). + Độ rộng lưỡi dao: 5.2mm (+0.5mm). + Đường kính lưỡi dao: φ0.35 ~ φ1,0. + Chất liệu: Kim loại. - Đặc tính kỹ thuật: Thiết kế dạng vòng bao gồm vòng mỏng và vòng dày, được sử dụng để cắt tuyến tiền liệt qua niệu đạo, khối u bàng quang và cầm máu.	Bộ	20	Châu Á

Hạng mục số	Mã phần/ lô	Tên phần/ lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ
		chữa bệnh năm 2023 và Luật Đấu thầu năm 2023		- Đóng gói, tiệt khuẩn riêng từng gói. - Hạn sử dụng tối đa 3 năm. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.			
8.1	PP2500466820	Các loại bơm tiêm, kim tiêm	Bơm sử dụng để bơm thức ăn cho người bệnh các loại, các cỡ	Bơm thức ăn 50ml: - Xy lanh được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. - Đốc xy lanh to lắp vừa dây cho ăn. - Bơm có vạch chia thể tích tối đa 60ml, vạch chia nhỏ nhất \leq 1ml để tiện sử dụng cho trẻ em - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ).	Cái	1.500	Việt Nam
8.2	PP2500466820	Các loại bơm tiêm, kim tiêm	Bơm tiêm (syringe) dùng một lần các loại, các cỡ	Bơm tiêm 3ml: - Xy lanh dung tích 3ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Pít tông có khía bề gãy để hùi, không có ba vĩa. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN).	Cái	200.000	Việt Nam
8.3	PP2500466820	Các loại bơm tiêm, kim tiêm	Bơm tiêm (syringe) dùng một lần các loại, các cỡ	Bơm tiêm 10ml: - Xy lanh dung tích 10ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Có thang chia dung tích hút tối đa đến 12ml, vạch chia nhỏ nhất \leq 0,2ml - Pít tông có khía bề gãy để hùi, không có ba vĩa. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu) và	Cái	250.000	Việt Nam

Hạng mục số	Mã phần/ lô	Tên phần/ lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ
				tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN).			
8.4	PP2500466820	Các loại bơm tiêm, kim tiêm	Bơm tiêm (syringe) dùng một lần các loại, các cỡ	<p>Bơm tiêm 5ml: - Xy lanh dung tích 5ml, được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét.</p> <p>- Có thang chia dung tích hút tối đa đến 6ml</p> <p>- Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy, không có ba vĩa.</p> <p>- Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng.</p> <p>- Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN).</p>	Cái	300.000	Việt Nam
8.5	PP2500466820	Các loại bơm tiêm, kim tiêm	Bơm tiêm (syringe) dùng một lần các loại, các cỡ	<p>Bơm tiêm 20ml: - Xy lanh dung tích 20ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét.</p> <p>- Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy, không có ba vĩa.</p> <p>- Đầu côn lệch tâm giúp cho việc đui khí dễ dàng, thuận tiện</p> <p>- Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim cỡ 23Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng.</p> <p>- Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN).</p>	Cái	15.000	Việt Nam
8.6	PP2500466820	Các loại bơm tiêm, kim tiêm	Bơm tiêm (syringe) dùng một lần các loại, các cỡ	<p>Bơm tiêm 50ml: - Xy lanh dung tích 50ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét.</p> <p>- Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy, không có ba vĩa.</p> <p>- Đốc xy lanh nhỏ, gắn chắc chắn với tất cả các cỡ kim, an toàn khi sử dụng.</p> <p>- Đầu côn lệch tâm giúp cho việc đui khí dễ dàng, thuận tiện</p> <p>- Bơm có vạch chia thể tích tối đa 60ml, vạch chia nhỏ nhất ≤ 1ml để tiện sử dụng cho trẻ em</p> <p>- Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN).</p>	Cái	3.000	Việt Nam

Hạng mục số	Mã phần/ lô	Tên phần/ lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ
8.7	PP2500466820	Các loại bơm tiêm, kim tiêm	Kim lấy máu, lấy thuốc các loại, các cỡ	Kim các số 18Gx1 1/2", 20Gx1 1/2", 23Gx1", Vi đựng kim có chỉ thị màu phân biệt các cỡ kim. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Cái	120.000	Việt Nam
8.8	PP2500466820	Các loại bơm tiêm, kim tiêm	Bơm tiêm dùng cho máy tiêm điện tự động các loại, các cỡ	Bơm tiêm dùng cho máy tiêm điện: Dung tích 50ml. Xylanh làm bằng nhựa nguyên sinh trong suốt, độc xilanh có kết cấu đầu xoắn (Luer lock) để kết nối chắc chắn với dây nối bơm tiêm điện; Gioăng mềm dẻo, khí và dung dịch không lọt qua gioăng ở đầu bít piston. Dễ dàng quan sát thể tích làm đầy. Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. Vạch chia liều lượng chính xác, rõ ràng. Bơm được sử dụng cho máy bơm tiêm điện. Bơm có vạch chia thể tích tối đa 60ml, vạch chia nhỏ nhất ≤ 1ml để tiện sử dụng cho trẻ em. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu) và Tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN).	Cái	13.000	Việt Nam
9	PP2500466821	Thủy tinh thể nhân tạo. Nhà thầu trúng thầu chịu trách nhiệm cung cấp cho chủ đầu tư thiết bị y tế (máy phaco) để sử dụng vật tư y tế theo quy định của Luật khám bệnh, chữa bệnh năm 2023 và Luật Đầu thầu năm 2023	Thủy tinh thể nhân tạo các loại, các cỡ	Thủy tinh thể mềm đơn tiêu một mảnh, lắp sẵn trong dụng cụ cartridge liền injector sử dụng một lần (Preloaded); phi cầu; vật liệu Hydrophobic acrylic không lấp lánh; lọc tia UV; góc tiếp xúc từ 1 độ đến 3 độ; chỉ số khúc xạ: ≤1.49; đường kính optic ≤ 6.0mm; chiều dài toàn bộ ≤ 13.0 mm; Hãng số A ≥ 118.9; phạm vi Diop từ -10.0 Diop đến 36 Diop, bước điều chỉnh 0.5 Diop; đường kính ngoài đầu tip cartridge < 2.0 mm, cho phép đặt qua vết mổ nhỏ. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Cái	250	G7
10	PP2500466822	Thủy tinh thể nhân tạo. Nhà thầu trúng thầu chịu trách nhiệm cung cấp cho chủ đầu tư thiết bị y tế (máy phaco) để sử dụng vật tư y tế theo quy định của Luật	Thủy tinh thể nhân tạo các loại, các cỡ	Thủy tinh thể mềm đơn tiêu một mảnh lắp sẵn trong dụng cụ cartridge liền injector sử dụng một lần (Preloaded); nhuộm vàng; phi cầu; vật liệu Hydrophobic acrylic không lấp lánh; lọc tia UV; lọc ánh sáng xanh; góc tiếp xúc từ 1 độ - 3 độ, chỉ số khúc xạ ≤ 1.48 tại 35 độ; đường kính optic ≤ 6.0mm; chiều dài toàn bộ ≤ 13.0 mm; Hãng số A ≥ 118.9; phạm vi Diop từ -10.0 Diop đến 36 Diop (cách khoảng 0.5 Diop); đường kính ngoài đầu tip cartridge < 2.0 mm, cho phép đặt qua vết mổ	Cái	250	G7

Hạng mục số	Mã phần/ lô	Tên phần/ lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ
		khám bệnh, chữa bệnh năm 2023 và Luật Đầu thầu năm 2024		nhỏ. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).			
11	PP2500466823	Thủy tinh thể nhân tạo. Nhà thầu trúng thầu chịu trách nhiệm cung cấp cho chủ đầu tư thiết bị y tế (máy phaco) để sử dụng vật tư y tế theo quy định của Luật khám bệnh, chữa bệnh năm 2023 và Luật Đầu thầu năm 2025	Thủy tinh thể nhân tạo các loại, các cỡ	Loại kính đơn tiêu mềm, một mảnh, không ngâm nước; đường kính optic $\leq 6.15\text{mm}$; đường kính toàn bộ dài $\leq 11.00\text{mm}$; hình dạng 4 càng, bờ góc vuông 360 độ. - Thiết kế optic: phi cầu mặt sau, loại bỏ cầu sai giác mạc; góc càng 5 độ. Hằng số ≥ 119.2 đo bằng siêu âm, có thể đặt qua vết mổ nhỏ 2.2mm. Độ sâu tiền phòng đề nghị (ACD): 5.77mm khi đo bằng siêu âm, 6.03 đo bằng laser. Phạm vi diop: từ 0D đến 35D (cách khoảng 0,5D). Chỉ số khúc xạ: 1.54, Chỉ số ABBE ≤ 38 . - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Cái	200	G7
12	PP2500466824	Thủy tinh thể nhân tạo. Nhà thầu trúng thầu chịu trách nhiệm cung cấp cho chủ đầu tư thiết bị y tế (máy phaco) để sử dụng vật tư y tế theo quy định của Luật khám bệnh, chữa bệnh năm 2023 và Luật Đầu thầu năm 2026	Thủy tinh thể nhân tạo các loại, các cỡ	Thủy tinh thể mềm, đơn tiêu, 1 mảnh, phi cầu, tăng cường thị lực trung gian. - Chất liệu: Hydrophobic Acrylic, không có hiện tượng Glistening. - Lọc tia UV. - Càng dạng chữ C, góc càng từ 1 độ đến 3 độ. - Chiều dài tổng thể $\leq 13\text{mm}$. - Đường kính optic: $\leq 6\text{mm}$. - Chỉ số khúc xạ ≤ 1.49 . - Chỉ số pACD: 5,68. - Phạm vi diop: đáp ứng từ +5.0 D đến 35.0 D (cách khoảng 0.5D). - Hằng số A ≥ 118.9 . - Chỉ số ABBE: 57. - Thủy tinh thể được lắp sẵn trong dụng cụ cartridge liền injector sử dụng một lần, đường kính ngoài đầu tip cartridge $< 2.0\text{mm}$ có thể đặt qua vết mổ từ 2.0mm – 2.2 mm. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Cái	200	G7

Hạng mục số	Mã phần/ lô	Tên phần/ lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ
13	PP2500466825	Thủy tinh thể nhân tạo. Nhà thầu trúng thầu chịu trách nhiệm cung cấp cho chủ đầu tư thiết bị y tế (máy phaco) để sử dụng vật tư y tế theo quy định của Luật khám bệnh, chữa bệnh năm 2023 và Luật Đầu thầu năm 2027	Thủy tinh thể nhân tạo các loại, các cỡ	Thủy tinh thể nhân tạo: Loại kính, đặt trong túi bao, đã được lắp sẵn trong injector (preloaded). Đường kính optic $\leq 6.0\text{mm}$; đường kính toàn bộ: từ $\leq 10.79\text{mm}$, thiết kế 1 mảnh bờ góc vuông 360 độ; Optic: phi cầu, loại bỏ cầu sai giác mạc; đa tiêu cự bề mặt bán phần trước, 2 mặt lõm đều; góc càng 5 độ; chất liệu: Hydrophobic Acrylic; phạm vi diop từ 10D đến 35D; loại kính đa tiêu cự: diop cộng thêm 2.5D/3.00D; Hãng số đề nghị (SRK-T): 119.3 đo bằng siêu âm, 119.7 đo bằng laser. Độ sâu tiền phòng đề nghị (ACD): 5.77mm khi đo bằng siêu âm; 6.03mm khi đo bằng laser, Chỉ số khúc xạ: 1.54, Phương pháp vô khuẩn: Ethylene oxide, có thể đặt qua vết mổ 2.0mm. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Cái	20	G7
14	PP2500466826	Thủy tinh thể nhân tạo. Nhà thầu trúng thầu chịu trách nhiệm cung cấp cho chủ đầu tư thiết bị y tế (máy phaco) để sử dụng vật tư y tế theo quy định của Luật khám bệnh, chữa bệnh năm 2023 và Luật Đầu thầu năm 2028	Thủy tinh thể nhân tạo các loại, các cỡ	1. Thủy tinh thể mềm 1 mảnh, đơn tiêu cự, lọc tia UV 2. Chất liệu Hydrophilic acrylic ngậm nước 25,5%, lọc ánh sáng xanh, tím (nhuộm vàng tự nhiên) 3. Optic: Thiết kế cầu sai hiệu chỉnh dạng trung tính 4. Càng: thiết kế càng 2 vòng khép kín dạng hình phiến hoặc đĩa, bờ vuông 360 độ chống đục bao sau, góc càng 0 độ. 5. Đường kính: 6.00 mm 6. Chiều dài tổng: 10.75 mm 7. Chỉ số khúc xạ: 1.46 8. Chỉ số ABBE: 47 9. Dãy công suất từ -5,00 D đến +40,0 D. 10. Kèm cartridge kèm injector dùng một lần 11. Đặt được qua vết mổ nhỏ 2.2mm 12. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Cái	250	Châu Âu
15	PP2500466827	Thủy tinh thể nhân tạo. Nhà thầu trúng thầu chịu trách nhiệm cung cấp cho chủ đầu tư thiết bị y tế (máy phaco) để sử dụng vật tư y tế theo	Thủy tinh thể nhân tạo các loại, các cỡ	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh, đơn tiêu cự, không màu. - Chất liệu vùng quang học: ky nước. - Không nhuộm vàng, lọc tia cực tím (UV). - Chỉ số khúc xạ: ≥ 1.548 . - Đặc điểm càng: 2 càng. - Chiều dài thủy tinh thể: $\geq 13\text{ mm}$.	Cái	200	Châu Á

Hạng mục số	Mã phần/ lô	Tên phần/ lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ
		quy định của Luật khám bệnh, chữa bệnh năm 2023 và Luật Đầu thầu năm 2029		<ul style="list-style-type: none"> - Đường kính vùng quang học: ≥ 6 mm. - Dải công suất đáp ứng: từ +6D đến +30D. - Kích thước vết mờ: ≤ 2.2mm. - Thủy tinh thể lắp sẵn, dạng xoay. - Càng chữ C, góc càng 0°. - Hằng số A: ≥ 118.9. - Chỉ số cầu sai (SA) trong khoảng: $-0.16\mu\text{m}$ đến $-0.14\mu\text{m}$. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu). 			
16	PP2500466828	Thủy tinh thể nhân tạo. Nhà thầu trúng thầu chịu trách nhiệm cung cấp cho chủ đầu tư thiết bị y tế (máy phaco) để sử dụng vật tư y tế theo quy định của Luật khám bệnh, chữa bệnh năm 2023 và Luật Đầu thầu năm 2030	Thủy tinh thể nhân tạo các loại, các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> Thủy tinh thể nhân một mảnh, đơn tiêu cự, 1 mảnh, phi cầu màu vàng. - Chất liệu vùng quang học: ky nước. - Nhuộm vàng, lọc tia cực tím (UV); lọc ánh sáng xanh. - Chỉ số khúc xạ: ≥ 1.54. - Đặc điểm càng: 2 càng. - Chiều dài thủy tinh thể: ≥ 13.0 mm. - Đường kính vùng quang học: ≥ 6.0 mm. - Dải công suất đáp ứng: Đáp ứng từ +6.0 D đến +30.0 D. - Kích thước vết mờ: ≤ 2.2mm. - Dụng cụ đặt kính: Lắp sẵn dạng xoay. - Càng chữ C, góc càng $\leq 1.5^\circ$. - Hằng số A: ≥ 118. - Chỉ số cầu sai (SA) của Optic trong khoảng: $-0.16\mu\text{m} \pm 5\%$. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu). 	Cái/ Hộp	300	Châu Á
17	PP2500466829	Thủy tinh thể nhân tạo. Nhà thầu trúng thầu chịu trách nhiệm cung cấp cho chủ đầu tư thiết bị y tế (máy phaco) để sử dụng vật tư y tế theo quy định của Luật khám bệnh, chữa bệnh năm 2023 và Luật Đầu thầu năm	Thủy tinh thể nhân tạo các loại, các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Thủy tinh thể mềm 1 mảnh, cài đặt sẵn, màu vàng tự nhiên Chromophore, chất liệu Acrylic Hydrophobic. - Optic thiết kế phi cầu. - Lọc ánh sáng xanh (UY) và tia cực tím (UV). - Optic thiết kế rìa vuông 360 độ. - Càng chữ C/L, góc càng 0 độ. - Chỉ số khúc xạ: ≥ 1.524. - Độ sâu tiền phòng ACD: ≤ 5.28 mm. - Chỉ số ABBE: ≤ 47. - Hằng số A: ≥ 118.4. - Chỉ số cầu sai (SA): $-0.20\mu\text{m} \pm 5\%$. 	Cái/ Hộp	200	Châu Âu

Hạng mục số	Mã phần/ lô	Tên phần/ lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ
		2031		<ul style="list-style-type: none"> - Dải công suất từ + 0.0D đến + 35.0D (tăng 0.5 Diop). - Dụng cụ đặt kính: Lắp sẵn. - Đặt qua vết mổ: $\leq 2.2\text{mm}$. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu). 			
18	PP2500466830	Thủy tinh thể nhân tạo. Nhà thầu trúng thầu chịu trách nhiệm cung cấp cho chủ đầu tư thiết bị y tế (máy phaco) để sử dụng vật tư y tế theo quy định của Luật khám bệnh, chữa bệnh năm 2023 và Luật Đấu thầu năm 2032	Thủy tinh thể nhân tạo các loại, các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh, đơn tiêu cự, không màu. - Chất liệu vùng quang học: Acrylic Hydrophobic - kỵ nước, hàm lượng nước <0,5% - Không nhuộm vàng, lọc tia cực tím (UV). - Chỉ số khúc xạ: $1.49 < n < 1.53$ - Đặc điểm càng: 2 càng. - Chiều dài thủy tinh thể: $\geq 13\text{ mm}$. - Đường kính vùng quang học: $\geq 5.5\text{ mm}$. - Dải công suất đáp ứng: từ +0.0 D đến +34.0 D. - Kích thước vết mổ: $\leq 2.4\text{mm}$. - Thủy tinh thể lắp sẵn - Càng chữ C, góc càng 0°. - Chỉ số ABBE ≥ 50, Hằng số A: ≥ 118.7 - Cầu sai âm tính điều chỉnh quang sai - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu). 	Cái	250	G7
19	PP2500466831	Thủy tinh thể nhân tạo. Nhà thầu trúng thầu chịu trách nhiệm cung cấp cho chủ đầu tư thiết bị y tế (máy phaco) để sử dụng vật tư y tế theo quy định của Luật khám bệnh, chữa bệnh năm 2023 và Luật Đấu thầu năm 2033	Thủy tinh thể nhân tạo các loại, các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh, đơn tiêu cự, màu vàng - Chất liệu vùng quang học: Acrylic Hydrophobic - kỵ nước, hàm lượng nước <0,5% - Lọc ánh sáng xanh, lọc tia cực tím (UV). - Chỉ số khúc xạ: $1.49 < n < 1.53$ - Đặc điểm càng: 2 càng. - Chiều dài thủy tinh thể: $\geq 13\text{ mm}$. - Đường kính vùng quang học: $\geq 5.5\text{ mm}$. - Dải công suất đáp ứng: từ +0.0 D đến +34.0 D. - Kích thước vết mổ: $\leq 2.4\text{mm}$. - Kèm dụng cụ đặt súng - Càng chữ C, góc càng 0°. - Chỉ số ABBE ≥ 50, Hằng số A: ≥ 118.7 	Cái	250	G7

Hạng mục số	Mã phần/ lô	Tên phần/ lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ
				- Cầu sai âm tính điều chỉnh quang sai Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).			
20	PP2500466832	Vật tư y tế phẫu thuật nội soi, mổ mở sử dụng Máy phẫu thuật sóng siêu âm. Nhà thầu trúng thầu chịu trách nhiệm cung cấp cho chủ đầu tư thiết bị y tế (Máy phẫu thuật sóng siêu âm) để sử dụng vật tư y tế theo quy định của Luật khám bệnh, chữa bệnh năm 2023 và Luật Đấu thầu năm 2023	Đầu đốt (đơn cực, lưỡng cực, kết hợp đơn cực lưỡng cực), lưỡi dao mổ điện, dao mổ laser, dao mổ siêu âm, dao mổ plasma, dao radio, dao cắt gan siêu âm, dao cắt hàn mạch, hàn mô các loại, các cỡ (bao gồm cả tay dao và dây dao)	Dây dao siêu âm (Bộ phận chuyển đổi điện năng thành dao động cơ học), tần số 55.5 kHz dùng cho tay dao siêu âm mổ mở. Tương thích với tay dao cùng loại và máy phát năng lượng tạo sóng siêu âm cùng hãng sản xuất. -Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Cái	2	Châu Á
21	PP2500466833	Vật tư y tế phẫu thuật nội soi, mổ mở sử dụng Máy phẫu thuật sóng siêu âm. Nhà thầu trúng thầu chịu trách nhiệm cung cấp cho chủ đầu tư thiết bị y tế (Máy phẫu thuật sóng siêu âm) để sử dụng vật tư y tế theo quy định của Luật khám bệnh, chữa bệnh năm 2023 và Luật Đấu thầu năm 2023	Đầu đốt (đơn cực, lưỡng cực, kết hợp đơn cực lưỡng cực), lưỡi dao mổ điện, dao mổ laser, dao mổ siêu âm, dao mổ plasma, dao radio, dao cắt gan siêu âm, dao cắt hàn mạch, hàn mô các loại, các cỡ (bao gồm cả tay dao và dây dao)	Dây dao siêu âm (Bộ phận chuyển đổi điện năng thành dao động cơ học), tần số 55.5 kHz dùng cho tay dao siêu âm mổ nội soi. Tương thích với tay dao cùng loại và máy phát năng lượng tạo sóng siêu âm cùng hãng sản xuất. -Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Cái	2	Châu Á
22	PP2500466834	Vật tư y tế phẫu thuật nội soi, mổ mở sử dụng	Đầu đốt (đơn cực, lưỡng cực, kết hợp đơn cực lưỡng cực),	Tay dao siêu âm chuyên dùng trong mổ mở và mổ nội soi, đầu cong. Chiều dài cán: 14cm, 23cm, 36mm, đường kính cán	Cái	20	Châu Á

Hạng mục số	Mã phân/ lô	Tên phân/ lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ
		dụng Máy phẫu thuật sóng siêu âm. Nhà thầu trúng thầu chịu trách nhiệm cung cấp cho chủ đầu tư thiết bị y tế (Máy phẫu thuật sóng siêu âm) để sử dụng vật tư y tế theo quy định của Luật khám bệnh, chữa bệnh năm 2023 và Luật Đầu thầu năm 2023	lưỡi dao mổ điện, dao mổ laser, dao mổ siêu âm, dao mổ plasma, dao radio, dao cắt gan siêu âm, dao cắt hàn mạch, hàn mô các loại, các cỡ (bao gồm cả tay dao và dây dao)	5mm. - Chiều dài hàm dao 14.72mm, chiều dài lưỡi dao 14.72mm, độ mở hàm 15.87mm, độ rộng hàm 2.74mm. - Thiết kế dạng tay súng. - Đa chức năng: Gấp, rạch, cắt, hàn mạch ... - Tay cầm thiết kế công thái học, nút bấm phủ lớp cao su mềm giúp dễ dàng và thoải mái khi sử dụng. - Có các điểm gờ nổi trên nút Max giúp phân biệt với nút Min. - Nút vặn tích hợp trên tay dao giúp kết nối với dây dao dễ dàng hơn. - Đóng gói không bao gồm chia vận hỗ trợ kết nối với dây dao Tương thích với dây dao siêu âm cùng loại (Bộ phận chuyển đổi điện năng thành cơ năng) và máy phát năng lượng tạo sóng siêu âm cùng hãng sản xuất.			
23	PP2500466835	Vật tư y tế phẫu thuật nội soi, mổ mở sử dụng Máy phẫu thuật sóng siêu âm. Nhà thầu trúng thầu chịu trách nhiệm cung cấp cho chủ đầu tư thiết bị y tế (Máy phẫu thuật sóng siêu âm) để sử dụng vật tư y tế theo quy định của Luật khám bệnh, chữa bệnh năm 2023 và Luật Đầu thầu năm 2023	Đầu đốt (đơn cực, lưỡng cực, kết hợp đơn cực lưỡng cực), lưỡi dao mổ điện, dao mổ laser, dao mổ siêu âm, dao mổ plasma, dao radio, dao cắt gan siêu âm, dao cắt hàn mạch, hàn mô các loại, các cỡ (bao gồm cả tay dao và dây dao)	Tay dao siêu âm chuyên dùng trong mổ mở, tay cầm dạng kéo, đầu cong, chiều dài cán 9cm. - Chiều dài hàm dao 15.8mm, chiều dài lưỡi dao 15.8mm, độ mở hàm 27mm, độ rộng hàm 3.63mm. - Đa chức năng: Gấp, rạch, cắt, hàn mạch ... - Tay cầm thiết kế công thái học, nút bấm phủ lớp cao su mềm giúp dễ dàng và thoải mái khi sử dụng. - Có các điểm gờ nổi trên nút Max giúp phân biệt với nút Min. Tương thích với dây dao siêu âm cùng loại (Bộ phận chuyển đổi điện năng thành cơ năng) và máy phát năng lượng tạo sóng siêu âm cùng hãng sản xuất. -Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Cái	20	Châu Á
24	PP2500466836	Vật tư y tế phẫu thuật nội soi, mổ mở sử dụng Máy phẫu thuật sóng siêu âm. Nhà thầu trúng thầu chịu	Đầu đốt (đơn cực, lưỡng cực, kết hợp đơn cực lưỡng cực), lưỡi dao mổ điện, dao mổ laser, dao mổ siêu âm, dao mổ plasma, dao radio, dao	Dây dao siêu âm (Bộ phận chuyển đổi điện năng thành dao động cơ học), tần số ≥ 55 kHz, dài 3m, dùng cho tay dao siêu âm mổ mở. Tương thích với tay dao và máy phát năng lượng tạo sóng siêu âm cùng hãng sản xuất.	Cái	2	Châu Á

Hạng mục số	Mã phần/ lô	Tên phần/ lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ
		trách nhiệm cung cấp cho chủ đầu tư thiết bị y tế (Máy phẫu thuật sóng siêu âm) để sử dụng vật tư y tế theo quy định của Luật khám bệnh, chữa bệnh năm 2023 và Luật Đấu thầu năm 2023	cắt gan siêu âm, dao cắt hàn mạch, hàn mô các loại, các cỡ (bao gồm cả tay dao và dây dao)	-Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.			
25	PP2500466837	Vật tư y tế phẫu thuật nội soi, mổ mở sử dụng Máy phẫu thuật sóng siêu âm. Nhà thầu trúng thầu chịu trách nhiệm cung cấp cho chủ đầu tư thiết bị y tế (Máy phẫu thuật sóng siêu âm) để sử dụng vật tư y tế theo quy định của Luật khám bệnh, chữa bệnh năm 2023 và Luật Đấu thầu năm 2023	Đầu đốt (đơn cực, lưỡng cực, kết hợp đơn cực lưỡng cực), lưỡi dao mổ điện, dao mổ laser, dao mổ siêu âm, dao mổ plasma, dao radio, dao cắt gan siêu âm, dao cắt hàn mạch, hàn mô các loại, các cỡ (bao gồm cả tay dao và dây dao)	Dây dao siêu âm (Bộ phận chuyển đổi điện năng thành dao động cơ học), tần số ≥ 55 kHz, dài 3m, dùng cho tay dao siêu âm mổ nội soi. Tương thích với tay dao và máy phát năng lượng tạo sóng siêu âm cùng hãng sản xuất. -Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Cái	2	Châu Á
26	PP2500466838	Vật tư y tế phẫu thuật nội soi, mổ mở sử dụng Máy phẫu thuật sóng siêu âm. Nhà thầu trúng thầu chịu trách nhiệm cung cấp cho chủ đầu tư thiết bị y tế (Máy phẫu thuật sóng siêu âm)	Đầu đốt (đơn cực, lưỡng cực, kết hợp đơn cực lưỡng cực), lưỡi dao mổ điện, dao mổ laser, dao mổ siêu âm, dao mổ plasma, dao radio, dao cắt gan siêu âm, dao cắt hàn mạch, hàn mô các loại, các cỡ (bao gồm cả tay dao và dây dao)	Tay dao siêu âm chuyên dùng trong mổ mở và mổ nội soi - Đường kính 5.5mm - Chiều dài 360mm - Ngàm cong - Trục xoay 360 độ - Tần số 55 kHz - Phím kích hoạt năng lượng: 02 cái. - Có thể kích hoạt năng lượng bằng bàn đạp. Có thể dùng đóng các mạch máu có đường kính không quá	Cái	30	Châu Á

Hạng mục số	Mã phân/ lô	Tên phân/ lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ
		để sử dụng vật tư y tế theo quy định của Luật khám bệnh, chữa bệnh năm 2023 và Luật Đầu thầu năm 2023		3mm. Tương thích với dây dao siêu âm (Bộ phận chuyển đổi điện năng thành cơ năng) và máy phát năng lượng tạo sóng siêu âm cùng hãng sản xuất. -Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.			
27	PP2500466839	Vật tư y tế phẫu thuật nội soi, mổ mở sử dụng Máy phẫu thuật sóng siêu âm. Nhà thầu trúng thầu chịu trách nhiệm cung cấp cho chủ đầu tư thiết bị y tế (Máy phẫu thuật sóng siêu âm) để sử dụng vật tư y tế theo quy định của Luật khám bệnh, chữa bệnh năm 2023 và Luật Đầu thầu năm 2023	Đầu đốt (đơn cực, lưỡng cực, kết hợp đơn cực lưỡng cực), lưỡi dao mổ điện, dao mổ laser, dao mổ siêu âm, dao mổ plasma, dao radio, dao cắt gan siêu âm, dao cắt hàn mạch, hàn mô các loại, các cỡ (bao gồm cả tay dao và dây dao)	Tay dao siêu âm chuyên dùng trong mổ mở và mổ nội soi: '- Đường kính 5.5mm - Chiều dài 230mm - Ngàm cong - Trục xoay 360 độ - Tần số 55 kHz - Phím kích hoạt năng lượng: 02 - Có thể kích hoạt năng lượng bằng bàn đạp. Có thể dùng đóng các mạch máu có đường kính không quá 3mm. Tương thích với dây dao siêu âm (Bộ phận chuyển đổi điện năng thành cơ năng) và máy phát năng lượng tạo sóng siêu âm cùng hãng sản xuất. -Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Cái	30	Châu Á
28	PP2500466840	Vật tư y tế phẫu thuật nội soi, mổ mở sử dụng Máy phẫu thuật sóng siêu âm. Nhà thầu trúng thầu chịu trách nhiệm cung cấp cho chủ đầu tư thiết bị y tế (Máy phẫu thuật sóng siêu âm) để sử dụng vật tư y tế theo quy định của Luật khám bệnh, chữa bệnh năm 2023	Đầu đốt (đơn cực, lưỡng cực, kết hợp đơn cực lưỡng cực), lưỡi dao mổ điện, dao mổ laser, dao mổ siêu âm, dao mổ plasma, dao radio, dao cắt gan siêu âm, dao cắt hàn mạch, hàn mô các loại, các cỡ (bao gồm cả tay dao và dây dao)	Tay dao siêu âm chuyên dùng trong mổ mở và mổ nội soi: '- Đường kính 7mm - Chiều dài 90mm - Ngàm cong - Tần số 55 kHz - Phím kích hoạt năng lượng: 02 - Có thể kích hoạt năng lượng bằng bàn đạp. Có thể dùng đóng các mạch máu có đường kính không quá 3mm. Tương thích với dây dao siêu âm (Bộ phận chuyển đổi điện năng thành cơ năng) và máy phát năng lượng tạo sóng siêu âm cùng hãng sản xuất. -Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Cái	20	Châu Á

Hạng mục số	Mã phân/ lô	Tên phân/ lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ
		và Luật Đấu thầu năm 2023					
29	PP2500466841	Bông (gòn), bông tằm dung dịch các loại, các cỡ	Bông (gòn), bông tằm dung dịch các loại, các cỡ	Bông y tế làm từ bông xơ tự nhiên 100% cotton và được chế từ lông của hạt cây Bông, đã loại mỡ, tẩy trắng và làm toi. Quy cách đóng gói: 500gram/gói. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Gói/ Cuộn	700	Việt Nam
30	PP2500466842	Bông (gòn), bông tằm dung dịch các loại, các cỡ	Bông (gòn), bông tằm dung dịch các loại, các cỡ	Bông không hút nước được chế từ lông của hạt cây bông, không loại mỡ (theo TCCS Bông y tế (chưa tiết trùng) - nguyên liệu 100% sợi Bông. Sợi mảnh, mềm, trơn, được chải kỹ, có độ đàn hồi cao và không còn quá nhiều nút, Không mùi, Bông chưa tẩy trắng, có màu hơi ngà vàng bóng. Kích thước 0,1m x 2m (6 cuộn/gói). - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Gói/ Cuộn	2.000	Việt Nam
31	PP2500466843	Bông (gòn), bông tằm dung dịch các loại, các cỡ	Bông (gòn), bông tằm dung dịch các loại, các cỡ	Bông y tế làm từ bông xơ tự nhiên 100% cotton và được chế từ lông của hạt cây Bông, đã loại mỡ, tẩy trắng và làm toi. Quy cách đóng gói: 5 gram/gói. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Gói/ Cuộn	2.000	Việt Nam
32	PP2500466844	Bông (gòn), bông tằm dung dịch các loại, các cỡ	Bông (gòn), bông tằm dung dịch các loại, các cỡ	Bông gạc đắp vết thương có thành phần kết hợp từ 1 lớp Bông y tế (bông hút nước) bên trong và 1 lớp Vải bọc bên ngoài. Lớp Vải bọc này được làm từ 2 loại nguyên liệu: hoặc từ Gạc y tế (Gạc hút nước) hoặc từ Gạc vải không dệt (Vải không dệt ngấm), được tiết trùng bằng khí EO. Kích thước: 5cm x7cm - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Gói/ Cuộn	2.000	Việt Nam
33	PP2500466845	Dung dịch rửa tay sát khuẩn dùng trong khám bệnh, thực hiện phẫu thuật, thủ thuật, xét nghiệm các loại	Dung dịch rửa tay sát khuẩn dùng trong khám bệnh, thực hiện phẫu thuật, thủ thuật, xét nghiệm các loại	- Thành phần: Chlohexidine gluconate 4% Tác dụng: diệt vi khuẩn gram (-), gram (+), kể cả trực khuẩn lao, trực khuẩn mũ xanh, virus (HIV, virus viêm gan B) và nấm. Có hiệu quả kéo dài tới 6 giờ sau khi rửa. - Đóng bình 5 lít - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bình/ can	30	Asean
34	PP2500466846	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dụng cụ các loại	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dụng cụ các loại	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao: Thành phần: Ortho-Phthalaldehyde 0,55% (w/w), hệ đệm pH =7-9. Hiệu quả sau thời gian ngâm tối thiểu 5 phút. Hiệu quả vi sinh (phase 2, step 2) Vi khuẩn : EN 14561	Lít	2.500	Việt Nam

Hạng mục số	Mã phần/ lô	Tên phần/ lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ
				Nấm, mốc : EN 14562 Mycobacterium (Trực khuẩn lao): EN 14563 Test thử đi kèm tương thích với sản phẩm. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.			
35	PP2500466847	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ các loại	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ các loại	Dung dịch làm tan Protein dùng cho dụng cụ y tế: Thành phần: 5 Enzyme hiệu suất cao (Protease 5%, Lipases 1%, Amylases 2%, Mannanase 1% , Cellulase 1%, chất chống ăn mòn 0,2%, chất chống tạo Biofilm 4%). - Tác dụng: Làm sạch dụng cụ y tế, dụng cụ nha khoa, dụng cụ phẫu thuật. - Đóng can/bình: 5 lít - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Can/ Bình	70	Asean
36	PP2500466848	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ các loại	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ các loại	Dung dịch tẩy oxy hóa trên bề mặt kim loại: Thành phần chính: Glycolic acid 8%, Ethoxylated Alcohol 5% - Đóng can/chai: 750ml - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Can/Chai	6	Asean
37	PP2500466849	Băng bột bó, vải lót bó bột, tất lót bó bột các loại, các cỡ	Băng bột bó, vải lót bó bột, tất lót bó bột các loại, các cỡ	Bột bó dùng trong chấn thương chỉnh hình, size 10cm x 2,7m, '- Cấu tạo: Gồm một miếng gạc cotton được trải thạch cao hơn 97% thạch cao nguyên chất và được cuộn trên một lõi tròn. Trọng lượng bột: 440-585 g/m ² . Thời gian đông kết nhanh: 80-110 giây. Mức độ hấp thụ nước: 23-40%. Mức độ chịu lực tác động sau thời gian 30 phút: 5-11 Kg/dm. Mức độ chịu lực sau khi khô hoàn toàn: 9-19 Kg/dm - Ưu điểm: Băng ướm nhanh chóng và đều. Dễ ứng dụng cho kỹ thuật bó bột. Hỗn hợp thạch cao mịn như kem tạo cho bề mặt lớp bột bó đồng nhất và trơn láng. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Cuộn	1.300	G20
38	PP2500466850	Băng bột bó, vải lót bó bột, tất lót bó bột các loại, các cỡ	Băng bột bó, vải lót bó bột, tất lót bó bột các loại, các cỡ	Bột bó dùng trong chấn thương chỉnh hình, size 15cm x 2,7m, '- Cấu tạo: Gồm một miếng gạc cotton được trải thạch cao hơn 97% thạch cao nguyên chất và được cuộn trên một lõi tròn. Trọng lượng bột: 440-585 g/m ² . Thời gian đông kết nhanh: 80-110 giây. Mức độ hấp thụ nước: 23-40%. Mức độ chịu lực tác động sau thời gian 30 phút: 5-11 Kg/dm. Mức độ chịu lực sau khi khô hoàn toàn: 9-19 Kg/dm	Cuộn	1.300	G20

Hạng mục số	Mã phân/ lô	Tên phân/ lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ
				- Ưu điểm: Băng ướt nhanh chóng và đều. Dễ ứng dụng cho kỹ thuật bó bột. Hỗn hợp thạch cao mịn như kem tạo cho bề mặt lớp bột bó đồng nhất và trơn láng. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.			
39	PP2500466851	Băng chun, băng đàn hồi các loại, các cỡ	Băng chun, băng đàn hồi các loại, các cỡ	Băng thun y tế là sản phẩm dệt từ sợi Polyester và sợi cao su (hoặc hợp chất tương tự). Kích thước: 0,1m x 4,5m Chưa tiệt trùng. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Cuộn	1.500	Việt Nam
40	PP2500466852	Băng chun, băng đàn hồi các loại, các cỡ	Băng chun, băng đàn hồi các loại, các cỡ	Băng thun y tế là sản phẩm dệt từ sợi Polyester và sợi cao su (hoặc hợp chất tương tự). Kích thước: 0,075m x 4,5m Chưa tiệt trùng. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Cuộn	700	Việt Nam
41	PP2500466853	Băng cố định khớp trong điều trị chấn thương chỉnh hình các loại, các cỡ	Băng cố định khớp trong điều trị chấn thương chỉnh hình các loại, các cỡ	Băng sườn số 10: 10cm x 4,5m - Nền : 100% sợi cotton trắng. - Hỗn hợp keo nóng chảy : Zinc dibutyl dithiocarbamate, SIS copolymer, Zinc oxide, dầu khoáng trắng. - Độ co giãn $\geq 90\%$. Số sợi trên 10cm ≥ 160 , độ dày 0.84mm - 0.94mm - Kiểm tra vi sinh theo tiêu chuẩn EN ISO-11737-1: Tổng số vi khuẩn hiếu khí - TAMC ≤ 100 cfu/g. Tổng số men và nấm mốc - TYMC ≤ 10 cfu/g. * Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Cuộn	100	Asean
42	PP2500466854	Băng cố định khớp trong điều trị chấn thương chỉnh hình các loại, các cỡ	Băng cố định khớp trong điều trị chấn thương chỉnh hình các loại, các cỡ	Băng sườn số 8: 8cm x 4,5m - Nền : 100% sợi cotton trắng. - Hỗn hợp keo nóng chảy : Zinc dibutyl dithiocarbamate, SIS copolymer, Zinc oxide, dầu khoáng trắng. - Độ co giãn $\geq 90\%$. Số sợi trên 10cm ≥ 160 , độ dày 0.84mm - 0.94mm - Kiểm tra vi sinh theo tiêu chuẩn EN ISO-11737-1: Tổng số vi khuẩn hiếu khí - TAMC ≤ 100 cfu/g. Tổng số men và nấm mốc - TYMC ≤ 10 cfu/g. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Cuộn	60	Asean

Hạng mục số	Mã phần/ lô	Tên phần/ lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ
43	PP2500466855	Băng cuộn, băng cá nhân các loại, các cỡ	Băng cuộn, băng cá nhân các loại, các cỡ	Băng cuộn y tế 0,07m x 2m: Băng cuộn y tế là dạng Gạc y tế, được dệt từ sợi cotton 100% và được cuộn tròn, dùng để băng bó, bao bọc bên ngoài vết thương. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Cuộn	6.000	Việt Nam
44	PP2500466856	Băng cuộn, băng cá nhân các loại, các cỡ	Băng cuộn, băng cá nhân các loại, các cỡ	Băng keo cá nhân 2cm x 6cm: - Lớp nền: Sợi vải đàn hồi 70% Viscose và 30% Polyamide - Keo kết dính nóng chảy: Kẽm Oxide, hỗn hợp SIS/SI, dầu khoáng trắng, Lanolin,... Độ nóng 6,600 – 10,600 cP. - Lớp thấm hút : Lớp thấm hút: 75% Viscose, 25%.Polypropylene/Polyethylene Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Cuộn, miếng	200.000	Asean
45	PP2500466857	Băng dùng trong phẫu thuật, băng bó vết thương, vết bỏng, vết loét các loại, các cỡ	Băng dùng trong phẫu thuật, băng bó vết thương, vết bỏng, vết loét các loại, các cỡ	Băng cố định 10cm x 10cm: - Lớp vải nền : Vải không dệt 50 ± 5g/m ² , 50% viscose + 50% polyester. Không phát xạ mạnh huỳnh quang màu xanh. - Lớp keo : Keo kết dính nóng chảy 43 ± 3g/m ² : Hydrocarbon resin, Styrene block copolymer, Dầu khoáng y tế, Chất chống oxy hóa - Lực dính : >2N/2.5cm - Giấy lót phủ silicone 62 ± 3g/m ² - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Cuộn, miếng	120	Châu Á
46	PP2500466858	Băng dùng trong phẫu thuật, băng bó vết thương, vết bỏng, vết loét các loại, các cỡ	Băng dùng trong phẫu thuật, băng bó vết thương, vết bỏng, vết loét các loại, các cỡ	Băng vô trùng dán vết thương, cỡ 6cm x 10cm: Nền băng Polyester đan không dệt (Elastic Non-woven fabric) định lượng vải 45-55g/m ² , mềm mại, thoáng khí. Băng 4 góc bo tròn tránh bung mép. Gạc 3cm x 4cm, rayon 80%, PET (polyester) 20%, định lượng 210-230g/m ² , độ bền kéo 3.0kg/12mm ± 300g, có lớp màng Polyethylene (P.E) không dính vào vết thương. Phủ keo Acrylic độ dính 580g/12mm ± 30g an toàn cho mọi loại da. Tiệt trùng từng miếng bằng khí E.O. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Miếng	10.000	Việt Nam
47	PP2500466859	Băng dính các loại, các cỡ	Băng dính các loại, các cỡ	Băng keo lụa size 5cmx5m: -Nền : Vải dệt từ cellulose acetate 100% - Hỗn hợp keo nóng chảy: Zinc dibutyl dithiocarbamate, SIS copolymer, Zinc oxide, dầu khoáng trắng. Độ nhớt 8.100-	Cuộn, miếng	350	Asean

Hạng mục số	Mã phân/ lô	Tên phân/ lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ
				12.700 cP. - Kiểm tra vi sinh theo tiêu chuẩn EN ISO-11737-1: Tổng số vi khuẩn hiếu khí - TAMC \leq 100 cfu/g. Tổng số men và nấm mốc - TYMC \leq 10 cfu/g. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.			
48	PP2500466860	Băng dính các loại, các cỡ	Băng dính các loại, các cỡ	Băng keo lụa size 2.5cmx5m: -Nền : Vải dệt từ cellulose acetate 100% - Hỗn hợp keo nóng chảy: Zinc dibutyl dithiocarbamate, SIS copolymer, Zinc oxide, dầu khoáng trắng. Độ nhớt 8.100-12.700 cP. - Kiểm tra vi sinh theo tiêu chuẩn EN ISO-11737-1: Tổng số vi khuẩn hiếu khí - TAMC \leq 100 cfu/g. Tổng số men và nấm mốc - TYMC \leq 10 cfu/g. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Cuộn, miếng	8.000	Asean
49	PP2500466861	Băng dính các loại, các cỡ	Băng dính các loại, các cỡ	Băng dính cố định kim luôn được làm từ vải không dệt, co giãn tốt; rãnh xẻ chữ V giúp cố định chắc chắn kim luôn và các thiết bị y tế, đồng thời bảo vệ vùng tổn thương tại vị trí đặt kim luôn. - Kích thước 60x70mm. - Gạc thấm hút tốt với lớp phủ Polyethylene không gây dính vào vết thương khi tháo băng. - Keo dán Acrylic không gây kích ứng da. (có test kiểm định) - Sản phẩm thoáng khí cho phép trao đổi oxy, thoát hơi ẩm. Vải không dệt với độ thoáng khí >1000mm/s ở áp lực thử 100Pa, diện tích thử 20cm ² theo ISO 9237-1995. - Sản phẩm không gây kích ứng da theo ISO 10993-10:2002, TCVN 6972-2001. - Độ dính: Lực bóc bám dính (180°) giữa băng dính/thép, giữa băng dính/vải phủ nhựa >20 N/m theo ASTM D 903-98. - Tiệt trùng bằng Ethylene Oxide. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Cuộn, miếng	35.000	Việt Nam
50	PP2500466862	Gạc các loại, các cỡ	Gạc các loại, các cỡ	Gạc phẫu thuật 20cm x 80cm x 4 lớp (có cân quang, không tiệt trùng): Gạc phẫu thuật được dệt từ sợi cotton 100%, có chỉ	Cuộn, gói,	5.000	Việt Nam

Hạng mục số	Mã phần/ lô	Tên phần/ lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ
				số sợi dọc và ngang là 32/1, có sợi cản quang. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	miếng		
51	PP2500466863	Gạc các loại, các cỡ	Gạc các loại, các cỡ	Gạc dẫn lưu nội soi: Gạc được dệt từ sợi cotton 100%, hút nước nhanh; gạc được gấp thành miếng, quy cách: 1,5cm x 80cm, dày 12 lớp, có đỉnh sợi cản quang bên trong miếng gạc; Gạc có mật độ sợi thường: 8x10 sợi/ cm ² . Loại: tiệt trùng (bằng khí EO). - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Cuộn, gói, miếng	4.000	Việt Nam
52	PP2500466864	Gạc các loại, các cỡ	Gạc các loại, các cỡ	Gạc y tế khổ 0.8m, (1.000 mét/kiện; đóng gói 250m/Túi): được dệt từ sợi cotton 100%, có chỉ số sợi dọc 32s/1 và chỉ số sợi ngang 32s/1, không được ẩm ướt, sợi chắc, mịn, không được có mùi mốc hoặc mùi khác lạ, phải hoàn toàn trắng, không được dùng chất quang sắc, chỉ có sợi bông, không có loại sợi nào khác. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Mét	15.000	Việt Nam
53	PP2500466865	Gạc các loại, các cỡ	Gạc các loại, các cỡ	Gạc y tế được dệt từ sợi cotton 100%, có chỉ số sợi dọc và ngang là 32/1, không cản quang, không tiệt trùng. - Kích thước: 10cm x 10cm x 6 lớp. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Cuộn, gói, miếng	200.000	Việt Nam
54	PP2500466866	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm (bao gồm: miếng xốp, đầu nối, dây dẫn dịch, băng dán cố định)	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm (bao gồm: miếng xốp, đầu nối, dây dẫn dịch, băng dán cố định)	Bình hút áp lực âm: Chất liệu: nhựa PVC nguyên chất trong y tế, không chứa Latex. Bình 3 lò xo, ống nhựa PVC, đầu nối hình chữ "Y", ống dẫn có Trocar làm từ thép không rỉ. Có van. Thiết kế tối ưu hạn chế tối thiểu gập gãy Tiệt trùng EO. Dùng dẫn lưu vết thương 400ml. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Cái	200	Châu Á
55	PP2500466867	Bơm tiêm insulin các loại, các cỡ	Bơm tiêm insulin các loại, các cỡ	Bơm tiêm insulin: '- Bơm tiêm được làm bằng nhựa PP dùng trong y tế, không có chất DEHP. Bơm gắn liền kim, dung tích 1ml. Kim các cỡ 30Gx1/2" và 30Gx5/16" - Bơm tiêm in đồng thời vạch chia cho cả 100 và 40 đơn vị insulin (100UI và 40UI). - Gioăng có nút giúp đi hết hành trình của thuốc. - Sản phẩm đóng gói trong túi riêng đảm bảo vô trùng, không	Cái	300.000	Việt Nam

Hạng mục số	Mã phân/ lô	Tên phân/ lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ
				có độc tố và chất gây sốt. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.			
56	PP2500466868	Bơm tiêm insulin các loại, các cỡ	Bơm tiêm insulin các loại, các cỡ	100IU/1ml, Kim ngắn 8mm (5/16") có thể tiêm thẳng góc 90 độ, đầu kim 3 mặt vát, phủ silicone, thành kim siêu mỏng 0.075mm tiêm không đau, mau lành, không khoảng chết ($\leq 0.0035\text{ml}$), không dịch tồn dư, ống tiêm trong suốt, mực black pigment sắc nét. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Cái	200.000	Asean
57	PP2500466869	Kim luồn mạch máu các loại, các cỡ	Kim luồn mạch máu các loại, các cỡ	Kim luồn mạch máu 22G: Kim làm bằng thép không gỉ, đầu kim có 3 mặt vát - Ống catheter làm từ chất liệu PTFE tương thích sinh học, có tính đàn hồi, chống xoắn-gập. Đầu ống catheter hình vát nón ôm sát kim. Tổng chiều dài kim : 82,27 đến 82,83mm. Độ dài vát mặt kim: 2,51 đến 2,71 Lực đâm: 125.00 gf Độ cứng: 0,23 đến 0,35mm - Kim có công bơm thuốc bổ sung, có nắp đậy. Đầu catheter thon nhọn 2 lần. Kim được cắt vát, sắc. Kim có cánh và có cửa bơm thuốc, thời gian lưu kim tối đa 72h. Tốc độ chảy: 36ml/phút (LD: 0.9mmx25mm). - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Cái	55.000	Châu Á
58	PP2500466870	Kim luồn mạch máu các loại, các cỡ	Kim luồn mạch máu các loại, các cỡ	Kim luồn mạch máu 24G: Kim làm bằng thép không gỉ, đầu kim có 3 mặt vát - Ống catheter làm từ chất liệu PTFE tương thích sinh học, có tính đàn hồi, chống xoắn-gập. Đầu ống catheter hình vát nón ôm sát kim. Tổng chiều dài kim : 82,27 đến 82,83mm. Độ dài vát mặt kim: 2,51 đến 2,71 Lực đâm: 125.00 gf Độ cứng: 0,23 đến 0,35mm - Kim có công bơm thuốc bổ sung, có nắp đậy. Đầu catheter thon nhọn 2 lần. Kim được cắt vát, sắc. Kim có cánh và có cửa bơm thuốc, thời gian lưu kim tối đa 72h. Tốc độ chảy:	Cái	7.000	Châu Á

Hạng mục số	Mã phần/ lô	Tên phần/ lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ
				20ml/ phút (LD: 0.mm7x19mm). - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).			
59	PP2500466871	Kim luồn mạch máu các loại, các cỡ	Kim luồn mạch máu các loại, các cỡ	Kim luồn mạch máu 24G: - Có đầu bảo vệ bằng kim loại dạng lò xo gồm 2 cánh tay tròn bắt chéo nhau - Đầu kim có 3 mặt vát (1 mặt vát trên và 2 mặt vát dưới tạo độ sắc tối đa) - Catheter nhựa Có 4 đường cân quang ngầm. vật liệu FEP-Teflon. - Màng kỹ nước chống máu tràn ra khi thiết lập đường truyền. - Cơ chế trào máu 2 lần (double flash back) giúp xác nhận lấy ven thành công. - Khoảng cách từ đầu kim sắt đến đầu catheter là 0.3mm giúp đầu catheter không bị tòe, cùn khi lấy ven. - Kim luồn có cánh, không cửa, tốc độ chảy 22ml/phút, Tốc độ chảy 1320 ml/giờ - Chịu được áp lực 325psi, Đường kính và độ dài catheter: 0.7mm x 19mm - Chứng nhận 510k của FDA. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Cái	6.000	Châu Á
60	PP2500466872	Nút chặn đuôi kim luồn (có hoặc không có heparin) các loại, các cỡ	Nút chặn đuôi kim luồn (có hoặc không có heparin) các loại, các cỡ	Nút chặn đuôi kim luồn không có cổng bơm thuốc, được làm từ nhựa High-Density Polyethylene (HDPE). - Kích thước (chiều dài): 10-10.5mm. - Đầu nối: male luer 6% kết nối chắc chắn, kín khí. - Không gây sốt. - Tiệt trùng bằng Ethylene Oxyde. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Cái	15.000	Việt Nam
61	PP2500466873	Kim gây tê, gây mê các loại, các cỡ	Kim gây tê, gây mê các loại, các cỡ	- Kim chọc dò gây tê tủy sống các cỡ 18G-27G - Chỉ định: + Gây tê tủy sống (tiêm thuốc tê vào khoang dưới nhện khi tiến hành chẩn đoán, thủ thuật phẫu thuật, giảm đau). + Chọc dò tủy sống (hút dịch não tủy để làm chẩn đoán) - Được làm bằng thép y tế không rỉ theo tiêu chuẩn ISO9626. - Đầu kim Quincke có ba mặt vát sắc bén, cho phép lực đâm	Cái	2.000	Châu Á

Hạng mục số	Mã phần/ lô	Tên phần/ lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ
				nhỏ, tối thiểu chấn thương và nguy cơ đau nhức đầu sau chọc. - Có điểm đánh dấu màu xanh trên chuôi kim giúp xác định vị trí mặt vát hướng lên. - Có khoảng trống giữa que thông nòng và thành kim. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.			
62	PP2500466874	Kim lọc thận nhân tạo các loại, các cỡ	Kim lọc thận nhân tạo các loại, các cỡ	Kim chạy thận: Cỡ: 16G/17G dài 25mm. Thành kim mỏng, có phủ silicone bên trong. Cánh mã màu phân biệt kích thước kim, loại cánh xoay. Ống dây dài 30cm. Có khe hở (backeye) ngay đầu kim, có điểm đen/đỏ đánh dấu mặt vát kim. Tiệt trùng bằng khí Ethylene oxide, có chỉ thị tiệt trùng thay đổi màu trên thùng hàng (đỏ -> xanh). Thành phần không chứa DEHP. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Bộ	22.000	Châu Á
63	PP2500466875	Kim châm cứu các loại, các cỡ	Kim châm cứu các loại, các cỡ	Kim châm cứu các loại, các cỡ số: *Kim đốc đồng, vĩ nhôm, thân kim sử dụng thép chuyên dụng không gỉ 06Cr19Ni10 (S304), dẫn điện tốt. - Thân kim nhỏ, đầu kim sắc bén, nhọn. Đảm bảo độ vô trùng SAL10-6. *Áp lực chịu tác động kim: 0,4N-0,6N, Lực châm của thân kim 0,7-0,9N. Độ cứng thân kim:480-650 HV theo thang đo Vicker. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Cái	500.000	Châu Á
64	PP2500466876	Dây dẫn, dây truyền dịch các loại, các cỡ (bao gồm cả chạc nối, bộ phân phối, công chia, ống nối đi kèm)	Dây dẫn, dây truyền dịch các loại, các cỡ (bao gồm cả chạc nối, bộ phân phối, công chia, ống nối đi kèm)	Bộ dây truyền dịch: Van khoá điều chỉnh, kim chai sản xuất từ hạt nhựa ABS nguyên sinh. Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn. Buồng nhỏ giọt thể tích ≥ 8.5 ml, có màng lọc dịch $\leq 15\mu\text{m}$. Có bầu cao su tiếp thuốc. Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo, dai, độ đàn hồi cao, không gãy gập khi bảo quản và sử dụng; Độ dài dây truyền ≥ 1700 mm. Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 3,5x3,5 cm để thoát hết dư	Bộ	120.000	Việt Nam

Hạng mục số	Mã phần/ lô	Tên phần/ lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ
				<p>lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng.</p> <p>Dây truyền dịch kèm kim thường 23Gx1".</p> <p>Đầu nối Luer lock có cơ chế xoay giúp cho việc gắn kết với kim luôn chắc chắn và dễ thao tác khi sử dụng.</p> <p>- Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu) và Tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN).</p>			
65	PP2500466877	Dây dẫn, dây truyền dịch các loại, các cỡ (bao gồm cả chạc nối, bộ phân phối, công chia, ống nối đi kèm)	Dây dẫn, dây truyền dịch các loại, các cỡ (bao gồm cả chạc nối, bộ phân phối, công chia, ống nối đi kèm)	<p>* Bộ dây truyền dịch có bộ điều chỉnh giọt (sử dụng thay thế máy truyền dịch tự động):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chiều dài dây 150cm. - Đường kính trong dây: 3 mm. đường kính ngoài 4.1mm. - Có bộ điều chỉnh giọt từ 3ml/h đến 270ml/h. - Có khóa kẹp dừng truyền dịch tạm thời mà không cần chỉnh lại tốc độ truyền. - Màng lọc có chức năng lọc vi khuẩn tại van thông khí. - Đầu khóa vặn xoắn Luer Lock. - Chất liệu PVC, Không có chất phụ gia DEHP, thay thế bằng DEHT an toàn. - Bao bì thân thiện với môi trường theo 94/62/EC. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO, tiêu chuẩn CE (Châu Âu). 	Bộ	1.500	Châu Âu
66	PP2500466878	Dây dẫn, dây truyền máu, truyền chế phẩm máu các loại, các cỡ	Dây dẫn, dây truyền máu, truyền chế phẩm máu các loại, các cỡ	<p>Bộ dây truyền máu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dây dài 180cm. - Có chức năng đuổi khí tự động. - Không có chất phụ gia DEHP, thay thế bằng DEHT an toàn - Bao bì thân thiện với môi trường theo tiêu chuẩn 94/62/EC. - Kích thước màng lọc 200µm. - Diện tích màng lọc 11cm². - Đầu khóa vặn xoắn Spin Lock. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO, tiêu chuẩn CE (Châu Âu). 	Bộ	1.500	Việt Nam
67	PP2500466879	Dây nối đi kèm dây truyền các loại, các cỡ	Dây nối đi kèm dây truyền các loại, các cỡ	<p>Dây nối bơm tiêm điện có khóa kết nối luer lock được làm từ chất liệu PVC y tế trong suốt, đường kính trong ≤0.9mm, đường kính ngoài ≤1.9mm, có khóa chặn dòng. Độ dài của dây nối có đủ các cỡ 30/75/140/150 cm. Tiệt trùng bằng EO, không gây sốt.</p> <p>- Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.</p>	Cái	13.000	Việt Nam

Hạng mục số	Mã phần/ lô	Tên phần/ lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ
68	PP2500466880	Khóa đi kèm dây dẫn, đi kèm hoặc không đi kèm dây truyền được dùng trong truyền dịch, truyền máu, truyền khí các loại, các cỡ	Khóa đi kèm dây dẫn, đi kèm hoặc không đi kèm dây truyền được dùng trong truyền dịch, truyền máu, truyền khí các loại, các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Khóa ba ngã gồm 2 đầu kết nối có nắp vặn khóa đóng mở được và khóa luer-lock. - Có dây nối dài 10cm hoặc 25cm, mềm dẻo làm từ nhựa nguyên sinh trong suốt, không chứa độc tố, có khóa chặn dòng. - Chạc ba có nòng trơn nhẵn, đảm bảo dòng chảy, góc xoay 360 độ. - Khóa không hờ, thông tốt, độ nhạy tốt, dễ điều chỉnh - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO. 	Cái	1.500	Việt Nam
69	PP2500466881	Găng tay sử dụng trong thăm khám các loại, các cỡ	Găng tay sử dụng trong thăm khám các loại, các cỡ	<p>Găng tay sạch, có bột dùng trong thăm khám, chăm sóc người bệnh, các cỡ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần: latex cao su thiên nhiên - Màu trắng tự nhiên của cao su - Có phủ bột chống dính (theo ASTM D3578, ASTM D6124): Tối đa 10mg/dm². Găng mềm mại, độ bền cao, sử dụng một lần. Thuận cả 2 tay - Nhám đầu ngón tay giúp tăng cường độ bám ở các điểm tiếp xúc đầu ngón tay. - Cổ tay cuộn viền giúp mang và tháo găng dễ dàng. Kích thước: - Bề dày (theo ASTM D3578, ASTM D3767): Ngón tay và Lòng bàn tay: 0,08mm - Chiều dài (theo ASTM D3578, ASTM D3767): XS, S \geq 220mm, M, L \geq 230mm - Kích cỡ: XS, S, M, L - Chiều rộng lòng bàn tay (theo ASTM D3578, ASTM D3767: (XS: 70 \pm 10mm; S: 80 \pm 10mm; M: 95 \pm 10mm; L: 111 \pm 10mm). - Độ bền kéo đứt: Trước khi lão hóa: Tối thiểu 20MPa, Sau khi lão hóa: Tối thiểu 19MPa - Độ giãn dài: Trước khi lão hóa: Tối thiểu 705%, Sau khi lão hóa: Tối thiểu 670%. - Hàm lượng Protein: \leq 200mcg/dm² - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và CE (Châu Âu) và GMP (Thực hành sản xuất tốt). 	Đôi	300.000	Châu Á
70	PP2500466882	Găng tay sử dụng trong thăm khám các loại, các cỡ	Găng tay sử dụng trong thăm khám các loại, các cỡ	<p>Găng tay y tế nitrile không tiết trùng, không bột, sử dụng chlorine để làm trơn bề mặt tiếp xúc để dễ đeo găng. Chất liệu 100% nitrile (Acrylonitrile – butadiene). Các cỡ size S, M, L, XL Thuận cả hai tay, đầu ngón nhám, cổ tay được se viền, không dị ứng, ôm sát, dẻo dai, không rách khi đeo. Quy cách: 50 đôi/hộp. - Chiều dài găng tay: \geq 230 mm</p>	Đôi	100.000	Việt Nam

Hạng mục số	Mã phân/ lô	Tên phân/ lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ
				<ul style="list-style-type: none"> - Độ giãn dài tối thiểu trước khi già hóa $\geq 500\%$ - Độ giãn dài tối thiểu sau khi già hóa $\geq 400\%$ - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO. 			
71	PP2500466883	Găng tay vô trùng dùng trong thủ thuật, phẫu thuật các loại, các cỡ	Găng tay vô trùng dùng trong thủ thuật, phẫu thuật các loại, các cỡ	<p>Găng tay phẫu thuật tiệt trùng các cỡ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sản xuất từ cao su thiên nhiên, có phủ bột ngô biến tính chống dính, thấm thấu được. Sản phẩm được sản xuất theo công nghệ chất lượng cao. Tiệt trùng bằng khí EO, tiệt trùng từng đôi một. Găng có tay phải tay trái riêng biệt, bền, không rách, không lủng, có viền mép, bề mặt nhám, ôm sát lòng bàn tay, dễ thao tác khi sử dụng. - Chiều dài (min): 280 mm. - Chiều dày 1 lớp: $0,15 \pm 0,03$ mm. - Chiều rộng: số 6.5: 83 ± 5mm; số 7.0: 89 ± 5mm; số 7.5: 95 ± 5mm; số 8.0: 102 ± 5mm. - Cường lực kéo đứt: trước già hóa $\geq 12.5N$; sau già hóa $\geq 9.5N$. - Độ dẫn dài: trước già hóa $\geq 700\%$, sau già hóa $\geq 550\%$. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO. 	Đôi	25.000	Việt Nam
72	PP2500466884	Túi, lọ, cát-sét (cassette) đựng hoặc đo lượng chất thải tiệt, dịch xả các loại, các cỡ	Túi, lọ, cát-sét (cassette) đựng hoặc đo lượng chất thải tiệt, dịch xả các loại, các cỡ	<p>Túi đựng nước tiểu: '- Sản xuất từ nhựa y tế PVC, không độc hại.</p> <p>Túi đựng nước tiểu: - Dung tích 2000ml, độ dày 1.2mm, phân vạch rõ ràng. Có vạch dung tích mỗi 100ml. Đảm bảo kín không rò rỉ. Có bảng chia vạch nghiêng cho phép theo dõi lượng nước tiểu cực ít (25ml) trong những trường hợp bệnh nhân thiểu niệu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Van xả thoát đáy chữ T, chống trào ngược, ống đầu vào 90cm. Có quai treo bằng nhựa PVC. - Thân túi có bảng ghi thông tin cơ bản về bệnh nhân: Họ tên, số giường, số phòng. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí E.O. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO. 	Cái	3.000	Việt Nam
73	PP2500466885	Túi, lọ, hộp đựng bệnh phẩm các loại, các cỡ	Túi, lọ, hộp đựng bệnh phẩm các loại, các cỡ	<p>Ống nghiệm EDTA K2 2ml nắp cao su xanh dương, mous thấp. * Hóa chất bên trong là Ethylenediaminetetraacetic Acid (EDTA) K2</p>	Cái	250.000	Việt Nam

Hạng mục số	Mã phần/ lô	Tên phần/ lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ
				<ul style="list-style-type: none"> * Độ tinh khiết của chất chống đông K2EDTA bên trong ống được kiểm tra đạt > 99.95% (có phiếu kết quả thử nghiệm của đơn vị kiểm chứng). * Chịu được lực quay ly tâm gia tốc tối đa 6.000 vòng/phút trong thời gian 10 phút, đạt độ an toàn, đạt độ kín thân và nắp ống nghiệm, đạt độ vô khuẩn (có phiếu kết quả thử nghiệm của đơn vị kiểm chứng). * Dùng trong xét nghiệm huyết học (công thức máu và xét nghiệm HbA1c..). * Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 2ml máu với vạch lấy mẫu 2ml trên nhãn ống. * Có phiếu tiếp nhận đủ điều kiện sản xuất TTBYT. * Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu). 			
74	PP2500466886	Túi, lọ, hộp đựng bệnh phẩm các loại, các cỡ	Túi, lọ, hộp đựng bệnh phẩm các loại, các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> Ống nghiệm Chimigly 2ml nắp xám, mous thấp.* Hóa chất bên trong là chất kháng đông Sodium Flouride và EDTA K2 * Độ tinh khiết của chất chống đông K2EDTA bên trong ống được kiểm tra đạt > 99.95% (có phiếu kết quả thử nghiệm của đơn vị kiểm chứng). * Chịu được lực quay ly tâm gia tốc tối đa 6.000 vòng/phút trong thời gian 10 phút, đạt độ an toàn, đạt độ kín thân và nắp ống nghiệm, đạt độ vô khuẩn (có phiếu kết quả thử nghiệm của đơn vị kiểm chứng). * Dùng xét nghiệm đường (duy trì đường huyết không thay đổi trong vòng 36- 48h sau khi lấy máu) và các xét nghiệm sinh hóa (trừ Na+) * Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 2ml máu với vạch lấy mẫu 2ml máu trên nhãn ống. * Có phiếu tiếp nhận đủ điều kiện sản xuất TTBYT * Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO. 	Cái	40.000	Việt Nam
75	PP2500466887	Túi, lọ, hộp đựng bệnh phẩm các loại, các cỡ	Túi, lọ, hộp đựng bệnh phẩm các loại, các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> Ống nghiệm Serum hạt to, nắp đỏ. * Hóa chất bên trong là hạt nhựa Poly Styrene được kiểm tra bằng phương pháp Agilent FTIR (có phiếu kết quả thử nghiệm của đơn vị kiểm chứng), giúp tiến trình đông máu diễn tiến nhanh chỉ từ 3 - 5 phút. * Chịu được lực quay ly tâm gia tốc tối đa 6.000 vòng/phút 	Cái	40.000	Việt Nam

Hạng mục số	Mã phân/ lô	Tên phân/ lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ
				<p>trong thời gian 10 phút, đạt độ an toàn, đạt độ kín thân và nắp ống nghiệm, đạt độ vô khuẩn (có phiếu kết quả thử nghiệm của đơn vị kiểm chứng).</p> <p>* Dùng tách huyết thanh sử dụng trong xét nghiệm sinh hóa, miễn dịch.</p> <p>* Có phiếu tiếp nhận đủ điều kiện sản xuất TTBYT.</p> <p>* Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).</p>			
76	PP2500466888	Túi, lọ, hộp đựng bệnh phẩm các loại, các cỡ	Túi, lọ, hộp đựng bệnh phẩm các loại, các cỡ	<p>Ống nghiệm Citrate 3,8%/2ml nắp xanh lá, mous thấp. * Hóa chất bên trong là Trisodium Citrate Dihydrate 3.8%.</p> <p>* Độ tinh khiết của chất chống đông Tri-Sodium Citrate bên trong ống được kiểm tra đạt > 99.95% (có phiếu kết quả thử nghiệm của đơn vị kiểm chứng).</p> <p>* Chịu được lực quay ly tâm gia tốc tối đa 6.000 vòng/phút trong thời gian 10 phút, đạt độ an toàn, đạt độ kín thân và nắp ống nghiệm, đạt độ vô khuẩn (có phiếu kết quả thử nghiệm của đơn vị kiểm chứng).</p> <p>* Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 2ml máu với vạch lấy mẫu 2ml máu trên nhãn ống.</p> <p>* Dùng xét nghiệm liên quan đến yếu tố đông máu và tốc độ lắng máu.</p> <p>* Có phiếu tiếp nhận đủ điều kiện sản xuất TTBYT</p> <p>* Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).</p>	Cái	30.000	Việt Nam
77	PP2500466889	Túi, lọ, hộp đựng bệnh phẩm các loại, các cỡ	Túi, lọ, hộp đựng bệnh phẩm các loại, các cỡ	<p>Lọ nhựa đựng mẫu PS 55ml, nắp đỏ, không nhãn. * Lọ nhựa PS trắng trong, có nhãn màu trắng, nắp màu đỏ, dung tích 55ml.</p> <p>* Kích thước : chiều cao 60mm, đường kính 35mm.</p> <p>* Sử dụng nhựa y tế trung tính, tinh khiết 100% không phản ứng với hóa chất, bệnh phẩm bên trong.</p> <p>* Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).</p>	Cái	40.000	Việt Nam
78	PP2500466890	Túi, lọ, hộp đựng bệnh phẩm các loại, các cỡ	Túi, lọ, hộp đựng bệnh phẩm các loại, các cỡ	<p>Ống nghiệm lưu mẫu huyết thanh 1.5 ml, nắp trắng. Nhựa PP y tế, trung tính không phản ứng với hóa chất.</p> <p>Thể tích 1,5ml, có vạch thể tích trên thành ống.</p> <p>Thành tron láng chống sự bám dính của mẫu bệnh phẩm.</p> <p>Dùng lưu mẫu và vận chuyển mẫu.</p>	Cái	50.000	Việt Nam

Hạng mục số	Mã phân/ lô	Tên phân/ lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ
				* Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).			
79	PP2500466891	Túi, lọ, hộp đựng bệnh phẩm các loại, các cỡ	Túi, lọ, hộp đựng bệnh phẩm các loại, các cỡ	<p>Ống nghiệm Heparin lithium, 2ml nắp đen, mous thấp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bên trong là chất kháng đông Heparin Lithium, Chịu được lực quay ly tâm gia tốc tối đa 6.000 vòng/phút trong thời gian 10 phút, đạt độ an toàn, đạt độ kín thân và nắp ống nghiệm, đạt độ vô khuẩn (có phiếu kết quả thử nghiệm của đơn vị kiểm chứng). - Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 2ml máu với vạch lấy mẫu 2ml trên thân ống. - Dùng xét nghiệm Ion đồ Na⁺, K⁺, Ca²⁺, Cl⁻... trừ Li⁺. Ngoài ra còn sử dụng cho các xét nghiệm sinh hóa đặc biệt là NH₃ và định lượng Alcool trong máu. - Độ tạp nhiễm của ion Sodium (Na) của chất chống đông Lithium Heparin bên trong ống được kiểm tra < 0.02% (có phiếu kết quả của đơn vị kiểm chứng) để tránh gây sai lệch khi làm xét nghiệm ion đồ. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO. 	Cái	200.000	Việt Nam
80	PP2500466892	Túi, lọ, hộp đựng bệnh phẩm các loại, các cỡ	Túi, lọ, hộp đựng bệnh phẩm các loại, các cỡ	<p>Ống nghiệm nhựa PS 5ml không nắp, không nhãn. * Kích thước 13x75mm. Nhựa PS trắng trong không nắp, dung tích tối đa 6ml</p> <ul style="list-style-type: none"> * Sử dụng nhựa y tế trung tính không phản ứng với các loại hóa chất chứa bên trong. * Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu). 	Cái	40.000	Việt Nam
81	PP2500466893	Túi, lọ, hộp đựng bệnh phẩm các loại, các cỡ	Túi, lọ, hộp đựng bệnh phẩm các loại, các cỡ	<p>Ống nghiệm nhựa PS 10ml nắp trắng, không nhãn. * Kích thước 16x100mm. Nhựa PS trắng trong, nắp ấn trong màu trắng, dung tích tối đa 14ml.</p> <ul style="list-style-type: none"> * Sử dụng nhựa trung tính không phản ứng với các loại hóa chất chứa bên trong. * Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu). 	Cái	40.000	Việt Nam
82	PP2500466894	Túi, lọ, hộp đựng bệnh phẩm các loại, các cỡ	Túi, lọ, hộp đựng bệnh phẩm các loại, các cỡ	<p>Lọ nhựa đựng mẫu PS 55ml, nắp trắng, có nhãn. * Lọ nhựa PS trắng trong, có nhãn màu trắng, nắp màu trắng, dung tích 55ml.</p> <ul style="list-style-type: none"> * Kích thước : chiều cao 60mm, đường kính 36mm. * Sử dụng nhựa y tế trung tính không phản ứng với hóa chất, 	Cái	40.000	Việt Nam

Hạng mục số	Mã phân/ lô	Tên phân/ lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ
				bệnh phẩm bên trong. * Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).			
83	PP2500466895	Ca-nuyn (cannula) các loại, các cỡ	Ca-nuyn (cannula) các loại, các cỡ	Airway các cỡ số: Bảng nhựa Polyethylen màu trắng không độc hại. Không chứa cao su, và Dehp và có độ mềm dẻo vừa phải .Kênh trung tâm kiểu guedel . Chuôi khối cứng mỗi size có màu riêng biệt : size số 00(50mm, màu xanh da trời) số 0 (60mm,màu đen), số 1 (70mm, màu trắng), số 2 (80mm, màu xanh lá), số 3 (90mm, màu vàng),số 4 (100mm, màu đỏ) Tiệt trùng EO.	Cái	2.000	Châu Á
84	PP2500466896	Ống nội khí quản sử dụng một lần các loại, các cỡ (bao gồm ống nội khí quản canlene)	Ống nội khí quản sử dụng một lần các loại, các cỡ (bao gồm ống nội khí quản canlene)	Ống đặt nội khí quản các số, có bóng: Được làm từ PVC không độc hại, trong suốt, mềm và mịn, loại có bóng chèn. Bóng chèn tiêu chuẩn có khối lượng lớn áp suất thấp , phù hợp với việc đặt nội khí quản ngắn hạn.có sẵn mắt Murphy. Có đường cản quang xuyên suốt ống . Chiều dài đầu nối: 15mm Thiết kế ống kết hợp một đường cong Magill và có một đường cản quang để hỗ trợ hình ảnh chụp X quang. Ống đặt nội khí quản có bóng chèn bao gồm ống, bóng chèn, đường truyền,van, bóng dẫn Pilot và đầu nối 100% không có cao su. Vô trùng bằng EO , sử dụng 1 lần - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Cái	2.500	Châu Á
85	PP2500466897	Thông (sonde) các loại, các cỡ	Thông (sonde) các loại, các cỡ	Ống thông dạ dày các cỡ gồm 2 loại có nắp (gồm các cỡ 5Fr, 6Fr, 8 Fr, 10Fr) và không có nắp (12Fr,14Fr,16Fr,18Fr). Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm, dẻo, trơn giảm tổn thương niêm mạc. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Cái	1.000	Việt Nam
86	PP2500466898	Thông (sonde) các loại, các cỡ	Thông (sonde) các loại, các cỡ	Sond hậu môn các số: Làm từ PVC mềm không độc hại, không gây kích ứng. • Co nối có màu được mã hóa để xác định kích thước. • Không Có X-quang . • Chiều dài ống thông tiêu chuẩn: 400mm. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Cái	500	Việt Nam
87	PP2500466899	Thông (sonde) các loại, các cỡ	Thông (sonde) các loại, các cỡ	Sond Nelaton số các số: Làm từ cao su thiên nhiên Tráng phủ silicon	Cái	2.000	Châu Á

Hạng mục số	Mã phần/ lô	Tên phần/ lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ
				Các size Fr 08 đến Fr 18 , chiều dài tối đa 400mm. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.			
88	PP2500466900	Thông (sonde) các loại, các cỡ	Thông (sonde) các loại, các cỡ	Thông foley 2 nhánh, các cỡ số: Làm từ cao su thiên nhiên Tráng phủ silicon Van nhựa hoặc van cao su Màu được mã hóa để xác định kích thước Fr 06 đến Fr 10: Chiều dài (270mm), Dung tích bóng (3cc / 5cc) Fr 12 đến Fr 22: Chiều dài (400mm), Dung tích bóng (10cc / 30cc) Fr 24 đến Fr 26: Chiều dài (400mm), Dung tích bóng (10cc / 30cc). - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Cái	2.000	Châu Á
89	PP2500466901	Bộ rửa dạ dày sử dụng một lần các loại, các cỡ	Bộ rửa dạ dày sử dụng một lần các loại, các cỡ	Bộ bơm rửa dạ dày: Hỗ trợ trong việc súc rửa dạ dày bằng hệ thống khép kín. Làm từ mũ cao su tự nhiên, được đóng gói riêng lẻ trong túi từng cái. 22mm và 28mm. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bộ	100	Châu Á
90	PP2500466902	Ống dẫn lưu (drain) các loại, các cỡ	Ống dẫn lưu (drain) các loại, các cỡ	Lam dẫn lưu (Penrose Drain). - Sản xuất từ cao su thiên nhiên, không mùi, màu sắc tự nhiên, không gây dị ứng. - Dùng để dẫn lưu dịch trong cơ thể ra ngoài. - Tiệt trùng bằng khí EO. Chỉ sử dụng 1 lần. - Chiều dài 290 ± 10 mm, chiều rộng 25 ± 1 mm, chiều dày 01 lớp $\geq 0,15$ mm - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Cái	500	Châu Á
91	PP2500466903	Ống hút thai các loại, các cỡ	Ống hút thai các loại, các cỡ	Ống hút thai: Các số: 4, 5, 6. Được tiệt trùng bằng khí E.O. Sản xuất bằng nhựa PVC. Ống nhựa trong, mềm dẻo. Đầu hút trơn láng không bavia. HSD > 48 tháng. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Cái	1.000	Việt Nam
92	PP2500466904	Ống hút thai các loại, các cỡ	Ống hút thai các loại, các cỡ	Ống hút thai: Ống hút trong ,nhựa trơn 1 đầu bo tròn, 1 đầu vát có 2 lỗ hút, không màu Kích thước ống hút điều kính số 4, 5, 6 tương ứng với đường kính ống từ 4mm đến 6mm chiều dài ống 220mm	Cái	1.000	Việt Nam

Hạng mục số	Mã phân/ lô	Tên phân/ lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ
				Tiệt trùng bằng khí E.O Hạn sử dụng : 05 năm kể từ ngày sản xuất. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.			
93	PP2500466905	Ống hút thai các loại, các cỡ	Ống hút thai các loại, các cỡ	Ống hút thai: Ống hút làm từ hạt nhựa LD nguyên sinh không độc. Ống hút trong ,nhựa trơn 1 đầu bo tròn, 1 đầu vát có 2 lỗ hút, không màu Kích thước ống hút điều kinh từ số 7, 8, 9 tương ứng với đường kính ống từ 7mm đến 9mm chiều dài ống 220mm Tiệt trùng bằng khí E.O Hạn sử dụng : 05 năm kể từ ngày sản xuất. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Cái	800	Việt Nam
94	PP2500466906	Ống, dây hút đờm, dịch, khí, mỡ các loại, các cỡ	Ống, dây hút đờm, dịch, khí, mỡ các loại, các cỡ	Dây hút dịch phẫu thuật: Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh. Đường kính ngoài ống: 7.7/9.9/10.5 mm. Đường kính trong ống: 5/6.3/7.7 mm. Chiều dài ống 2m, có hai đầu nối giúp kết nối chặt chẽ vào thiết bị. Bề ngoài thân ống dây dẫn có rãnh chống bẹp, dẻo dai và độ đàn hồi cao, chịu được áp lực âm cao (-75kpa) không bị bóp méo - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Cái	10.000	Việt Nam
95	PP2500466907	Ống, dây hút đờm, dịch, khí, mỡ các loại, các cỡ	Ống, dây hút đờm, dịch, khí, mỡ các loại, các cỡ	Dây hút dịch phẫu thuật các số. Sản phẩm được kết cấu 02 phần. Khóa van và dây dẫn. Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh không chứa DEHP, nhựa trong, nhẵn bóng tránh gây tổn thương, xây xước niêm mạc, đầu dây hút có 2 mắt phụ để hút. Khóa van chia nhiều màu để phân biệt giữa các số, có 2 loại có nắp và không nắp. Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Cái	3.000	Việt Nam
96	PP2500466908	Bộ dây lọc máu các loại, các cỡ	Bộ dây lọc máu các loại, các cỡ	Bộ dây lọc máu chu kỳ: Bộ dây chạy thận bao gồm dây động mạch (dài \geq 3880 mm) và dây tĩnh mạch (dài \geq 2830 mm), đường kính dây chính (4,5x6,8)mm. Bầu nhỏ giọt đường kính ngoài OD: 19-30 mm, chiều dài L: 130 mm;	Bộ	15.000	Châu Á

Hạng mục số	Mã phần/ lô	Tên phần/ lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ
				Đoạn dây bom (8,0x12x420) mm, chiều dài hiệu dụng 400mm. Dây động mạch có nhánh dây đo áp lực: 3.5 x 5.5mm dài 500mm Cổng tiêm ở dây động mạch có thiết kế dây chữ Y giúp điều dưỡng thao tác dễ dàng hơn. Thể tích làm đầy 163±10% mL. - 2 transducer - Túi xả 2000ml - Dây truyền dịch 1500mm - Chất liệu nhựa y tế không chứa Latex, NON-DEHP. - Tiệt trùng bằng khí EO. Có chỉ thị tiệt trùng. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).			
97	PP2500466909	Bộ dây thở ô-xy dùng một lần các loại, các cỡ	Bộ dây thở ô-xy dùng một lần các loại, các cỡ	Dây thở oxy 2 nhánh: - Chất liệu nhựa PVC y tế cao cấp, bao gồm dây dẫn và gọng mũi - Không chứa chất DEHP, được tiệt trùng bằng khí EO - Ống dây mềm, chống vặn xoắn. Bề mặt trơn nhẵn. - Ống không bị tác động bởi oxy hay thuốc - Đầu thở mềm, có 2 ống thẳng đưa vào mũi màu trắng trong, không có chất tạo màu - Các cỡ: trẻ sơ sinh, trẻ em và người lớn - Dây dẫn có chiều dài ≥2 m, lòng ống có khóa chống gập. - Đóng gói 1 cái/ túi và tiệt trùng bằng khí EO - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Cái	12.000	Việt Nam
98	PP2500466910	Bộ dây thở ô-xy dùng một lần các loại, các cỡ	Bộ dây thở ô-xy dùng một lần các loại, các cỡ	Dây thở oxy 1 nhánh: Được sản xuất từ nhựa PVC y tế, dây mềm có chiều dài 400 mm, một đầu dây được gắn với co nối, đầu còn lại được bo tròn. Có 04 cặp lỗ nằm đối xứng hai bên thành ống dây, cách đầu bo một khoảng lần lượt là 10mm, 20mm, 30mm, 40mm. Mỗi dây được đóng vào 01 túi và được tiệt trùng bằng khí EO. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Cái	3.000	Việt Nam
99	PP2500466911	Chỉ khâu không tiêu các loại, các cỡ	Chỉ khâu không tiêu các loại, các cỡ	Chỉ silk số 3/0 kim tròn 3/8C, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là chỉ phẫu thuật tự nhiên đa sợi không tiêu tiệt	Tép	300	Châu Âu

Hạng mục số	Mã phần/ lô	Tên phần/ lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ
				trùng được chiết xuất từ kén tằm (lụa tơ tằm) protein hữu cơ. Chỉ được bện bằng phương pháp đặc biệt giúp tăng độ bền, có thể giữ vết thương trong 3 tháng. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).			
100	PP2500466912	Chỉ khâu không tiêu các loại, các cỡ	Chỉ khâu không tiêu các loại, các cỡ	Chỉ silk số 4/0 kim tam giác 3/8C, kim 19mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là chỉ phẫu thuật tự nhiên đa sợi không tiêu tiết trùng được chiết xuất từ kén tằm (lụa tơ tằm) protein hữu cơ. Chỉ được bện bằng phương pháp đặc biệt giúp tăng độ bền, có thể giữ vết thương trong 3 tháng. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Tép	300	Châu Âu
101	PP2500466913	Chỉ khâu không tiêu các loại, các cỡ	Chỉ khâu không tiêu các loại, các cỡ	Chỉ silk số 4/0 kim tròn 1/2C, kim 26mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là chỉ phẫu thuật tự nhiên đa sợi không tiêu tiết trùng được chiết xuất từ kén tằm (lụa tơ tằm) protein hữu cơ. Chỉ được bện bằng phương pháp đặc biệt giúp tăng độ bền, có thể giữ vết thương trong 3 tháng. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Tép	300	Châu Âu
102	PP2500466914	Chỉ khâu không tiêu các loại, các cỡ	Chỉ khâu không tiêu các loại, các cỡ	Chỉ silk số 5/0 kim tam giác 3/8C, kim 16mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là chỉ phẫu thuật tự nhiên đa sợi không tiêu tiết trùng được chiết xuất từ kén tằm (lụa tơ tằm) protein hữu cơ. Chỉ được bện bằng phương pháp đặc biệt giúp tăng độ bền, có thể giữ vết thương trong 3 tháng. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Tép	400	Châu Âu
103	PP2500466915	Chỉ khâu không tiêu các loại, các cỡ	Chỉ khâu không tiêu các loại, các cỡ	Chỉ silk số 1 kim tam giác 3/8C, kim 37mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là chỉ phẫu thuật tự nhiên đa sợi không tiêu tiết trùng được chiết xuất từ kén tằm (lụa tơ tằm) protein hữu cơ. Chỉ được bện bằng phương pháp đặc biệt giúp tăng độ bền, có thể giữ vết thương trong 3 tháng. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Tép	1.000	Châu Âu
104	PP2500466916	Chỉ khâu không tiêu các loại, các cỡ	Chỉ khâu không tiêu các loại, các cỡ	Chỉ nylon Số 2/0 kim tam giác 3/8C, kim 24mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là chỉ phẫu thuật đơn sợi không tiêu tiết trùng được làm từ polyamide 6.0 hoặc 6.6; bề mặt sợi chỉ mượt mà giúp dễ dàng xuyên qua các mô. Sợi chỉ có đặc điểm dễ buộc và sức căng tốt. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Tép	1.200	Châu Âu

Hạng mục số	Mã phần/ lô	Tên phần/ lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ
105	PP2500466917	Chỉ khâu không tiêu các loại, các cỡ	Chỉ khâu không tiêu các loại, các cỡ	Chỉ nylon Số 3/0 kim tam giác 3/8C, kim 24mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là chỉ phẫu thuật đơn sợi không tiêu tiết trùng được làm từ polyamide 6.0 hoặc 6.6; bề mặt sợi chỉ mượt mà giúp dễ dàng xuyên qua các mô. Sợi chỉ có đặc điểm dễ buộc và sức căng tốt. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Tép	2.000	Châu Âu
106	PP2500466918	Chỉ khâu không tiêu các loại, các cỡ	Chỉ khâu không tiêu các loại, các cỡ	Chỉ nylon Số 4/0 kim tam giác 3/8C, kim 19mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là chỉ phẫu thuật đơn sợi không tiêu tiết trùng được làm từ polyamide 6.0 hoặc 6.6; bề mặt sợi chỉ mượt mà giúp dễ dàng xuyên qua các mô. Sợi chỉ có đặc điểm dễ buộc và sức căng tốt. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Tép	1.800	Châu Âu
107	PP2500466919	Chỉ khâu không tiêu các loại, các cỡ	Chỉ khâu không tiêu các loại, các cỡ	Chỉ nylon Số 5/0 kim tam giác 3/8C, kim 16mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là chỉ phẫu thuật đơn sợi không tiêu tiết trùng được làm từ polyamide 6.0 hoặc 6.6; bề mặt sợi chỉ mượt mà giúp dễ dàng xuyên qua các mô. Sợi chỉ có đặc điểm dễ buộc và sức căng tốt. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Tép	1.000	Châu Âu
108	PP2500466920	Chỉ khâu không tiêu các loại, các cỡ	Chỉ khâu không tiêu các loại, các cỡ	Chỉ nylon Số 6/0 kim tam giác 3/8C, kim 12mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là chỉ phẫu thuật đơn sợi không tiêu tiết trùng được làm từ polyamide 6.0 hoặc 6.6; bề mặt sợi chỉ mượt mà giúp dễ dàng xuyên qua các mô. Sợi chỉ có đặc điểm dễ buộc và sức căng tốt. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Tép	300	Châu Âu
109	PP2500466921	Chỉ khâu không tiêu các loại, các cỡ	Chỉ khâu không tiêu các loại, các cỡ	Chỉ nylon Số 10/0 2 kim hình thang 3/8C, kim 6.2mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 30cm. Là chỉ phẫu thuật đơn sợi không tiêu tiết trùng được làm từ polyamide 6.0 hoặc 6.6; bề mặt sợi chỉ mượt mà giúp dễ dàng xuyên qua các mô. Sợi chỉ có đặc điểm dễ buộc và sức căng tốt. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Tép	80	Châu Âu
110	PP2500466922	Chỉ khâu không tiêu các loại, các cỡ	Chỉ khâu không tiêu các loại, các cỡ	Chỉ silk số 2/0 kim tam giác 3/8C, kim 24mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là chỉ phẫu thuật tự nhiên đa sợi không tiêu tiết trùng được chiết xuất từ kén tằm (lụa tơ tằm) protein hữu cơ. Chỉ được bện bằng phương pháp đặc biệt giúp	Tép	600	Châu Âu

Hạng mục số	Mã phần/ lô	Tên phần/ lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ
				tăng độ bền, có thể giữ vết thương trong 3 tháng. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).			
111	PP2500466923	Chỉ khâu không tiêu các loại, các cỡ	Chỉ khâu không tiêu các loại, các cỡ	Chỉ silk số 3/0 kim tam giác 3/8C, kim 24mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là chỉ phẫu thuật tự nhiên đa sợi không tiêu tiết trùng được chiết xuất từ kén tằm (lụa tơ tằm) protein hữu cơ. Chỉ được bện bằng phương pháp đặc biệt giúp tăng độ bền, có thể giữ vết thương trong 3 tháng. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Tép	300	Châu Âu
112	PP2500466924	Chỉ khâu tiêu chậm các loại, các cỡ	Chỉ khâu tiêu chậm các loại, các cỡ	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi polydioxanone. số 4/0 dài 70cm, 1 kim tròn đầu hình thoi dài 20mm, 1/2 vòng tròn, bằng hợp kim thép chắc khỏe, chống cong gãy chứa niken, titanium, chromium, molybden 3-4% và sắt. - phủ silicone ≥ 3 lớp giữ độ sắc bén ổn định sau 30 lần đâm kim. - đường kính kim 0.4572mm, giới hạn độ bền kéo hợp kim ≥ 2750 MPa chống cong gãy (được chứng nhận bởi tổ chức độc lập), thân kim đẹp và vùng kẹp kim phẳng giữ kim linh hoạt không xoay kim - Đóng gói vòng trong khay nhựa tối thiểu nhớ hình, bên ngoài là màng nhôm. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ).	Tép	180	Châu Mỹ
113	PP2500466925	Chỉ khâu tiêu chậm các loại, các cỡ	Chỉ khâu tiêu chậm các loại, các cỡ	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi polydioxanone. - số 3/0 dài 70cm, 1 kim tròn đầu hình thoi dài 26mm, 1/2 vòng tròn, bằng hợp kim thép chắc khỏe, chống cong gãy chứa niken, titanium, chromium, molybden 3-4% và sắt. - phủ silicone ≥ 3 lớp giữ độ sắc bén ổn định sau 30 lần đâm kim. - đường kính kim 0.5588mm, giới hạn độ bền kéo hợp kim ≥ 2750 MPa chống cong gãy (được chứng nhận bởi tổ chức độc lập), thân kim đẹp, vùng kẹp kim phẳng và có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim giữ kim linh hoạt không xoay kim - Đóng gói vòng trong khay nhựa tối thiểu nhớ hình, bên	Tép	120	Châu Mỹ

Hạng mục số	Mã phần/ lô	Tên phần/ lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ
				ngoài là màng nhôm. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ).			
114	PP2500466926	Chỉ khâu tiêu chậm các loại, các cỡ	Chỉ khâu tiêu chậm các loại, các cỡ	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi polydioxanone. - số 5/0 dài 70cm, 1 kim tam giác thuận dài 16mm, 3/8 vòng tròn, bằng hợp kim thép chắc khỏe, chống cong gãy chứa niken, titanium, chromium, molybden 3-4% và sắt. - phủ silicone ≥ 3 lớp giữ độ sắc bén ổn định sau 30 lần đâm kim. - đường kính kim 0.3556mm, giới hạn độ bền kéo hợp kim ≥ 2750 MPa chống cong gãy được chứng nhận bởi tổ chức độc lập, thân kim đẹp, vùng kẹp kim phẳng và có rãnh chạy dọc bên ngoài thân kim giữ kim linh hoạt không xoay kim - Đóng gói vòng trong khay nhựa tối thiểu nhớ hình, bên ngoài là màng nhôm. - Lực giữ vết mổ 80% sau 2 tuần - 70% sau 4 tuần - 60% sau 6 tuần, thời gian tan hoàn toàn 182 - 238 ngày. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ).	Tép	120	Châu Mỹ
115	PP2500466927	Chỉ khâu tiêu chậm các loại, các cỡ	Chỉ khâu tiêu chậm các loại, các cỡ	Chỉ catgut số 2/0 kim tròn 1/2C, kim 26mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Chỉ được cấu tạo từ muối Chrom và collagen tinh chế được lấy từ màng thanh dịch của bò. Chỉ sẽ mất sức căng khoảng 50% sau 14 ngày cấy ghép, và tự tiêu hoàn toàn trong vòng 90 ngày. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Tép	300	Châu Âu
116	PP2500466928	Chỉ khâu tiêu chậm các loại, các cỡ	Chỉ khâu tiêu chậm các loại, các cỡ	Chỉ catgut Số 3/0 kim tròn 1/2C, kim 26mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Chỉ được cấu tạo từ muối Chrom và collagen tinh chế được lấy từ màng thanh dịch của bò. Chỉ sẽ mất sức căng khoảng 50% sau 14 ngày cấy ghép, và tự tiêu hoàn toàn trong vòng 90 ngày. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Tép	800	Châu Âu
117	PP2500466929	Chỉ khâu tiêu chậm các loại, các cỡ	Chỉ khâu tiêu chậm các loại, các cỡ	Chỉ catgut Số 4/0 kim tròn 1/2C, kim 26mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Chỉ được cấu tạo từ muối Chrom và collagen tinh chế được lấy từ màng thanh dịch của bò. Chỉ sẽ	Tép	300	Châu Âu

Hạng mục số	Mã phần/ lô	Tên phần/ lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ
				mất sức căng khoảng 50% sau 14 ngày cấy ghép, và tự tiêu hoàn toàn trong vòng 90 ngày. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).			
118	PP2500466930	Chỉ khâu tiêu chậm các loại, các cỡ	Chỉ khâu tiêu chậm các loại, các cỡ	Số 1 kim tròn 1/2C, kim 40mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 90cm. Là loại Chỉ phẫu thuật tổng hợp đa sợi tự tiêu tiết trùng có dùng Polyglycolic acid, Bề mặt sợi chỉ được tráng bởi 1 lớp tổng hợp của Polyglycaprolactone và Calcium stearate (1%). Chỉ sẽ giảm sức căng khoảng 50% sau 21 ngày cấy ghép và sẽ tự tiêu hoàn toàn trong vòng 60 đến 90 ngày. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Tép	800	Châu Âu
119	PP2500466931	Chỉ khâu tiêu chậm các loại, các cỡ	Chỉ khâu tiêu chậm các loại, các cỡ	Số 2/0 kim tròn 1/2C, kim 26mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là loại Chỉ phẫu thuật tổng hợp đa sợi tự tiêu tiết trùng có dùng Polyglycolic acid, Bề mặt sợi chỉ được tráng bởi 1 lớp tổng hợp của Polyglycaprolactone và Calcium stearate (1%). Chỉ sẽ giảm sức căng khoảng 50% sau 21 ngày cấy ghép và sẽ tự tiêu hoàn toàn trong vòng 60 đến 90 ngày. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Tép	800	Châu Âu
120	PP2500466932	Chỉ khâu tiêu chậm các loại, các cỡ	Chỉ khâu tiêu chậm các loại, các cỡ	Số 3/0 kim tròn 1/2C, kim 26mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là loại Chỉ phẫu thuật tổng hợp đa sợi tự tiêu tiết trùng có dùng Polyglycolic acid, Bề mặt sợi chỉ được tráng bởi 1 lớp tổng hợp của Polyglycaprolactone và Calcium stearate (1%). Chỉ sẽ giảm sức căng khoảng 50% sau 21 ngày cấy ghép và sẽ tự tiêu hoàn toàn trong vòng 60 đến 90 ngày. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Tép	500	Châu Âu
121	PP2500466933	Chỉ khâu tiêu nhanh các loại, các cỡ	Chỉ khâu tiêu nhanh các loại, các cỡ	Chỉ tan tổng hợp đa sợi, số 8/0 - Sợi chỉ tổng hợp từ polyglactin 910, bọc 50% polyglactin 370 và 50% calcium stearate, dài 45cm. - 2 kim đầu hình thang dài 6.5mm, 3/8 vòng tròn, bằng hợp kim thép chứa niken, titanium, chromium, molybden 3-4% và sắt, phủ silicone ≥ 3 lớp, thân kim dẹp và vùng kẹp kim phẳng, đường kính kim ≤ 0.254 mm giảm chảy máu chân kim, giới hạn độ bền kéo hợp kim ≥ 2750 MPa được chứng nhận bởi tổ chức độc lập. - Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 40% sau 21	Tép	60	Châu Mỹ

Hạng mục số	Mã phân/ lô	Tên phân/ lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ
				ngày, 25% sau 28 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: 56-70 ngày. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và CE (Châu Âu).			
122	PP2500466934	Chỉ khâu tiêu nhanh các loại, các cỡ	Chỉ khâu tiêu nhanh các loại, các cỡ	Chỉ tan tổng hợp đa sợi kháng khuẩn, số 3/0 - Sợi chỉ tổng hợp từ polyglactin 910, bọc 50% polyglactin 370 và 50% calcium stearate phủ kháng khuẩn triclosan với nồng độ $\leq 472\mu\text{g}/\text{m}$, dài 70cm - Kim tròn đầu tròn dài 26mm, 1/2 vòng tròn, bằng hợp kim thép chứa niken, titanium, chromium, molybden 3-4% và sắt, phủ silicone ≥ 3 lớp, thân kim đẹp, có rãnh dọc bên trong và ngoài thân kim, đường kính kim 0.6096mm giảm chảy máu chân kim, giới hạn độ bền kéo hợp kim ≥ 2750 MPa (được chứng nhận bởi tổ chức độc lập). - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ).	Tép	120	G7
123	PP2500466935	Chỉ khâu tiêu nhanh các loại, các cỡ	Chỉ khâu tiêu nhanh các loại, các cỡ	Chỉ tan tổng hợp đa sợi kháng khuẩn, số 2/0 - Sợi chỉ tổng hợp từ polyglactin 910, bọc 50% polyglactin 370 và 50% calcium stearate phủ kháng khuẩn triclosan với nồng độ $\leq 472\mu\text{g}/\text{m}$, dài 70cm - Kim tròn đầu tròn dài 26mm, 1/2 vòng tròn, bằng hợp kim thép chứa niken, titanium, chromium, molybden 3-4% và sắt, phủ silicone ≥ 3 lớp, thân kim đẹp, có rãnh dọc bên trong và ngoài thân kim, đường kính kim 0.6604mm giảm chảy máu chân kim, giới hạn độ bền kéo hợp kim ≥ 2750 MPa được chứng nhận bởi tổ chức độc lập. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ).	Tép	120	G7
124	PP2500466936	Chỉ khâu tiêu trung bình các loại, các cỡ	Chỉ khâu tiêu trung bình các loại, các cỡ	Chỉ tan nhanh tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 áo bao poly(glycolide-co-l-lactid 30/70) 50% + 50% CaSt, số 2/0, chỉ dài 90cm, kim tròn thân dày, 1/2 vòng tròn dài 37mm, đầu cắt. kim Easyslide làm bằng hợp kim AISI 300 series (304) Niken 11% theo tiêu chuẩn ASTM f899-20, đạt độ nhám bề mặt $\leq 0,4$ Ra, phủ silicon. Phần thân gân chuỗi kim được làm dẹt để tăng độ ổn định và chắc chắn trong kim mang kim. Lực căng	Tép	180	Châu Âu

Hạng mục số	Mã phần/ lô	Tên phần/ lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ
				kéo nút thắt 24.59N. Sức căng kéo giảm 50% sau 5 ngày, 100% sau 14 ngày, tan hoàn toàn sau 42 ngày. Đóng gói trực tiếp 2 lớp: lá nhôm bên trong, vỏ nhựa bên ngoài - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).			
125	PP2500466937	Chỉ khâu tiêu trung bình các loại, các cỡ	Chỉ khâu tiêu trung bình các loại, các cỡ	Chỉ tan nhanh tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 áo bao poly(glycolide-co-l-lactid 30/70) 50% + 50% CaSt, số 3/0, chỉ dài 70cm, kim tròn, 1/2 vòng tròn dài 26mm, kim Easyslide Làm bằng hợp kim AISI 300 series (304) Niken 11% theo tiêu chuẩn ASTM f899-20, đạt độ nhám bề mặt $\leq 0,4$ Ra, phủ silicon. Phần thân gần chuôi kim được làm det để tăng độ ổn định và chắc chắn trong kim mang kim. Lực căng kéo nút thắt 16.09N. Sức căng kéo giảm 50% sau 5 ngày, 100% sau 14 ngày, tan hoàn toàn sau 42 ngày. Đóng gói trực tiếp 2 lớp: lá nhôm bên trong, vỏ nhựa bên ngoài - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Tép	180	Châu Âu
126	PP2500466938	Đầu đốt (đơn cực, lưỡng cực, kết hợp đơn cực lưỡng cực), lưỡi dao mổ điện, dao mổ laser, dao mổ siêu âm, dao mổ plasma, dao radio, dao cắt gan siêu âm, dao cắt hàn mạch, hàn mô các loại, các cỡ (bao gồm cả tay dao và dây dao)	Đầu đốt (đơn cực, lưỡng cực, kết hợp đơn cực lưỡng cực), lưỡi dao mổ điện, dao mổ laser, dao mổ siêu âm, dao mổ plasma, dao radio, dao cắt gan siêu âm, dao cắt hàn mạch, hàn mô các loại, các cỡ (bao gồm cả tay dao và dây dao)	Dao phẫu thuật đơn cực: Thân có 2 nút bấm “Cut-Coag” có phân biệt màu sắc để kích hoạt cắt – đốt; . Connector nối vào máy cắt đốt là loại 3 châu chuẩn; . Giảm áp lực lên đôi tay trong quá trình phẫu thuật. . Dùng 1 lần, đóng gói vô trùng. . Tương thích với các loại dao mổ điện khác nhau. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Cái	1.000	Châu Á
127	PP2500466939	Đầu đốt (đơn cực, lưỡng cực, kết hợp đơn cực lưỡng cực), lưỡi dao mổ điện, dao mổ laser, dao mổ siêu âm, dao mổ plasma, dao radio,	Đầu đốt (đơn cực, lưỡng cực, kết hợp đơn cực lưỡng cực), lưỡi dao mổ điện, dao mổ laser, dao mổ siêu âm, dao mổ plasma, dao radio, dao cắt gan siêu âm, dao cắt hàn mạch, hàn mô các loại, các	Dây dao siêu âm (Bộ phận chuyển đổi điện năng thành dao động cơ học), tần số 55.5 kHz dùng cho tay dao siêu âm mổ mỡ. -Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Cái	2	Châu Á

Hạng mục số	Mã phân/ lô	Tên phân/ lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ
		dao cắt gan siêu âm, dao cắt hàn mạch, hàn mô các loại, các cỡ (bao gồm cả tay dao và dây dao)	cỡ (bao gồm cả tay dao và dây dao)				
128	PP2500466940	Đầu đốt (đơn cực, lưỡng cực, kết hợp đơn cực lưỡng cực), lưỡi dao mổ điện, dao mổ laser, dao mổ siêu âm, dao mổ plasma, dao radio, dao cắt gan siêu âm, dao cắt hàn mạch, hàn mô các loại, các cỡ (bao gồm cả tay dao và dây dao)	Đầu đốt (đơn cực, lưỡng cực, kết hợp đơn cực lưỡng cực), lưỡi dao mổ điện, dao mổ laser, dao mổ siêu âm, dao mổ plasma, dao radio, dao cắt gan siêu âm, dao cắt hàn mạch, hàn mô các loại, các cỡ (bao gồm cả tay dao và dây dao)	Dây dao siêu âm (Bộ phận chuyển đổi điện năng thành dao động cơ học), tần số 55.5 kHz dùng cho tay dao siêu âm mổ nội soi. -Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Cái	2	Châu Á
129	PP2500466941	Đầu đốt (đơn cực, lưỡng cực, kết hợp đơn cực lưỡng cực), lưỡi dao mổ điện, dao mổ laser, dao mổ siêu âm, dao mổ plasma, dao radio, dao cắt gan siêu âm, dao cắt hàn mạch, hàn mô các loại, các cỡ (bao gồm cả tay dao và dây dao)	Đầu đốt (đơn cực, lưỡng cực, kết hợp đơn cực lưỡng cực), lưỡi dao mổ điện, dao mổ laser, dao mổ siêu âm, dao mổ plasma, dao radio, dao cắt gan siêu âm, dao cắt hàn mạch, hàn mô các loại, các cỡ (bao gồm cả tay dao và dây dao)	Tay dao siêu âm chuyên dùng trong mổ mở và mổ nội soi, đầu cong. Chiều dài cán: 14cm, 23cm, 36mm, đường kính cán 5mm. - Chiều dài hàm dao 14.72mm, chiều dài lưỡi dao 14.72mm, độ mở hàm 15.87mm, độ rộng hàm 2.74mm. - Thiết kế dạng tay súng. - Đa chức năng: Gấp, rạch, cắt, hàn mạch ... - Tay cầm thiết kế công thái học, nút bấm phủ lớp cao su mềm giúp dễ dàng và thoải mái khi sử dụng. - Có các điểm gờ nổi trên nút Max giúp phân biệt với nút Min. - Núm vặn tích hợp trên tay dao giúp kết nối với dây dao dễ dàng hơn. - Đóng gói không bao gồm chìa vặn hỗ trợ kết nối với dây dao	Cái	20	Châu Á
130	PP2500466942	Đầu đốt (đơn cực, lưỡng cực, kết hợp đơn cực lưỡng cực), lưỡi dao mổ điện, dao mổ laser, dao mổ siêu âm, dao	Đầu đốt (đơn cực, lưỡng cực, kết hợp đơn cực lưỡng cực), lưỡi dao mổ điện, dao mổ laser, dao mổ siêu âm, dao	Tay dao siêu âm chuyên dùng trong mổ mở, tay cầm dạng kéo, đầu cong, chiều dài cán 9cm. - Chiều dài hàm dao 15.8mm, chiều dài lưỡi dao 15.8mm, độ mở hàm 27mm, độ rộng hàm 3.63mm.	Cái	20	Châu Á

Hạng mục số	Mã phân/ lô	Tên phân/ lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ
		dao mổ laser, dao mổ siêu âm, dao mổ plasma, dao radio, dao cắt gan siêu âm, dao cắt hàn mạch, hàn mô các loại, các cỡ (bao gồm cả tay dao và dây dao)	mổ plasma, dao radio, dao cắt gan siêu âm, dao cắt hàn mạch, hàn mô các loại, các cỡ (bao gồm cả tay dao và dây dao)	- Đa chức năng: Gấp, rạch, cắt, hàn mạch ... - Tay cầm thiết kế công thái học, nút bấm phủ lớp cao su mềm giúp dễ dàng và thoải mái khi sử dụng. - Có các điểm gờ nổi trên nút Max giúp phân biệt với nút Min. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.			
131	PP2500466943	Lưỡi dao mổ sử dụng một lần các loại, các cỡ	Lưỡi dao mổ sử dụng một lần các loại, các cỡ	Lưỡi dao mổ các cỡ số 11, 15, 20: Bằng thép carbon không gỉ. Mỗi lưỡi dao được đóng gói trong lớp giấy bạc chống gỉ. Đóng gói tiệt trùng phương pháp chiếu xạ Gamma. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Cái	10.000	Châu Á
132	PP2500466944	Khớp háng toàn phần các loại, các cỡ	Khớp háng toàn phần các loại, các cỡ	Khớp háng toàn phần: 1. Chuôi khớp (Stem) - Chất liệu hợp kim Titan TiAl6V4, phủ TPS (Titan Plasma Spray) tăng kết cấu trên bề mặt kim loại - Góc cổ thân 135 độ (standard) - Đầu chuôi dạng Taper 12/ 14 (5°42'30") - Kích cỡ chuôi (Stem Size): từ 6.25mm đến 20mm (mỗi size tăng 1.25mm) - Chiều dài chuôi (Stem Length): 135, 140, 145, 150, 155 mm. 2. Chòm xương đùi (Modular head) - Chất liệu: Cobalt-Chrome (CoCr) - Đường kính đầu (head): 22; 26; 28; 32; 36; cổ dài (0; ±3.5; +7; +10.5; +14; +17.5)mm; size S, M, L, XL, XXL, XXXL, XXXXL; cổ đầu 12/14 3. Ổ cối (Acetabular Press-fit Shell) - Chất liệu hợp kim Titan TiAl6V4, phủ TPS (Titan Plasma Spray) tăng kết cấu trên bề mặt kim loại - Kích cỡ từ 38mm đến 82mm; mỗi cỡ tăng 2mm; - Trên ổ cối có 5 lỗ để bắt vít ổ cối. - Vít ổ cối: chất liệu hợp kim titanium TiAl6V4, gắn ổ cối với xương, đường kính 6.5mm; dài từ 25mm đến 50mm; mỗi bước tăng 5mm 4. Lót ổ cối (Inlay):- chất liệu vật liệu cao phân tử Ultra high polyetylen (UHMWPE); có gờ chống trượt 20 độ- Đường kính trong: 22, 26, 28, 32, 36 mm; - Kích cỡ (size): 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35.	Bộ	10	G7

Hạng mục số	Mã phần/ lô	Tên phần/ lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ
				- Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).			
133	PP2500466945	Khớp háng toàn phần các loại, các cỡ	Khớp háng toàn phần các loại, các cỡ	<p>Khớp háng toàn phần: '1. Chuôi khớp (Stem) - Chất liệu hợp kim Titan TiA16V4 phủ TPS (Titan Plasma Spray) - Góc cổ thân 135 độ (standard) - Đầu chuôi dạng Taper 12/14 (5°42'30") - Kích cỡ chuôi (Stem Size): từ 6.25mm đến 20mm (mỗi size tăng 1.25mm) - Chiều dài chuôi (Stem Length): 135, 140, 145, 150, 155 mm.</p> <p>2. Chòm xương đùi (Modular head) - Chất liệu gốm (Ceramic) - Đường kính đầu (head): 28; 32; 36; cổ dài (0, ±3.5, +7, +10.5, +14, +17.5)mm; size S, M, L, XL, XXL, XXXL, XXXXL; cổ đầu 12/ 14</p> <p>3. Ổ cối (Acetabular Press-fit Shell) - Chất liệu hợp kim Titan TiAl6V4, phủ TPS (Titan Plasma Spray) - Kích cỡ từ 38mm đến 82mm; mỗi cỡ tăng 2mm; - Trên ổ cối có 5 lỗ để bắt vít ổ cối.</p> <p>- Vít ổ cối: chất liệu hợp kim titanium TiAl64V gắn ổ cối với xương, đường kính 6.5mm; dài từ 25mm đến 50mm; mỗi bước tăng 5mm</p> <p>4. Lót ổ cối (Inlay) - vật liệu cao phân tử Ultra high polyetylen (UHMWPE) có gờ chống trượt 20 độ- Đường kính trong: 22, 26, 28, 32, 36 mm; - Kích cỡ (size): 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32,33,34,35.</p> <p>- Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).</p>	Bộ	10	G7
134	PP2500466946	Khớp háng bán phần các loại, các cỡ	Khớp háng bán phần các loại, các cỡ	<p>Khớp háng bán phần: '1. Chuôi khớp (Stem) - Chất liệu hợp kim Titan TiA16V4, phủ TPS (Titan Plasma Spray) - Góc cổ thân 135 độ (standard) - Đầu chuôi dạng Taper 12/ 14 (5°42'30") - Kích cỡ chuôi (Stem Size): từ 6.25mm đến 20mm (mỗi size tăng 1.25mm) - Chiều dài chuôi (Stem Length): 135, 140, 145, 150, 155 mm.</p> <p>2. Chòm xương đùi (Modular head) - Chất liệu : Cobalt-Chrome (CoCr) - Đường kính đầu (head): 22; 26; 28; 32; 36; cổ dài (0, ±3.5, +7,+10.5, +14, +17.5)mm; size S, M, L, XL, XXL, XXXL, XXXXL; cổ đầu 12/14</p> <p>3. Đầu Bipolar - Bên ngoài thép không gỉ có hàm lượng Nito</p>	Bộ	10	G7

Hạng mục số	Mã phần/ lô	Tên phần/ lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ
				cao; bên trong vật liệu cao phân tử Ultra high polyetylen - Đường kính trong: 22; 28mm - Đường kính ngoài: từ 38mm đến 58mm (mỗi cỡ tăng 2mm). - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).			
135	PP2500466947	Khớp háng toàn phần các loại, các cỡ	Khớp háng toàn phần các loại, các cỡ	Bộ khớp háng toàn phần: '1. Cuống xương đùi (Stem): - Vật liệu: Titanium Alloy TA6V, bên ngoài được phủ toàn thân 2 lớp T40 titanium 200µm và Calcium Hydroxyapatite (HA) 100µm, thiết kế thân có rãnh dọc chống xoay và rãnh ngang chống lún. Kích thước: có 12 kích cỡ từ 7 đến 20. Chiều dài: 110mm, 115mm, 120mm, 125mm, 130mm, 135mm, 140mm, 145mm, 150mm, 155mm, 160mm, 170mm. Góc cổ chuôi 135° hoặc 128°, phần đầu taper 12/14 có nhiều rãnh siêu nhỏ tăng sự kết nối với đầu xương đùi. 2. Đầu xương đùi (Head): - Vật liệu: Co-Cr, kích thước 32mm (-4, +0, +4, +8); 36mm (-4, +0, +4, +8). 3. Ổ cối (Cup): - Vật liệu: Titanium Alloy TA6V, bên ngoài được phủ 2 lớp theo công nghệ Plasma Sprayed porous Titanium (400µm - 600µm) và Calcium HydroxyApatite (HA) 80µm cho độ nhám cao. Thiết kế 4 lỗ bắt vít trên một cung không đối 120°. Kích cỡ: từ 46-62mm. 4. Lớp đệm (Insert): - Vật liệu: Polyethylene được trộn với 0.1% Vitamine E theo công nghệ Highly Crosslinked. Mặt vát 20° của lớp đệm hạn chế sự va chạm cổ xương đùi. Cố định lớp đệm bằng 10 mẫu chống xoay gắn vào vành của ổ cối. Kích thước của lớp đệm phổ biến cho các đầu xương đùi 32mm và 36mm. 5. Vít ổ cối (Screw): Chất liệu titanium TA6V, đường kính 6.0mm, chiều dài vít 20-50mm. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Bộ	10	G7
136	PP2500466948	Khớp háng bán phần các loại, các cỡ	Khớp háng bán phần các loại, các cỡ	Bộ khớp háng bán phần: '1. Cuống xương đùi (Stem):	Bộ	10	G7

Hạng mục số	Mã phần/ lô	Tên phần/ lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ
				<p>'Cuống xương đùi (Stem): Vật liệu: Titanium Alloy TA6V, bên ngoài được phủ toàn thân 2 lớp T40 titanium 200µm và Calcium Hydroxyapatite (HA) 100µm, thiết kế thân có rãnh dọc chống xoay và rãnh ngang chống lún. Kích thước: có 12 kích cỡ từ 7 đến 20. Chiều dài: 110mm, 115mm, 120mm, 125mm, 130mm, 135mm, 140mm, 145mm, 150mm, 155mm, 160mm, 170mm. Góc cổ chuôi: phổ biến ở hai góc độ 135° hoặc 128°, phần đầu taper 12/14 có nhiều rãnh siêu nhỏ tăng sự kết nối đầu xương đùi.</p> <p>2. Đầu xương đùi (Head):</p> <p>- Vật liệu: Co-Cr, kích thước 22.2mm (-2, +0, +2), 28mm (-7, -3.5, +0, +3.5, +7, +10.5mm).</p> <p>3. Chỏm xương đùi (Shell):</p> <p>- Vật liệu: Bên ngoài thép không gỉ và lớp đệm Polyethylene cao phân tử UHMWPE kèm vòng khóa chống trật. Kích cỡ: từ 39mm đến 59mm, bước tăng 1mm.</p> <p>- Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).</p>			
137	PP2500466949	Khớp gối các loại, các cỡ	Khớp gối các loại, các cỡ	<p>Bộ khớp gối:</p> <p>1. Lõi cầu đùi (Femoral Component):</p> <p>- Vật liệu: Cobalt-Chrome (CoCr) theo tiêu chuẩn ISO5832-4, gồm 9 kích cỡ phải/trái từ 1 đến 9, thiết kế kiểu ổn định trước (Ultra-congruents), bảo tồn xương. Kích thước chiều rộng ngang lõi cầu 55/58/61/64/67/70/73/76/80mm tương ứng các size từ 1 đến 9.</p> <p>2. Mâm chày (Tibial Baseplate):</p> <p>- Vật liệu: Cobalt-Chrome (CoCr) theo tiêu chuẩn ISO5832-4, gồm 9 kích cỡ từ 0 đến 8, thiết kế phải/trái.</p> <p>- Mâm chày thiết kế kiểu di động (Rotating Baseplate), biên độ xoay quanh trục của lớp đệm 20 độ, có thể gắn thêm miếng chêm và cuống dài. Miếng chêm có độ dày 5 mm và 10mm, có 9 kích cỡ từ 0 đến 8. Cuống dài có đường kính 13mm với các chiều dài 20mm, 40mm, 70mm, 110mm.</p> <p>3. Lớp đệm (Tibial Insert)</p> <p>- Vật liệu: PEXEL UHMWPE. Kích cỡ: có 3 độ dày 10mm,</p>	Bộ	10	G7

Hạng mục số	Mã phần/ lô	Tên phần/ lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ
				12mm, 15mm. Thiết kế kiểu ổn định trước (Ultra-congruents). 4. Bánh chèo (Patellar): - Vật liệu: UHMW Polyethylene. Kích cỡ: 23mm, 25mm, 28mm. 5. Xi măng có kháng sinh Gentamycine. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).			
138	PP2500466950	Khớp háng toàn phần các loại, các cỡ	Khớp háng toàn phần các loại, các cỡ	Bộ Khớp háng toàn phần không xi măng: 1. Ổ cối: hình cầu bán kính đơn 152° với mái vòm phẳng 14°, chất liệu Titanium phủ lớp hạt titan HA độ xốp 30% độ dày 114µm, có lỗ bắt 3 vít, 7 vít, 8 vít, 10 vít tùy thuộc vào kích thước ổ cối, gồm đường kính các cỡ từ 46mm - 68mm và 46-76mm, bước tăng 2mm 2. Lớp lót bằng X-Linked Poly (liên kết chéo), có bờ chống trật 0 độ 15 độ. Lớp lót được khóa an toàn bởi hệ thống cố định Rim-Lock. 3. Đầu xương đùi làm bằng BioloX Delta đường kính 28, 32, 36, 40mm. Lõi điều chỉnh được (+0mm, ±3,5mm, ±4mm). 4. Cuống xương đùi với góc cổ thẳng cổ điển là 135 độ với độ di lệch cổ chuôi (Offset): Cổ ngắn (35- 42mm), cổ trung (37-44mm), cổ dài (42 - 49mm). Góc cổ Varus cổ điển 8 ° là 127 độ với độ di lệch cổ chuôi (Offset): Cổ ngắn (38- 45mm), cổ trung (43-50mm), cổ dài (46 - 53mm). Thân chuôi Titanium Alloy, phun lớp Plasma (0.5mm) hoặc phủ lớp Hydroxyapatite. Kích cỡ: 1-10, chiều dài: 125, 135, 140, 145, 150, 155, 160, 165, 170, 175mm. M/L With 27-36mm; A/P Thick 12-19mm. Cổ côn 12/14 5. Vít bắt ổ cối Titanium có chiều dài từ 15-50mm. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ).	Bộ	10	G7
139	PP2500466951	Khớp háng toàn phần các loại, các cỡ	Khớp háng toàn phần các loại, các cỡ	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng: 1. Chuôi khớp háng: - Ti-6Al-4v, toàn bộ bề mặt được phủ lớp Porous Plasma Spray + HA có độ xốp tối ưu; Thân xương đùi thiết kế gắn với	Bộ	10	G7

Hạng mục số	Mã phần/ lô	Tên phần/ lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ
				<p>chôm B-One TM 12/14 . Kích cỡ: từ 1 đến 11 cỡ với cổ 127 độ và 132 độ, chiều dài cổ 27mm - 40mm; Kích thước thân 96mm, 99mm, 102mm, 105mm, 108mm, 111mm, 114mm, 117mm, 120mm, 123mm, 126mm. 2. Đầu xương đùi: vật liệu Cobalt Chrome đường kính 22mm (0, +2, +4), 28mm (-3.5, 0, +3.5, +7), 32mm (-4, 0, +4, +7), 36mm (-4, 0, +4, +8). Taper 12/14 3. Ổ cối: - Vật liệu: Ti-6Al-4v, thiết kế dạng bán cầu tỷ lệ tối ưu từ đầu đến vỏ bề mặt nhám tổ ong phủ lớp PPS (Độ dày: 30-150µm, độ xốp < 10%, độ nhám (Rt) 30-80µm, độ kết tinh (Theo ISO 13779-3) > 60%) + HA tinh khiết. Độ dày 350 - 700µm, độ bám dính 35 MPa, độ xốp 30-70%. độ nhám (Rt) 200 - 400µm (titanium porous plasma spray + HA); - Kích thước từ 40mm-76mm trong đó kích thước 40-46mm 2 lỗ bắt vít, 46- 58mm 3 lỗ bắt vít, 58- 76mm 5 lỗ bắt vít. 4. Lớp đệm: vật liệu: Vitamin E kết hợp UHMWPE , có 2 dạng chống trật neutral (0°) và hooded (10°) đường kính trong 28mm,32mm, 36mm. 5. Vít ổ cối: đường kính 6,5mm và chiều dài 16, (20-80mm bước tăng 5). - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ).</p>			
140	PP2500466952	Khớp háng toàn phần các loại, các cỡ	Khớp háng toàn phần các loại, các cỡ	<p>Bộ khớp háng toàn phần: 1. Chuôi khớp háng: - Ti-6Al-4v, toàn bộ bề mặt được phủ lớp Porous Plasma Spray + HA có độ xốp tối ưu; Thân xương đùi thiết kế gắn với chôm B-One TM 12/14 . Kích cỡ: từ 1 đến 11 cỡ với cổ 127 độ và 132 độ, chiều dài cổ 27mm - 40mm; Kích thước thân 96mm, 99mm, 102mm, 105mm, 108mm, 111mm, 114mm, 117mm, 120mm, 123mm, 126mm. 2. Chôm xương đùi:</p>	Bộ	8	G7

Hạng mục số	Mã phần/ lô	Tên phần/ lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ
				<p>- Vật liệu BIOLOX delta ceramic đường kính 22mm (0, +2, +4), 28mm (-3.5, 0, +3.5), 32mm (-4, 0, +4, +7), 36mm (-4, 0, +4, +8). Taper 12/14</p> <p>3. Ổ cối:</p> <p>- Vật liệu: Ti-6Al-4v, thiết kế dạng bán cầu tỷ lệ tối ưu từ đầu đến vỏ bề mặt nhám tổ ong phủ lớp PPS (Độ dày: 30-150µm, độ xốp < 10%, độ nhám (Rt) 30-80µm, độ kết tinh (Theo ISO 13779-3) > 60%) + HA tinh khiết. Độ dày 350 - 700µm, độ bám dính 35 MPa, độ xốp 30-70%. độ nhám (Rt) 200 - 400µm (titanium porous plasma spray + HA);</p> <p>- Kích thước từ 40mm-76mm trong đó kích thước 40-46mm 2 lỗ bắt vít, 46- 58mm 3 lỗ bắt vít, 58- 76mm 5 lỗ bắt vít.</p> <p>4. Lớp đệm: vật liệu: Vitamin E kết hợp UHMWPE , có 2 dạng chống trật neutral (0°) và hooded (10°) đường kính trong 28mm,32mm, 36mm.</p> <p>5. Vít ổ cối: đường kính 6,5mm và chiều dài 16, (20-80mm bước tăng 5)</p> <p>- Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ).</p>			
141	PP2500466953	Khớp háng bán phần các loại, các cỡ	Khớp háng bán phần các loại, các cỡ	<p>Bộ khớp háng bán phần không xi măng cổ liền:</p> <p>1. Đầu lưỡng cực: chất liệu Cobalt Chrome với bề mặt chịu lực polyethylene liên kết chéo A-CLASS, đường kính từ 36mm đến 65 mm với mỗi kích cỡ tăng 1mm. Phạm vi chuyển động 100°</p> <p>- Lớp lót chất liệu UHMWPE, có một vòng hỗ trợ UHMWPE bên trong vỏ cố định và có một vòng khóa UHMWPE lắp ráp phía trên vòng hỗ trợ.</p> <p>2. Đầu xương đùi làm bằng Cobalt Chrome đường kính 28, 32, 36mm. Lõi tăng giảm (+0mm,±3,5mm,+7mm).</p> <p>3. Cuống xương đùi chất liệu Titanium, Góc cổ thẳng cổ điển là 135 độ với độ di lệch cổ chuôi (Offset): Cổ ngắn (35-42mm), cổ trung (37-44mm), cổ dài (42 - 49mm).Góc cổ Varus cổ điển 8 ° là 127 độ với độ di lệch cổ chuôi (Offset): Cổ ngắn (38- 45mm), cổ trung (43-50mm), cổ dài (46 -</p>	Bộ	8	G7

Hạng mục số	Mã phần/ lô	Tên phần/ lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ
				53mm). Thân chuôi phun lớp Plasma (0.5mm). Kích cỡ: 1-10, chiều dài: 125, 135, 140, 145, 150, 155, 160, 165, 170, 175mm. M/L With 27-36mm; A/P Thick 12-19mm. Cổ côn 12/14 - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ).			
142	PP2500466954	Khớp háng bán phần các loại, các cỡ	Khớp háng bán phần các loại, các cỡ	Bộ khớp háng bán phần không xi măng, chỏm khớp các loại: 1. Chuôi khớp háng: - Ti-6Al-4v, toàn bộ bề mặt được phủ lớp Porous Plasma Spray + HA có độ xốp tối ưu; Thân xương đùi thiết kế gắn với chỏm B-One TM 12/14 . Kích cỡ: từ 1 đến 11 cỡ với cổ 127 độ và 132 độ, chiều dài cổ 27mm - 40mm; Kích thước thân 96mm, 99mm, 102mm, 105mm, 108mm, 111mm, 114mm, 117mm, 120mm, 123mm, 126mm. 2. Đầu xương đùi: - Vật liệu Cobalt Chrome - đường kính 22mm, 28mm, 32mm, 36mm 3. Ổ cối bán phần: - Chất liệu CoCrMo, bên trong là lớp đệm UHMWPE, kích thước 40mm - 54mm (trong đó kích thước 40mm-46mm bước tăng 1mm từ 46-54 bước tăng 2mm), có kèm khoá chống trật. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ).	Bộ	8	G7/G20
143	PP2500466955	Khớp gối các loại, các cỡ	Khớp gối các loại, các cỡ	Bộ khớp gối toàn phần có xi măng: Thiết kế BALAN SEE bán kính đơn (0-95°) hạn chế cắt bỏ xương đùi xa và sau bằng nhau định hình và tái tạo cân bằng dây chằng, độ gập duỗi tối đa 150° - Thiết kế kiểu patellofemoral bảo tồn xương, cơ chế khóa chèn xương chày đa hướng mạnh mẽ. 1. Lõi cầu đùi (Femoral Component): - Chất liệu hợp kim CoCr, loại lõi cầu đùi trái/ phải với 15 size, 10 kiểu chuẩn (PS) và 5 kiểu mở rộng (PS+) đối với size	Bộ	12	G7

Hạng mục số	Mã phần/ lô	Tên phần/ lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ
				<p>3N, 4N, 5N, 6N, 7N.</p> <p>2. Mâm chày (Tibial Plate): - Chất liệu Ti-6Al-4V với 9 kích cỡ sử dụng Chiều ngang: 58, 61, 64, 67, 70, 74, 77, 80 và 85mm. Chiều sâu (trước sau): 38, 40, 42, 44, 46, 49, 52, 55 và 59mm</p> <p>3. Lớp đệm mâm chày (Tibial Bearing): - Thiết kế kiểu PS chất liệu Vitamin E highly crosslinked, kích thước từ 9 -25mm với 8 độ dày khác nhau</p> <p>4. Bánh chèn (Patellar Component): - Chất liệu UHMWPE Vitamin E gồm 6 kích cỡ: size 27 (độ dày 7.5mm); size 29 (độ dày 7.5mm); size 32 (độ dày 8.5mm); size 35 (độ dày 9mm); size 38 (độ dày 9.5mm); size 41mm (độ dày 10mm)</p> <p>5. Xi măng: Xi măng được đóng gói gồm: Một ống chất lỏng monomer 14.4g và 16.4g vô trùng và một gói bột polymer 40g (Xi măng tiêu chuẩn: ISO, EU). - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ).</p>			
144	PP2500466956	Mảnh ghép thoát vị bẹn, thành bụng các loại, các cỡ	Mảnh ghép thoát vị bẹn, thành bụng các loại, các cỡ	<p>Mảnh ghép Polypropylene sọc xanh (Phthalocyaninato (2-) copper) loại nhẹ 10 x15cm, kích thước lỗ 1mm, khối lượng 36g/m², dày 0.39mm. lực căng kéo dọc: 65N/cm. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).</p>	Miếng	70	Châu Âu
145	PP2500466957	Mảnh ghép thoát vị bẹn, thành bụng các loại, các cỡ	Mảnh ghép thoát vị bẹn, thành bụng các loại, các cỡ	<p>Mảnh ghép Polypropylene sọc xanh (Phthalocyaninato (2-) copper) loại nhẹ 5x10cm, kích thước lỗ 1mm, khối lượng 36g/m², dày 0.39mm. lực căng kéo dọc: 65N/cm. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).</p>	Miếng	60	Châu Âu
146	PP2500466958	Bộ thắt tĩnh mạch thực quản dùng một lần các loại, các cỡ	Bộ thắt tĩnh mạch thực quản dùng một lần các loại, các cỡ	<p>Bộ thắt tĩnh mạch thực quản bao gồm: - 01 Tay quay: ngã bom tưới rửa, tự động báo hiệu khi bung vòng thắt, chế độ mở/ khóa, adapter với ống nội soi Olympus. - 01 Đầu thắt gồm 6 vòng thun được lắp sẵn vào 1 đầu chất liệu silicone mềm trong suốt. Chất liệu vòng thun: cao su laxter Số vòng: 6 vòng (5 màu đen + 1 màu trắng)</p>	Cái	50	Châu Á

Hạng mục số	Mã phân/ lô	Tên phân/ lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ
				Dây dẫn: 01 sợi - lắp theo 1 chiều Cấu trúc dây kéo: 01 sợi có nắp đậy, dài 155cm. Trường nhìn chính xác 100% Lực tác động ống soi ít có ngã bơm rửa to giúp sạch máu và chất nhờn. Đường kính ống soi tương thích: 9.5-11mm. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).			
147	PP2500466959	Bơm áp lực các loại, các cỡ	Bơm áp lực các loại, các cỡ	Bộ xilanh 190ml sử dụng tương thích cho máy bơm thuốc cân quang 2 nòng có sẵn của bệnh viện; model máy: Imaxeon Salient. Bộ đóng gói gồm: 2 bơm tiêm 190ml bằng chất liệu PET trong suốt có piston bằng PP trong suốt với đầu bọc cao su tổng hợp màu đen, 1 đầu chuyển Spike dài và 1 đầu chuyển Spike ngắn bằng nhựa ABS, 1 ống lấy thuốc nhanh chữ J bằng PE, 1 dây nối CT áp lực cao chữ T bằng PVC và PC dài 260cm có đường kính trong 1.9mm và đường kính ngoài 3,35mm với van một chiều. Chịu áp lực cao 350psi, luer lock, nắp thuốc bằng ống hút nhanh, không chứa DEHP. Tương thích hoàn toàn với máy bơm tiêm, có đầu chỉ phát hiện nhanh ống bơm đã được môi thuốc. Tiệt khuẩn bằng công nghệ E.O. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ).	Cái	500	Châu Á
148	PP2500466960	Dây bơm áp lực cao, dây bơm cân quang áp lực cao các loại, các cỡ	Dây bơm áp lực cao, dây bơm cân quang áp lực cao các loại, các cỡ	Dây nối áp lực cao 350psi hình chữ Y bằng PVC trong suốt dài 150cm với 2 đầu kết nối bằng PC có nắp bảo vệ bằng PP màu cam, có 2 van một chiều, không chứa DEHP; sử dụng tương thích cho bộ Xilanh 190ml của máy bơm thuốc cân quang 2 nòng có sẵn của bệnh viện; model máy: Imaxeon Salient. Dây nối có đường kính trong và ngoài lần lượt là 1,9mm và 3,35mm. . Tiệt khuẩn bằng công nghệ E.O. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ).	Cái	500	Châu Á
149	PP2500466961	Phim X- quang các loại, các cỡ	Phim X- quang các loại, các cỡ	Film x - quang, rửa liền: Rõ nét, độ nhạy cao, thời gian phơi sáng thấp	Tám	6.000	Châu Á

Hạng mục số	Mã phần/ lô	Tên phần/ lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ
				Kích thước: 30mm x 40mm Kem theo dung dịch rửa film 250 ml, ống tiêm 5ml. Tiện dụng, nhanh chóng, dễ sử dụng. Không cần buồng rửa film. Có hình ảnh ngay sau khi chụp 2- 3 phút. Phù hợp với mọi loại máy chụp film X-quang nha khoa. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.			
150	PP2500466962	Phim X- quang các loại, các cỡ	Phim X- quang các loại, các cỡ	* Phim x-quang, kích cỡ: 35cm x 43cm (phim CT-Scanner). - Phim khô, kỹ thuật số, công nghệ in laser. - Tương thích, đồng bộ với máy in phim Model: Drypix 6000 của Bên mời thầu. Máy in tự động nhận diện được số lượng phim. - Cấu tạo phim 4 lớp: + Lớp trên: 86% gelatin, độ dày: 2,3µm. + Lớp nền xanh: 100% polyethylene terephthalate, độ dày: 170 µm. + Lớp nhạy: 36% light sensitive agents, độ dày: 10,6 µm. + Lớp dưới: 88% gelatin, độ dày: 3,5µm. -Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Tám	12.000	G7
151	PP2500466963	Phim X- quang các loại, các cỡ	Phim X- quang các loại, các cỡ	* Phim x-quang kích cỡ: 20cm x 25cm. - Phim khô, kỹ thuật số, công nghệ in nhiệt. - Tương thích, đồng bộ với máy in phim Model: Drypix 2000 của Bên mời thầu. Máy in tự động nhận diện được số lượng phim. - Cấu tạo phim 4 lớp: + Lớp trên: 85% Polyvinyl alcohol, độ dày: 1,6µm. + Lớp nền xanh: 100% Polyethylene terephthalate, độ dày: 170 µm. + Lớp nhạy: 64% Thermo sensitive microcapsule, độ dày: 12,0 µm. + Lớp dưới: 70% Polyvinyl alcohol, độ dày: 2,3µm. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Tám	180.000	G7
152	PP2500466964	Quả lọc thận nhân tạo các loại, các cỡ	Quả lọc thận nhân tạo các loại, các cỡ	Quả lọc thận nhân tạo: * Diện tích màng: $\geq 1,6m^2$.	Cái	700	Châu Âu

Hạng mục số	Mã phần/ lô	Tên phần/ lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ
				<ul style="list-style-type: none"> * Chất liệu màng: Polyethersulfone (hoặc tương đương). * KUF mL/h/mmHg (Hệ số siêu lọc): ≥ 21; * Thể tích môi: ≤ 86 ml; - Áp suất xuyên màng tối đa (mmHg): 500-600; - Qb = 300 ml/phút, Qd = 500 ml/phút, độ thanh thải (ml/phút): Ure: ≥ 255, Creatinine: ≥ 229, Phosphate : ≥ 191, Vitamin B12: ≥ 122; - Đóng gói, tiệt trùng. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu). 			
153	PP2500466965	Quả lọc thận nhân tạo các loại, các cỡ	Quả lọc thận nhân tạo các loại, các cỡ	<p>Quả lọc thận nhân tạo: Nguyên liệu: màng lọc làm từ sợi Polynephron (hoặc tương đương), không chứa Bisphenol-A(BPA) và DEHP. Diện tích màng: ≥ 1.5 m². Thể tích môi: 91ml. Hệ số siêu lọc: KUF: 20 (mL/giờ/mmHg). TMP: 500mmHg. Độ dày thành sợi: 40 μm. Vỏ quả lọc: Polypropylene. Độ thanh thải (Với Qb: 300ml/min): Ure: ≥ 264 ml/min; Creatinine : ≥ 244 ml/min; Phosphate: ≥ 211 ml/min; Vitamin B12: ≥ 134 ml/min; Đóng gói, Tiệt trùng: Tia Gamma; - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).</p>	Cái	2.000	G7
154	PP2500466966	Quả lọc thận nhân tạo các loại, các cỡ	Quả lọc thận nhân tạo các loại, các cỡ	<p>Quả lọc sử dụng cho máy chạy thận nhân tạo: Diện tích màng 2,2m². Chất liệu màng Polysulfone, chất liệu vỏ quả lọc Polypropylen, chất liệu đầu quả lọc Polyurethane. Tác dụng tạo dịch lọc máu siêu sạch (nội độc tố <0.03 EU/mL, các vi sinh vật ô nhiễm ,0.1 CFU/mL). ONLINE tạo dịch bù cho phương pháp HF và HDF - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).</p>	Cái	50	G7
155	PP2500466967	Chất nhầy, dung dịch hỗ trợ dùng trong phẫu thuật đặt thủy tinh thể nhân tạo Phaco các loại	Chất nhầy, dung dịch hỗ trợ dùng trong phẫu thuật đặt thủy tinh thể nhân tạo Phaco các loại	<p>Chất nhầy Sodium Hyaluronate 1.8%: Trọng lượng phân tử: 2.9-3.8 million daltons, Độ nhớt: 450.000-750.000 mPa.s, Độ thẩm thấu: 270-400 mOsm/kg, Độ Ph: 6.8-7.6, Sodium hyaluronate: 18 mg, Sodium Chloride: 8.5 mg, Disodium Hydrogen Phosphate : 0.563 mg, Sodium dihydrogen</p>	Ống	50	Châu Âu

Hạng mục số	Mã phần/ lô	Tên phần/ lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ
				phosphate: 0.045 mg, Nước pha tiêm vừa đủ, Ống 1.5ml. Đạt tiêu chuẩn : ISO, CE.			
156	PP2500466968	Chất nhầy, dung dịch hỗ trợ dùng trong phẫu thuật đặt thủy tinh thể nhân tạo Phaco các loại	Chất nhầy, dung dịch hỗ trợ dùng trong phẫu thuật đặt thủy tinh thể nhân tạo Phaco các loại	Chất nhầy Hydroxypropyl methylcellulose 2% (HPMC 2%): - Hydroxypropyl methylcellulose: 2%, Sodium Chloride: 0.490% , Potassium Chloride: 0.075% , Calcium Chloride: 0.048% , Magnesium Chloride, exahydrate: 0.030% , Sodium Acetate Trihydrate: 0.39% , Sodium Citrate Dihydrate: 0.170% , - Nước cất pha tiêm vừa đủ, Trọng lượng phân tử:100.000 dalton, Độ Ph: 6.0-7.8 , - Độ nhớt: 6.000 ± 1.000 cst, Độ thẩm thấu: 285 ± 15 mOsm/kg, Lọ 5ml được đóng gói vô trùng. Đạt tiêu chuẩn : ISO, CE.	Lọ/Ống	250	Châu Á
157	PP2500466969	Chất nhuộm màu dùng trong phẫu thuật mắt các loại	Chất nhuộm màu dùng trong phẫu thuật mắt các loại	Thuốc nhuộm bao Trypan Blue 0.06%, Lọ 1ml. Dung dịch màu xanh chứa trong lọ thủy tinh, tiệt trùng	Lọ/Ống	30	Châu Âu
158	PP2500466970	Dụng cụ, máy khâu cắt nối tự động sử dụng trong kỹ thuật Longo các loại, các cỡ (bao gồm cả vòng, băng ghim khâu kèm theo)	Dụng cụ, máy khâu cắt nối tự động sử dụng trong kỹ thuật Longo các loại, các cỡ (bao gồm cả vòng, băng ghim khâu kèm theo)	Bộ dụng cụ phẫu thuật trĩ (Longo): 1. Chất liệu: chất liệu kim bằng hợp kim Titanium 2. Thông số kỹ thuật: Cỡ 33 mm và 34 mm - Đường kính lòng cắt ≥25 mm, 34 ghim, số lượng ghim tương ứng với đường kính ngoài là ± 1. - Chiều cao ghim mở 3.8 mm, chiều cao ghim đóng 1.5 mm. 3. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Dụng cụ mổ trĩ theo phương pháp Longo: - Đầu đe không tháo rời, buồng chứa dịch trong suốt, thiết kế an toàn kép trước khi bắn. - Tùy chọn ống nong hình tròn và ống nong hình cánh bướm. 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO và CE và FDA 510K.	Bộ	120	Châu Á
159	PP2500466971	Lọng cắt polyp ống tiêu hóa (thực quản, dạ dày, tá tràng, ruột non, trực tràng, đại tràng) các loại, các cỡ	Lọng cắt polyp ống tiêu hóa (thực quản, dạ dày, tá tràng, ruột non, trực tràng, đại tràng) các loại, các cỡ	Lọng cắt polyp: Dùng cắt Polyp Dây bên, đường kính ngoài của dây: 0,0165 inch Dây thiết kế thông minh: bám khối polyp và dễ điều khiển Hình dạng: hình tròn Cấu trúc: cắt nóng hoặc cắt lạnh Đường kính 10-15-25mm. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa	Cái	50	Châu Mỹ

Hạng mục số	Mã phân/ lô	Tên phân/ lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ
				Kỳ).			
160	PP2500466972	Lọng cắt polyp ống tiêu hóa (thực quản, dạ dày, tá tràng, ruột non, trực tràng, đại tràng) các loại, các cỡ	Lọng cắt polyp ống tiêu hóa (thực quản, dạ dày, tá tràng, ruột non, trực tràng, đại tràng) các loại, các cỡ	Lọng thắt Polyp tay cầm lắp sẵn : Được sử dụng để điều trị nội soi thủng đường tiêu hóa, hỗ trợ ESD/EMR, kiểm soát chảy máu và thắt polyp. Độ mở loop từ 30mm. Chiều dài dây dẫn 2300mm Đường kính dây dẫn 2.1mm, tương thích với đường kính kênh sinh thiết ống soi tối thiểu 2,8mm - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Cái	20	Châu Á
161	PP2500466973	Khung, đai, nẹp, thanh luồn dùm trong chấn thương - chỉnh hình và phục hồi chức năng các loại, các cỡ	Khung, đai, nẹp, thanh luồn dùm trong chấn thương - chỉnh hình và phục hồi chức năng các loại, các cỡ	Đai căng tay trái, phải, các cỡ: Vải dệt kim, vải có lỗ thoáng khí, vải cào lông. *Băng nhám dính (khóa Velcro), nẹp hợp kim nhôm.	Cái	500	Việt Nam
162	PP2500466974	Khung, đai, nẹp, thanh luồn dùm trong chấn thương - chỉnh hình và phục hồi chức năng các loại, các cỡ	Khung, đai, nẹp, thanh luồn dùm trong chấn thương - chỉnh hình và phục hồi chức năng các loại, các cỡ	Đai Desault các cỡ. Vải cotton, vải không dệt, vải có lỗ thoáng khí. *Khóa Velcro, thanh nẹp đàn hồi.	Cái	300	Việt Nam
163	PP2500466975	Khung, đai, nẹp, thanh luồn dùm trong chấn thương - chỉnh hình và phục hồi chức năng các loại, các cỡ	Khung, đai, nẹp, thanh luồn dùm trong chấn thương - chỉnh hình và phục hồi chức năng các loại, các cỡ	Đai xương đòn các số: Vải cotton, mút xốp. - Khóa Velcro.	Cái	300	Việt Nam
164	PP2500466976	Khung, đai, nẹp, thanh luồn dùm trong chấn thương - chỉnh hình và phục hồi chức năng các loại, các cỡ	Khung, đai, nẹp, thanh luồn dùm trong chấn thương - chỉnh hình và phục hồi chức năng các loại, các cỡ	Nẹp đùi vải các số (Đai zimmer): .Vải cotton, vải không dệt, vải có lỗ thoáng khí. . Khóa Velcro, nẹp hợp kim nhôm.	Cái	300	Việt Nam
165	PP2500466977	Khung, đai, nẹp,	Khung, đai, nẹp, thanh luồn	Đai cột sống lưng các số: Vật liệu:	Cái	200	Việt

Hạng mục số	Mã phần/ lô	Tên phần/ lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ
		thanh luồn dùng trong chấn thương - chỉnh hình và phục hồi chức năng các loại, các cỡ	dùng trong chấn thương - chỉnh hình và phục hồi chức năng các loại, các cỡ	- Vải cotton, vải không dệt, vải có lỗ thoáng khí. - Khóa Velcro, nẹp hợp kim nhôm.			Nam
166	PP2500466978	Bao bọc camera dùng trong thủ thuật, phẫu thuật các loại, các cỡ	Bao bọc camera dùng trong thủ thuật, phẫu thuật các loại, các cỡ	Chất liệu nhựa PE, trắng trong suốt nguyên chất, trung tính dẻo có chất chống tĩnh điện, miệng bao được cố định bởi 2 vòng kẹp lồng vào nhau có đường kính là 97mm, vòng ngoài có bề dày khoảng 1,5mm, vòng trong khoảng 1,8mm. Vòng ngoài có gờ chặn để giữ vòng trong và kẹp chặt miệng bao. Phần bao ny lon để luồn camera khi thao tác có bề dày khoảng 0,03mm Kích thước 220cm x 15cm. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Cái	2.000	Việt Nam
167	PP2500466979	Đầu côn các loại, các cỡ	Đầu côn các loại, các cỡ	* Đầu col lấy mẫu xét nghiệm (Màu vàng, có khóa). * Chất liệu: Nhựa PP * Kích thước: 0-200ul	Cái	40.000	Châu Á
168	PP2500466980	Đầu côn các loại, các cỡ	Đầu côn các loại, các cỡ	* Đầu col lấy mẫu xét nghiệm (Màu vàng, không khóa). * Chất liệu: Nhựa PP * Kích thước: 0-200ul	Cái	40.000	Châu Á
169	PP2500466981	Đầu côn các loại, các cỡ	Đầu côn các loại, các cỡ	* Đầu col lấy mẫu xét nghiệm (Màu xanh, có khóa và Không có khóa). * Chất liệu: Nhựa PP * Kích thước: 0-1000ul	Cái	50.000	Châu Á
170	PP2500466982	Đầu côn các loại, các cỡ	Đầu côn các loại, các cỡ	* Đầu col lấy mẫu xét nghiệm (Màu trắng, có khóa/không khóa). * Chất liệu: Nhựa PP * Kích thước: 0-10ul	Cái	40.000	Châu Á
171	PP2500466983	Đè lưỡi (gỗ, inox, sắt) các loại, các cỡ	Đè lưỡi (gỗ, inox, sắt) các loại, các cỡ	Que đè lưỡi gỗ: Được làm từ gỗ tự nhiên, sấy khô, đánh bóng, mỗi que được đóng vào 01 túi và được tiệt trùng bằng khí EO. Kích thước: 150mm x 20mm x 2mm.	Que	40.000	Việt Nam
172	PP2500466984	Miếng dán điện cực, điện cực dán, đệm điện cực các loại, các cỡ	Miếng dán điện cực, điện cực dán, đệm điện cực các loại, các cỡ	Điện cực tim người lớn, trẻ em: Đối tượng sử dụng: Người lớn/trẻ em Keo dạng bột không độc hại Loại gel: Ướt	Cái	3.000	Châu Á

Hạng mục số	Mã phần/ lô	Tên phần/ lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ
				Kích thước: đường kính 50mm Hình dạng: Tròn Loại đầu nối: Snap / Grabber (làm bằng Ag / AgCl) Thời gian kết nối: dưới 24 giờ Chất kết dính mạnh vào da, dễ dàng loại bỏ mà không làm tổn thương da Gel Hydro có độ dẫn điện cao đảm bảo chất lượng tín hiệu tối ưu. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.			
173	PP2500466985	Kim, khóa, kẹp (clip, clamp) các loại, các cỡ	Kim, khóa, kẹp (clip, clamp) các loại, các cỡ	Clip cầm máu dùng trong nội soi, Dùng đánh dấu, kẹp cầm máu Khả năng đóng - mở clip ≥ 10 lần trước khi đóng clip. Tay gắn được thiết kế công thái học để điều khiển bằng 01 tay tạo điều kiện tái định vị hiệu quả và hiệu quả của clip. Thiết kế lõi đặc biệt, xoay 2 bên 360 độ. Độ mở clip: 12-16mm Góc mở: 135 độ Chiều dài: 2300mm Tương thích kênh dụng cụ ống soi ≥ 2.8 mm. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Cái	100	Châu Á
174	PP2500466986	Kim, khóa, kẹp (clip, clamp) các loại, các cỡ	Kim, khóa, kẹp (clip, clamp) các loại, các cỡ	Kềm sinh thiết dạ dày - đại tràng: Dùng lấy mẫu sinh thiết. Kẹp xoay được 90 độ có thể lấy mẫu sinh thiết lớn. Đầu oval, có 2 lỗ bên. Độ mở ngàm 5-5.8mm. Đường kính dụng cụ 1.8-2.4mm, chiều dài 1800-2000-2300mm. Kênh dụng cụ ống soi tối thiểu 2.8mm. Dây không bọc nhựa. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Cái	100	Châu Á
175	PP2500466987	Mặt nạ (mask) các loại, các cỡ	Mặt nạ (mask) các loại, các cỡ	Khẩu trang y tế 3 lớp (vải không dệt, tiệt trùng): Nguyên liệu: mặt ngoài là vải không dệt Olefin hoặc Polypropylen, độ dày của vải: 25gram/m ² , không thấm nước; mặt trong là vải không dệt Olefin hoặc Polypropylen, độ dày của vải: 35gram/m ² , không thấm nước; lớp giữa là vải lọc (Olefin hoặc Polypropylen) hoặc vải SMS, độ dày của vải: 20gram/m ² ,	Cái	180.000	Việt Nam

Hạng mục số	Mã phần/ lô	Tên phần/ lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ
				không thấm nước ; Quy cách: 9,5cm x 17,5cm, 3 lớp, có gọng. Loại: tiệt trùng (bằng khí EO). - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.			
176	PP2500466988	Mặt nạ (mask) các loại, các cỡ	Mặt nạ (mask) các loại, các cỡ	Mask khí dung người lớn, trẻ em: '- Mặt nạ được sản xuất từ nhựa PVC nguyên sinh, màu trắng trong, không có chất tạo màu. Có bộ khí dung. - Dây dẫn có chiều dài ≥ 2 m, lòng ống có khóa chống gập được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, màu trắng trong. Dây dẫn có khóa đảm bảo khí oxy luôn được tuần hoàn. - Thanh nhôm mềm dẻo đảm bảo giữ kín khít mặt nạ và mũi bệnh nhân. - Dây chun cố định bộ mặt nạ và đầu bệnh nhân có độ đàn hồi cao. - Các cỡ: M, L, XL. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Cái	4.000	Việt Nam
177	PP2500466989	Mặt nạ (mask) các loại, các cỡ	Mặt nạ (mask) các loại, các cỡ	Mặt nạ thở oxy có túi: Mặt nạ thở oxy có túi bao gồm: Dây dẫn, mặt nạ nẹp mũi, màng silicone, dây chun, đầu nối túi khí, túi khí, đầu nối dây dẫn. Mặt nạ và dây dẫn được sản xuất từ nhựa PVC nguyên sinh. Dây dẫn có chiều dài ≥ 2 m. Các cỡ: S, M, L, XL. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Cái	500	Châu Á
178	PP2500466990	Dịch lọc máu liên tục các loại	Dịch lọc máu liên tục các loại	Dịch lọc máu liên tục: Can 10 lít dd đậm đặc chứa: • Natri clorid: 2708.69g • Kali clorid: 67.10g • Calciclorid.2H ₂ O: 99.24 g • Magnesi clorid.6H ₂ O: 45.75g • Acid acetic băng:81.00g • Glucose H ₂ O : 494.99g • Nước tinh khiết vừa đủ: 10 lít - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Can	6.000	Việt Nam
179	PP2500466991	Dịch lọc máu liên tục các loại	Dịch lọc máu liên tục các loại	Dịch lọc máu liên tục: Can 10 lít dd đậm đặc chứa: • Natri Bicarbonate: 840g • Dinatri Edetat. 2H ₂ O: 0,5 g	Can	3.500	Việt Nam

Hạng mục số	Mã phần/ lô	Tên phần/ lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ
				<ul style="list-style-type: none"> Nước tinh khiết vừa đủ: 10 lít - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO. 			
180	PP2500466992	Nón phẫu thuật	Nón phẫu thuật	<p>Nón phẫu thuật được làm từ vải không dệt, không ngấm, định tính nguyên liệu là Olefin hoặc Polypropylen (hoặc hợp chất tương tự), được tiệt trùng bằng khí EO.</p> <p>- Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.</p>	Gói/Cái	30.000	Việt Nam
181	PP2500466993	Khăn phẫu thuật	Khăn phẫu thuật	<p>Khăn phẫu thuật 60cm x 60cm (vải không dệt, có lỗ, tiệt trùng). Nguyên liệu: vải không dệt Olefin hoặc Polypropylene, không thấm nước, độ dày của vải: 40gram/m², Quy cách: 60cm x60cm, có khoét lỗ tròn, đường kính lỗ 100mm; Loại: Tiệt trùng (khí EO).</p> <p>- Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.</p>	Cái	5.000	Việt Nam
182	PP2500466994	Que lấy mẫu	Que lấy mẫu	Que lấy mẫu bệnh phẩm: Dùng để lấy mẫu xét nghiệm như: tế bào, hầu họng, sản phụ khoa.	Cái	5.000	Việt Nam
183	PP2500466995	Dung dịch bôi trơn	Dung dịch bôi trơn	<p>Dung dịch bôi trơn dụng cụ y tế: -Thành phần: Gelling agent < 1%, Glycerin < 10%, Propylene glycol < 10%, Other inert agent and DI water qs. to 100%., PH 6.5-7.5</p> <p>- Dùng để bôi trơn cho dụng cụ y tế khi đưa vào cơ thể như đưa qua âm đạo, thực quản, tiết niệu...</p> <p>Gel bôi trơn gốc nước, không nhờn, không mùi, không dị ứng,dễ rửa..</p> <p>- Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.</p>	Gói	2.000	Asean
184	PP2500466996	Ampu giúp thở	Ampu giúp thở	<p>Ampu giúp thở dùng cho: người lớn, trẻ em, trẻ sơ sinh.</p> <p>Được trang bị van giới hạn áp suất để đảm bảo an toàn cho bệnh nhân.</p> <p>Kích thước đầu nối 22/15 mm.</p> <p>Túi trữ khí làm từ PVC và dùng một lần, không chứa cao su.</p> <p>- Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.</p>	Cái	100	Châu Á
185	PP2500466997	Băng treo tay	Băng treo tay	<p>Băng vải để treo tay: Thiết kế phù hợp cho cả tay trái và tay phải.</p> <p>Được làm từ vải thoáng khí, hệ thống khóa nhựa giúp điều chỉnh và tháo lắp dễ dàng.</p>	Cái	500	Việt Nam
186	PP2500466998	Bộ điều hòa kính nguyệt	Bộ điều hòa kính nguyệt	Bộ điều hòa kính nguyệt. Piston làm từ nhựa ABS màu trắng ngà. Xylanh 60cc làm từ nhựa PP màu trắng trong, tạo ra áp	Bộ	200	Việt Nam

Hạng mục số	Mã phần/ lô	Tên phần/ lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ
				lực 609.6 đến 660.4mm/Hg. Thân khóa được làm từ nhựa HDPE màu trắng đục. Ống hút làm từ nhựa LDPE màu trắng. Chai đựng dầu bôi trơn (2cc dầu parafin y tế) làm từ nhựa PE màu trắng. Tiệt trùng bằng khí E.O Hạn sử dụng: 05 năm kể từ ngày sản xuất. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.			
187	PP2500466999	Gel siêu âm	Gel siêu âm	Gel siêu âm: '- Sản xuất từ: Nước, Propylene glycol, Hydroxyl ethyl cellulose, glycerin, sodium benzoate ... -Gel siêu âm giúp tạo môi trường thu nhận tín hiệu siêu âm, được dùng trong siêu âm, chẩn đoán hình ảnh y khoa. Gel không có tính chất ăn mòn, không gây hồng đầu dò và không gây dị ứng da. Chỉ sử dụng bên ngoài. - Màu sắc: Không màu hoặc màu xanh. - Độ pH: 6,5 ± 0,75 - Tan hoàn toàn trong nước, không gây mẫn cảm, không gây rát da, dễ rửa bằng nước sạch. - Không mùi, không chứa chất ăn mòn, không chứa muối. - Không có formaldehyde.	Lít	1.200	Việt Nam
188	PP2500467000	Giấy điện tim	Giấy điện tim	Giấy điện tim sử dụng cho máy điện tim 6 kênh: *Gấp chữ Z thẳng hàng *Giấy trắng không sọc, có dấu cảm biến chính xác *Dùng cho máy đo nhịp tim 6 cần, tương thích với máy ECG Nihon Kohden có kích thước 110mm x 140mm x 143 tờ *Bản in đậm rõ nét.	Xấp	500	Châu Á
189	PP2500467001	Giấy in monitor	Giấy in monitor	Giấy monitor sản khoa: *Gấp chữ Z thẳng hàng *Sọc lưới ô ly màu đỏ *Tương thích với Màn hình sản khoa Corometrics BAO 4305/DAO 4305 với kích thước 152mm x 90mm x 150sh *Bản in đậm rõ nét	Xấp	100	Châu Á
190	PP2500467002	Hộp đựng kim nhựa	Hộp đựng kim nhựa	Hộp đựng kim nhựa y tế sau khi sử dụng, dung tích 6,8 lít bằng nhựa PE, màu vàng, dài 227, rộng 136, cao 297mm, nắp đỏ. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Cái	200	Việt Nam

Hạng mục số	Mã phần/ lô	Tên phần/ lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ
191	PP2500467003	Hộ đựng vật sắc nhọn	Hộ đựng vật sắc nhọn	Hộp đựng vật sắc, nhọn y tế sau khi sử dụng, dung tích 1,5 lít: Bảng nhựa PE, màu vàng, dạng hình hộp đáy vuông (dài 99, rộng 99, cao 192mm), nắp đỏ. - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Cái	400	Việt Nam
192	PP2500467004	Giấy y tế	Giấy y tế	Giấy dùng trong y tế khổ 40cm x 50cm: '- Khăn giấy có 1 lớp. Được làm từ bông gòn vụn, giấy vụn, không sử dụng hoặc sử dụng vượt quá giới hạn cho phép những hóa chất cấm thuộc danh mục hiện hành của nhà nước. - Khăn có bề dày đồng đều, làm thun vừa đủ độ thấm hút nhưng dễ tan trong nước. Bề mặt khăn trắng mịn, mềm mại, dai, không có vết rách, nhăn thũng, thấm nước, không gây kích ứng, không ván cục, không có chấm đen, tạp chất không ảnh hưởng sức khỏe đến cho người dùng. Mùi đặc trưng, không có mùi mốc hay khó chịu - Có định lượng 1 lớp 35gr/m ² , thời gian hấp thu 0,1ml nước không lớn hơn 5 giây. Độ trắng ISO 80% . Độ bền kéo đứt dọc không nhỏ hơn 220N/m. Độ bền kéo đứt ngang không nhỏ hơn 110N/m. Độ ẩm 7%±1	Kg	1.300	Việt Nam
193	PP2500467005	Giấy điện tim	Giấy điện tim	Giấy điện tim sử dụng cho máy điện tim 3 kênh (ECG Roll):Được sử dụng cho nhiều loại máy đo tim dạng cuộn có kích thước 80mm x 20m, Mã Lai *Lõi nhựa đường kính 13mm *Giấy có sọc lưới ô ly đỏ, phủ quán hướng ra ngoài (R3) *Bản in đậm rõ nét.	Cuộn	800	Châu Á
194	PP2500467006	Que thử đường huyết	Que thử đường huyết	Que thử đường huyết 0.4ul, '- Sử dụng enzym GDH-FAD Công nghệ CoreSignal, CoreSense cho kết quả chính xác. - Hạn sử dụng sau khi mở nắp: lớn hơn hoặc bằng hạn sản xuất (24 tháng). - Cho kết quả thử đường huyết sau 05 giây. - Lấy mẫu chỉ 0.4ul, có cửa sổ báo máu. - Không giới hạn thời gian nạp máu - Không ảnh hưởng bởi nồng độ máu loãng hay đặc - Không bị sai số bởi thức ăn: có chế độ đo trước ăn, sau ăn. - Khoảng kết quả 20-600 mg/dl.	Que	5.000	Châu Á

Hạng mục số	Mã phần/ lô	Tên phần/ lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ
				- Hematocrit 15-65% - Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).			
195	PP2500467007	Dung dịch xịt dùng ngoài điều trị phòng ngừa loét do tỳ đè các loại	Dung dịch xịt dùng ngoài điều trị phòng ngừa loét do tỳ đè các loại	Băng vết thương dạng gel: Thành phần: Chiết xuất tế bào gốc nhung hươu (Cervus Nippon Velvet Extract) + Chiết xuất tảo spirulina (Spirulina Platensis Extract) + Chiết xuất nha đam (Aloe Barbadensis Leaf Extract) + Chiết xuất lá bỏng (Kalanchoe Pinnata Leaf Extract) + Glycosaminoglycan + Propanediol. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Cái	150	Việt Nam
196	PP2500467008	Khí AirMAC cho máy phát tia Plasma	Khí AirMAC cho máy phát tia Plasma	Sử dụng cho Máy phát tia Plasma lạnh hỗ trợ điều trị vết thương. Bệnh viện có sẵn. * Thành phần: - Bao gồm Argon độ tinh khiết 99,9995% - H ₂ O < 3 ppm; N ₂ < 5 ppm; Oxygen < 2ppm * Bình chứa: - Bình hợp kim nhôm dung tích 8 lít - Kích thước: 159 x 8 x 615(mm) - Kích thước bao gồm nắp: 159 x 8 x 730 (mm) - Áp suất an toàn của bình chứa: 250 Bar - Áp suất khí nén khi đầy: 130bar - Thể tích khí trong bình (Khigiải nén): 1.040 lít * Chuẩn kết nối: - Nối nhanh cơ khí: NTP G1/4 – 6 mm - Giao diện nối điện tử: HDMI * Sản phẩm là hỗn hợp khí trong bình, không bao gồm vỏ bình và các bộ phận đi kèm Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bình	50	Châu Á